VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2017/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2017*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 10 năm 2017.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH ĐỒNG THÁP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2017/TT-BTNMT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Đồng Tháp được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Đồng Tháp.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Đồng Tháp được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của từng nhóm đối tượng địa lý, gồm: dân cư, kinh tế - xã hội, thủy văn, sơn văn; các đơn vị hành chính cấp xã, gồm: thị trấn, xã; các đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: thành phố, thị xã và huyện. Trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: "TT." là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: "TP." là chữ viết tắt của "thành phố"; "TX." là chữ viết tắt của "thị xã" "H." là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh"; đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng

theo cột "Tọa độ trung tâm"; nếu đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

f) Địa danh trong ngoặc đơn (.) là địa danh trên bản đồ đính kèm Hiệp ước, Hiệp định và Nghị định thư phân giới cắm mốc.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH ĐỒNG THÁP

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Đồng Tháp gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Cao Lãnh	
2	Thành phố Sa Đéc	
3	Thị xã Hồng Ngự	
4	Huyện Cao Lãnh	
5	Huyện Châu Thành	
6	Huyện Hồng Ngự	
7	Huyện Lai Vung	
8	Huyện Lấp Vò	
9	Huyện Tam Nông	
10	Huyện Tân Hồng	
11	Huyện Thanh Bình	
12	Huyện Tháp Mười	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 1	DC	Phường 1	TP. Cao Lãnh	10° 27' 31"	105° 37' 55"					C-48-44-A-b
Khóm 2	DC	Phường 1	TP. Cao Lãnh	10° 28' 11"	105° 37' 28"					C-48-44-A-a
Khóm 3	DC	Phường 1	TP. Cao Lãnh	10° 28' 12"	105° 37' 50"					C-48-44-A-b
Khóm 4	DC	Phường 1	TP. Cao Lãnh	10° 27' 46"	105° 38' 18"					C-48-44-A-b
Khóm 5	DC	Phường 1	TP. Cao Lãnh	10° 28' 02"	105° 37' 59"					C-48-44-A-b
Quốc lộ 30	KX	Phường 1	TP. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-44-A-a; C-48-44-A-b
Đường 30 Tháng 4	KX	Phường 1	TP. Cao Lãnh			10° 27' 22"	105° 37' 56"	10° 28' 25"	105° 37' 12"	C-48-44-A-b
Cầu Đúc	KX	Phường 1	TP. Cao Lãnh	10° 27' 19"	105° 37' 51"					C-48-44-A-b
cầu Kênh Cụt	KX	Phường 1	TP. Cao Lãnh	10° 28' 25"	105° 37' 12"					C-48-44-A-a
di tích lịch sử Văn Thánh (Văn Thánh Miếu)	KX	Phường 1	TP. Cao Lãnh	10° 27' 46"	105° 38' 00"					C-48-44-A-b
đường Nguyễn Huệ	KX	Phường 1	TP. Cao Lãnh			10° 27' 40"	105° 38' 25"	10° 27' 22"	105° 37' 56"	C-48-44-A-b
nhà thờ công giáo Cao Lãnh	KX	Phường 1	TP. Cao Lãnh	10° 27' 33"	105° 37' 51"					C-48-44-A-b
sông Cao Lãnh	TV	Phường 1	TP. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
sông Đình Trung	TV	Phường 1	TP. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 37' 56"	10° 27' 09"	105° 39' 37"	C-48-44-A-b
sông Mỹ Ngãi	TV	Phường 1	TP. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 37' 56"	10° 29' 54"	105° 35' 11"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
Khóm 1	DC	Phường 2	TP. Cao Lãnh	10° 27' 15"	105° 38' 00"					C-48-44-A-b
Khóm 2	DC	Phường 2	TP. Cao Lãnh	10° 27' 22"	105° 38' 08"					C-48-44-A-b
Khóm 3	DC	Phường 2	TP. Cao Lãnh	10° 27' 32"	105° 38' 24"					C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 4	DC	Phường 2	TP. Cao Lãnh	10° 27' 09"	105° 38' 04"					C-48-44-A-b
Quốc lộ 30	KX	Phường 2	TP. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-44-A-b
Cầu Đúc	KX	Phường 2	TP. Cao Lãnh	10° 27' 19"	105° 37' 51"					C-48-44-A-b
di tích lịch sử Đền thờ Ông Bà Đỗ Công Tường	KX	Phường 2	TP. Cao Lãnh	10° 27' 13"	105° 38' 05"					C-48-44-A-b
đường Nguyễn Huệ	KX	Phường 2	TP. Cao Lãnh			10° 27' 40"	105° 38' 25"	10° 27' 22"	105° 37' 56"	C-48-44-A-b
nhà thờ tin lành Cao Lãnh	KX	Phường 2	TP. Cao Lãnh	10° 27' 34"	105° 38' 18"					C-48-44-A-b
tịnh xá Ngọc Linh	KX	Phường 2	TP. Cao Lãnh	10° 27' 09"	105° 38' 06"					C-48-44-A-b
sông Cao Lãnh	TV	Phường 2	TP. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-b
sông Đình Trung	TV	Phường 2	TP. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 37' 56"	10° 27' 09"	105° 39' 37"	C-48-44-A-b
khóm Mỹ Đức	DC	Phường 3	TP. Cao Lãnh	10° 26' 47"	105° 38' 39"					C-48-44-A-b
khóm Mỹ Hưng	DC	Phường 3	TP. Cao Lãnh	10° 27' 14"	105° 38' 48"					C-48-44-A-b
khóm Mỹ Long	DC	Phường 3	TP. Cao Lãnh	10° 27' 26"	105° 38' 32"					C-48-44-A-b
khóm Mỹ Phước	DC	Phường 3	TP. Cao Lãnh	10° 27' 05"	105° 38' 11"					C-48-44-A-b
khóm Mỹ Thiện	DC	Phường 3	TP. Cao Lãnh	10° 26' 49"	105° 39' 06"					C-48-44-A-b
chùa Linh Sơn	KX	Phường 3	TP. Cao Lãnh	10° 27' 01"	105° 38' 13"					C-48-44-A-b
chùa Quan Âm	KX	Phường 3	TP. Cao Lãnh	10° 27' 05"	105° 38' 09"					C-48-44-A-b
đường Hồ Chí Minh	KX	Phường 3	TP. Cao Lãnh			10° 32' 55"	105° 54' 05"	10° 19' 16"	105° 30' 22"	C-48-44-A-b
Nhà máy xử lý nước thải tỉnh Đồng Tháp	KX	Phường 3	TP. Cao Lãnh	10° 26' 48"	105° 40' 09"					C-48-44-A-b
thánh thất Họ đạo Cao Lãnh	KX	Phường 3	TP. Cao Lãnh	10° 27' 01"	105° 38' 07"					C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cái Sao Thượng	TV	Phường 3	TP. Cao Lãnh			10° 27' 09"	105° 39' 37"	10° 26' 41"	105° 40' 23"	C-48-44-A-b
sông Cao Lãnh	TV	Phường 3	TP. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-b
sông Đình Trung	TV	Phường 3	TP. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 37' 56"	10° 27' 09"	105° 39' 37"	C-48-44-A-b
Khóm 1	DC	Phường 4	TP. Cao Lãnh	10° 27' 26"	105° 37' 44"					C-48-44-A-b
Khóm 2	DC	Phường 4	TP. Cao Lãnh	10° 27' 22"	105° 37' 35"					C-48-44-A-b
Khóm 3	DC	Phường 4	TP. Cao Lãnh	10° 26' 57"	105° 37' 58"					C-48-44-A-b
Khóm 4	DC	Phường 4	TP. Cao Lãnh	10° 27' 00"	105° 37' 31"					C-48-44-A-b
Bảo tàng Đồng Tháp	KX	Phường 4	TP. Cao Lãnh	10° 27' 14"	105° 37' 51"					C-48-44-A-b
Cầu Đúc	KX	Phường 4	TP. Cao Lãnh	10° 27' 19"	105° 37' 51"					C-48-44-A-b
chùa Hòa Long	KX	Phường 4	TP. Cao Lãnh	10° 26' 53"	105° 37' 45"					C-48-44-A-b
khu di tích lịch sử Mộ cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc	KX	Phường 4	TP. Cao Lãnh	10° 26' 52"	105° 37' 45"					C-48-44-A-b
Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp	KX	Phường 4	TP. Cao Lãnh	10° 26' 58"	105° 38' 01"					C-48-44-A-b
rạch Ba Khía	TV	Phường 4	TP. Cao Lãnh			10° 27' 07"	105° 37' 41"	10° 26' 53"	105° 36' 31"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
rạch Cái Da	TV	Phường 4	TP. Cao Lãnh			10° 27' 13"	105° 37' 30"	10° 27' 25"	105° 36' 29"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
rạch Cái Sâu	TV	Phường 4	TP. Cao Lãnh			10° 28' 08"	105° 35' 34"	10° 27' 02"	105° 38' 02"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
rạch Cái Tôm	TV	Phường 4	TP. Cao Lãnh			10° 26' 50"	105° 38' 14"	10° 27' 02"	105° 35' 54"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
sông Cao Lãnh	TV	Phường 4	TP. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 1	DC	Phường 6	TP. Cao Lãnh	10° 25' 14"	105° 38' 35"					C-48-44-A-b
Khóm 2	DC	Phường 6	TP. Cao Lãnh	10° 25' 57"	105° 38' 38"					C-48-44-A-b
Khóm 3	DC	Phường 6	TP. Cao Lãnh	10° 26' 17"	105° 37' 57"					C-48-44-A-b
Khóm 4	DC	Phường 6	TP. Cao Lãnh	10° 25' 55"	105° 37' 51"					C-48-44-A-b
Khóm 5	DC	Phường 6	TP. Cao Lãnh	10° 25' 40"	105° 37' 58"					C-48-44-A-b
Khóm 6	DC	Phường 6	TP. Cao Lãnh	10° 25' 14"	105° 38' 07"					C-48-44-A-b
bến phà Cao Lãnh	KX	Phường 6	TP. Cao Lãnh	10° 24' 50"	105° 38' 33"					C-48-44-A-b
đình Tân Tịch	KX	Phường 6	TP. Cao Lãnh	10° 25' 23"	105° 38' 37"					C-48-44-A-b
Trường Đại học Đồng Tháp	KX	Phường 6	TP. Cao Lãnh	10° 25' 19"	105° 38' 29"					C-48-44-A-b
rạch Cá Chốt	TV	Phường 6	TP. Cao Lãnh			10° 26' 40"	105° 39' 16"	10° 25' 53"	105° 37' 56"	C-48-44-A-b
rạch Cái Bún	TV	Phường 6	TP. Cao Lãnh			10° 26' 43"	105° 38' 27"	10° 26' 35"	105° 37' 48"	C-48-44-A-b
rạch Cái Tôm	TV	Phường 6	TP. Cao Lãnh			10° 26' 50"	105° 38' 14"	10° 27' 02"	105° 35' 54"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
rạch Cần Quỵch	TV	Phường 6	TP. Cao Lãnh			10° 26' 41"	105° 38' 38"	10° 26' 29"	105° 37' 49"	C-48-44-A-b
rạch Khai Long	TV	Phường 6	TP. Cao Lãnh			10° 26' 28"	105° 38' 33"	10° 26' 21"	105° 37' 50"	C-48-44-A-b
rạch Khém Mía	TV	Phường 6	TP. Cao Lãnh			10° 26' 41"	105° 39' 36"	10° 26' 19"	105° 38' 08"	C-48-44-A-b
rạch Khém Mía	TV	Phường 6	TP. Cao Lãnh			10° 26' 07"	105° 37' 52"	10° 25' 59"	105° 37' 24"	C-48-44-A-b
rạch Long Sa	TV	Phường 6	TP. Cao Lãnh			10° 25' 03"	105° 38' 54"	10° 25' 22"	105° 38' 36"	C-48-44-A-b
rạch Sông Tiên	TV	Phường 6	TP. Cao Lãnh			10° 26' 11"	105° 41' 02"	10° 25' 49"	105° 38' 06"	C-48-44-A-b
sông Cao Lãnh	TV	Phường 6	TP. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-b
sông Hổ Cứ	TV	Phường 6	TP. Cao Lãnh			10° 26' 30"	105° 35' 12"	10° 24' 56"	105° 37' 42"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Tiền	TV	Phường 6	TP. Cao Lãnh			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-b
Khóm 1	DC	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 29' 03"	105° 35' 07"					C-48-44-A-a
Khóm 2	DC	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 29' 29"	105° 35' 45"					C-48-44-A-a
Khóm 3	DC	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 29' 50"	105° 35' 04"					C-48-44-A-a
Khóm 4	DC	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 30' 11"	105° 33' 50"					C-48-32-C-c
Khóm 5	DC	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 29' 11"	105° 34' 37"					C-48-44-A-a
Quốc lộ 30	KX	Phường 11	TP. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-32-C-c C-48-44-A-a
cảng Tân cảng Cao Lãnh	KX	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 29' 44"	105° 33' 59"					C-48-44-A-a
cầu Đạo Nằm	KX	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 29' 10"	105° 34' 50"					C-48-44-A-a
cầu Ông Kho	KX	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 30' 36"	105° 33' 42"					C-48-32-C-c
cầu Trần Quốc Toản	KX	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 29' 08"	105° 34' 54"					C-48-44-A-a
chùa Cao Minh	KX	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 28' 54"	105° 35' 17"					C-48-44-A-a
chùa Hoa Lâm	KX	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 29' 00"	105° 35' 12"					C-48-44-A-a
chùa Minh Bửu	KX	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 29' 12"	105° 34' 52"					C-48-44-A-a
đình Tân An	KX	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 28' 51"	105° 35' 27"					C-48-44-A-a
khu công nghiệp Trần Quốc Toản	KX	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 30' 28"	105° 33' 54"					C-48-44-A-a
nhà thờ công giáo Tân An	KX	Phường 11	TP. Cao Lãnh	10° 28' 58"	105° 35' 15"					C-48-44-A-a
kênh Đạo Nằm	TV	Phường 11	TP. Cao Lãnh			10° 29' 09"	105° 34' 50"	10° 29' 52"	105° 35' 12"	C-48-44-A-a
kênh Ông Kho	TV	Phường 11	TP. Cao Lãnh			10° 30' 33"	105° 33' 23"	10° 31' 28"	105° 37' 09"	C-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cao Lãnh	TV	Phường 11	TP. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-a
sông Mỹ Ngãi	TV	Phường 11	TP. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 37' 56"	10° 29' 54"	105° 35' 11"	C-48-44-A-a
Sông Tiền	TV	Phường 11	TP. Cao Lãnh			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-32-C-c C-48-44-A-a
khóm Thuận An	DC	P. Hòa Thuận	TP. Cao Lãnh	10° 28' 16"	105° 37' 12"					C-48-44-A-a
khóm Thuận Nghĩa	DC	P. Hòa Thuận	TP. Cao Lãnh	10° 27' 46"	105° 37' 04"					C-48-44-A-a
khóm Thuận Phát	DC	P. Hòa Thuận	TP. Cao Lãnh	10° 27' 31"	105° 37' 26"					C-48-44-A-a
khóm Thuận Phú	DC	P. Hòa Thuận	TP. Cao Lãnh	10° 27' 58"	105° 37' 30"					C-48-44-A-b
khóm Thuận Trung	DC	P. Hòa Thuận	TP. Cao Lãnh	10° 28' 16"	105° 36' 43"					C-48-44-A-a
Quốc lộ 30	KX	P. Mỹ Phú	TP. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-44-A-b
Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp	KX	P. Hòa Thuận	TP. Cao Lãnh	10° 27' 43"	105° 37' 24"					C-48-44-A-a
kênh Hòa Đông	TV	P. Hòa Thuận	TP. Cao Lãnh			10° 26' 32"	105° 36' 14"	10° 27' 50"	105° 37' 37"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
rạch Cái Sâu	TV	P. Hòa Thuận	TP. Cao Lãnh			10° 28' 08"	105° 35' 34"	10° 27' 02"	105° 38' 02"	C-48-44-A-a
rạch Xếp Lá	TV	P. Hòa Thuận	TP. Cao Lãnh			10° 27' 47"	105° 37' 31"	10° 28' 14"	105° 36' 58"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
sông Cao Lãnh	TV	P. Hòa Thuận	TP. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
khóm Mỹ Phú	DC	P. Mỹ Phú	TP. Cao Lãnh	10° 27' 37"	105° 38' 38"					C-48-44-A-b
khóm Mỹ Tây	DC	P. Mỹ Phú	TP. Cao Lãnh	10° 27' 57"	105° 38' 31"					C-48-44-A-b
khóm Mỹ Thuận	DC	P. Mỹ Phú	TP. Cao Lãnh	10° 28' 26"	105° 38' 24"					C-48-44-A-b
khóm Mỹ Thượng	DC	P. Mỹ Phú	TP. Cao Lãnh	10° 27' 21"	105° 39' 05"					C-48-44-A-b
khóm Mỹ Trung	DC	P. Mỹ Phú	TP. Cao Lãnh	10° 28' 18"	105° 38' 40"					C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Linh Bửu	KX	P. Mỹ Phú	TP. Cao Lãnh	10° 28' 11"	105° 38' 14"					C-48-44-A-b
đường tránh Quốc lộ 30	KX	P. Mỹ Phú	TP. Cao Lãnh			10° 27' 04"	105° 39' 56"	10° 30' 59"	105° 33' 34"	C-48-44-A-b
khu di tích Bia Tiền hiền Nguyễn Tú	KX	P. Mỹ Phú	TP. Cao Lãnh	10° 27' 46"	105° 38' 32"					C-48-44-A-b
khu du lịch Mỹ Trà	KX	P. Mỹ Phú	TP. Cao Lãnh	10° 28' 18"	105° 38' 12"					C-48-44-A-b
sông Đình Trung	TV	P. Mỹ Phú	TP. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 37' 56"	10° 27' 09"	105° 39' 37"	C-48-44-A-b
sông Quảng Khánh	TV	P. Mỹ Phú	TP. Cao Lãnh			10° 28' 19"	105° 38' 06"	10° 29' 29"	105° 39' 16"	C-48-44-A-b
ấp Đông Bình	DC	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh	10° 26' 36"	105° 36' 15"					C-48-44-A-a
ấp Hòa Hưng	DC	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh	10° 27' 36"	105° 36' 57"					C-48-44-A-a
ấp Hòa Khánh	DC	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh	10° 27' 24"	105° 37' 13"					C-48-44-A-a
ấp Hòa Lợi	DC	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh	10° 27' 08"	105° 35' 52"					C-48-44-A-a
ấp Hòa Long	DC	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh	10° 28' 32"	105° 36' 10"					C-48-44-A-a
ấp Hòa Mỹ	DC	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh	10° 27' 50"	105° 36' 06"					C-48-44-A-a
chùa Kim Quang	KX	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh	10° 26' 08"	105° 37' 06"					C-48-44-A-a
khu di tích Bia thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên - An Nam Cộng sản Đảng tỉnh Đồng Tháp	KX	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh	10° 26' 49"	105° 36' 30"					C-48-44-A-a
nhà thờ công giáo Tân Thuận Đông	KX	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh	10° 26' 44"	105° 36' 00"					C-48-44-A-a
kênh Hòa Đông	TV	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh			10° 26' 32"	105° 36' 14"	10° 27' 50"	105° 37' 37"	C-48-44-A-a
kênh Hòa Tây	TV	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh			10° 27' 04"	105° 35' 49"	10° 28' 28"	105° 36' 45"	C-48-44-A-a
kênh Sáu Quốc	TV	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh			10° 28' 35"	105° 35' 55"	10° 27' 50"	105° 36' 24"	C-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ba Khía	TV	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh			10° 27' 07"	105° 37' 41"	10° 26' 53"	105° 36' 31"	C-48-44-A-a
rạch Cái Da	TV	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh			10° 27' 13"	105° 37' 30"	10° 27' 25"	105° 36' 29"	C-48-44-A-a
rạch Cái Sâu	TV	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh			10° 28' 08"	105° 35' 34"	10° 27' 02"	105° 38' 02"	C-48-44-A-a
rạch Cái Tôm	TV	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh			10° 26' 50"	105° 38' 14"	10° 27' 02"	105° 35' 54"	C-48-44-A-a
sông Cao Lãnh	TV	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-a
sông Hổ Cứ	TV	xã Hòa An	TP. Cao Lãnh			10° 26' 30"	105° 35' 12"	10° 24' 56"	105° 37' 42"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
Ấp 1	DC	xã Mỹ Ngãi	TP. Cao Lãnh	10° 30' 39"	105° 34' 23"					C-48-32-C-c
Ấp 2	DC	xã Mỹ Ngãi	TP. Cao Lãnh	10° 29' 59"	105° 35' 16"					C-48-44-A-a
Ấp 3	DC	xã Mỹ Ngãi	TP. Cao Lãnh	10° 29' 39"	105° 35' 59"					C-48-44-A-a
chùa Vân Lôi	KX	xã Mỹ Ngãi	TP. Cao Lãnh	10° 30' 09"	105° 35' 19"					C-48-32-C-c
đường tránh Quốc lộ 30	KX	xã Mỹ Ngãi	TP. Cao Lãnh			10° 27' 04"	105° 39' 56"	10° 30' 59"	105° 33' 34"	C-48-32-C-c C-48-44-A-a
tịnh thất Giác Linh	KX	xã Mỹ Ngãi	TP. Cao Lãnh	10° 29' 43"	105° 35' 25"					C-48-44-A-a
kênh Ông Kho	TV	xã Mỹ Ngãi	TP. Cao Lãnh			10° 30' 33"	105° 33' 23"	10° 31' 28"	105° 37' 09"	C-48-32-C-c
kênh Vạn Thọ	TV	xã Mỹ Ngãi	TP. Cao Lãnh			10° 29' 22"	105° 36' 00"	10° 30' 58"	105° 36' 36"	C-48-32-C-c C-48-44-A-a
rạch Cả Gừa	TV	xã Mỹ Ngãi	TP. Cao Lãnh			10° 30' 51"	105° 35' 16"	10° 30' 38"	105° 35' 35"	C-48-32-C-c
rạch Cái sao	TV	xã Mỹ Ngãi	TP. Cao Lãnh			10° 29' 54"	105° 35' 11"	10° 30' 38"	105° 35' 35"	C-48-32-C-c C-48-44-A-a
sông Mỹ Ngãi	TV	xã Mỹ Ngãi	TP. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 37' 56"	10° 29' 54"	105° 35' 11"	C-48-44-A-a
Ấp 1	DC	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 28' 31"	105° 36' 51"					C-48-44-A-a
Ấp 2	DC	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 29' 21"	105° 36' 11"					C-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 3	DC	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 28' 14"	105° 37' 37"					C-48-44-A-b
Ấp 4	DC	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 29' 33"	105° 37' 27"					C-48-44-A-a
Quốc lộ 30	KX	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-44-A-a
Bệnh viện Tâm Trí	KX	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 28' 37"	105° 36' 37"					C-48-44-A-a
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Tháp	KX	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 28' 23"	105° 37' 29"					C-48-44-A-a
cầu Cả Đức	KX	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 28' 38"	105° 36' 03"					C-48-44-A-a
cầu Kênh Cụt	KX	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 28' 25"	105° 37' 12"					C-48-44-A-a
chùa Bạch Liên	KX	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 28' 42"	105° 36' 05"					C-48-44-A-a
chùa Bửu Lâm	KX	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 28' 59"	105° 36' 52"					C-48-44-A-a
chùa Khánh An	KX	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 28' 39"	105° 36' 20"					C-48-44-A-a
di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Mỹ Ngãi	KX	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 28' 47"	105° 37' 04"					C-48-44-A-a
di tích lịch sử Tam vị đại thần Thống Linh, Thống Chiếu, Thống Bình	KX	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh	10° 28' 51"	105° 36' 44"					C-48-44-A-a
đường tránh Quốc lộ 30	KX	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh			10° 27' 04"	105° 39' 56"	10° 30' 59"	105° 33' 34"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
kênh Bà Học	TV	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh			10° 29' 24"	105° 37' 03"	10° 30' 29"	105° 37' 56"	C-48-32-C-d C-48-44-A-a C-48-44-A-b
kênh Kháng Chiến	TV	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh			10° 29' 06"	105° 37' 44"	10° 29' 17"	105° 37' 26"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Vạn Thọ	TV	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh			10° 29' 22"	105° 36' 00"	10° 30' 58"	105° 36' 36"	C-48-32-C-c C-48-44-A-a
rạch Bà Vại	TV	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 37' 56"	10° 29' 59"	105° 38' 05"	C-48-44-A-b
rạch Cả Oanh	TV	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh			10° 29' 59"	105° 38' 05"	10° 31' 16"	105° 38' 45"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
sông Cao Lãnh	TV	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-a
sông Mỹ Ngãi	TV	xã Mỹ Tân	TP. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 37' 56"	10° 29' 54"	105° 35' 11"	C-48-44-A-a
Ấp 1	DC	xã Mỹ Trà	TP. Cao Lãnh	10° 28' 46"	105° 38' 30"					C-48-44-A-b
Ấp 2	DC	xã Mỹ Trà	TP. Cao Lãnh	10° 29' 22"	105° 38' 21"					C-48-44-A-b
Ấp 3	DC	xã Mỹ Trà	TP. Cao Lãnh	10° 28' 26"	105° 37' 53"					C-48-44-A-b
cầu Mương Khai	KX	xã Mỹ Trà	TP. Cao Lãnh	10° 29' 05"	105° 38' 23"					C-48-44-A-b
đường tránh Quốc lộ 30	KX	xã Mỹ Trà	TP. Cao Lãnh			10° 27' 04"	105° 39' 56"	10° 30' 59"	105° 33' 34"	C-48-44-A-b
rạch Bà Vại	TV	xã Mỹ Trà	TP. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 37' 56"	10° 29' 59"	105° 38' 05"	C-48-44-A-b
rạch Cả Môn	TV	xã Mỹ Trà	TP. Cao Lãnh			10° 29' 59"	105° 38' 05"	10° 29' 44"	105° 39' 46"	C-48-32-C-d C-48-44-A-b
rạch Mương Khai	TV	xã Mỹ Trà	TP. Cao Lãnh			10° 28' 34"	105° 38' 19"	10° 29' 39"	105° 38' 26"	C-48-44-A-b
sông Đình Trung	TV	xã Mỹ Trà	TP. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 37' 56"	10° 27' 09"	105° 39' 37"	C-48-44-A-b
sông Quảng Khánh	TV	xã Mỹ Trà	TP. Cao Lãnh			10° 28' 19"	105° 38' 06"	10° 29' 29"	105° 39' 16"	C-48-44-A-b
ấp Đông Định	DC	xã Tân Thuận Đông	TP. Cao Lãnh	10° 25' 48"	105° 34' 47"					C-48-44-A-a
ấp Đông Hòa	DC	xã Tân Thuận Đông	TP. Cao Lãnh	10° 25' 24"	105° 36' 12"					C-48-44-A-a
ấp Đông Thạnh	DC	xã Tân Thuận Đông	TP. Cao Lãnh	10° 25' 52"	105° 36' 34"					C-48-44-A-a
ấp Tân Phát	DC	xã Tân Thuận Đông	TP. Cao Lãnh	10° 24' 57"	105° 36' 44"					C-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Đông Hòa Tự	KX	xã Tân Thuận Đông	TP. Cao Lãnh	10° 26' 04"	105° 35' 02"					C-48-44-A-a
Cồn Lân	TV	xã Tân Thuận Đông	TP. Cao Lãnh	10° 25' 39"	105° 34' 59"					C-48-44-A-a
rạch Hồ Chúa Can	TV	xã Tân Thuận Đông	TP. Cao Lãnh			10° 25' 32"	105° 37' 14"	10° 26' 16"	105° 35' 34"	C-48-44-A-a
rạch Khém Lớn	TV	xã Tân Thuận Đông	TP. Cao Lãnh			10° 25' 11"	105° 37' 25"	10° 25' 18"	105° 35' 54"	C-48-44-A-a
sông Hổ Cứ	TV	xã Tân Thuận Đông	TP. Cao Lãnh			10° 26' 30"	105° 35' 12"	10° 24' 56"	105° 37' 42"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
Sông Tiền	TV	xã Tân Thuận Đông	TP. Cao Lãnh			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
ấp Tân Chủ	DC	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh	10° 27' 05"	105° 35' 25"					C-48-44-A-a
ấp Tân Dân	DC	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh	10° 28' 16"	105° 35' 05"					C-48-44-A-a
ấp Tân Hậu	DC	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh	10° 27' 36"	105° 34' 43"					C-48-44-A-a
ấp Tân Hùng	DC	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh	10° 29' 04"	105° 34' 47"					C-48-44-A-a
chùa Bạch Liên	KX	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh	10° 28' 39"	105° 35' 28"					C-48-44-A-a
chùa Hồng Liên	KX	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh	10° 27' 25"	105° 35' 02"					C-48-44-A-a
chùa Tân Đức	KX	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh	10° 28' 58"	105° 34' 34"					C-48-44-A-a
chùa Tân Long	KX	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh	10° 28' 32"	105° 35' 03"					C-48-44-A-a
chùa Thiên Đà	KX	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh	10° 28' 05"	105° 35' 01"					C-48-44-A-a
khu di tích lịch sử Mộ cụ Nguyễn Quang Diêu	KX	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh	10° 26' 40"	105° 35' 56"					C-48-44-A-a
miếu Bảy Bà	KX	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh	10° 27' 50"	105° 34' 57"					C-48-44-A-a
tịnh thất Hồng Phúc	KX	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh	10° 29' 02"	105° 34' 40"					C-48-44-A-a
rạch Cả Kích	TV	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 34' 37"	10° 26' 41"	105° 35' 50"	C-48-44-A-a
sông Cao Lãnh	TV	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Hổ Cứ	TV	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh			10° 26' 30"	105° 35' 12"	10° 24' 56"	105° 37' 42"	C-48-44-A-a
Sông Tiền	TV	xã Tân Thuận Tây	TP. Cao Lãnh			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-a
ấp Tân Tịch	DC	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 25' 31"	105° 38' 58"					C-48-44-A-b
ấp Tịnh Châu	DC	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 26' 29"	105° 38' 56"					C-48-44-A-b
ấp Tịnh Đông	DC	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 26' 39"	105° 39' 08"					C-48-44-A-b
ấp Tịnh Hưng	DC	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 25' 10"	105° 39' 59"					C-48-44-A-b
ấp Tịnh Long	DC	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 26' 21"	105° 40' 12"					C-48-44-A-b
ấp Tịnh Mỹ	DC	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 25' 33"	105° 40' 32"					C-48-44-A-b
cầu Cao Lãnh	KX	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 24' 49"	105° 39' 00"					C-48-44-A-b
chùa Hội Khánh	KX	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 26' 27"	105° 40' 49"					C-48-44-A-b
chùa Phật Huệ	KX	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 25' 21"	105° 38' 54"					C-48-44-A-b
chùa Tân Long	KX	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 25' 18"	105° 39' 00"					C-48-44-A-b
chùa Thới An	KX	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 25' 06"	105° 40' 03"					C-48-44-A-b
chùa Thới Hòa	KX	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 25' 05"	105° 40' 24"					C-48-44-A-b
chùa Thới Long	KX	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 24' 53"	105° 40' 55"					C-48-44-A-b
đình Tịnh Mỹ	KX	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh	10° 25' 37"	105° 40' 24"					C-48-44-A-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh			10° 32' 55"	105° 54' 05"	10° 19' 16"	105° 30' 22"	C-48-44-A-b
rạch Cá Chốt	TV	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh			10° 26' 40"	105° 39' 16"	10° 25' 53"	105° 37' 56"	C-48-44-A-b
rạch Cái Nâu	TV	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh			10° 26' 41"	105° 39' 36"	10° 26' 19"	105° 38' 08"	C-48-44-A-b
Rạch Chùa	TV	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh			10° 25' 31"	105° 40' 30"	10° 26' 15"	105° 39' 44"	C-48-44-A-b
rạch Khém Bần	TV	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh			10° 26' 38"	105° 40' 19"	10° 26' 28"	105° 39' 14"	C-48-44-A-b
rạch Long Hồi	TV	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh			10° 25' 05"	105° 40' 02"	10° 26' 32"	105° 39' 07"	C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Long Sa	TV	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh			10° 25' 03"	105° 38' 54"	10° 25' 22"	105° 38' 36"	C-48-44-A-b
rạch Long Sơn	TV	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh			10° 24' 46"	105° 41' 10"	10° 25' 31"	105° 40' 30"	C-48-44-A-b
rạch Long Sung	TV	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh			10° 25' 40"	105° 41' 07"	10° 25' 41"	105° 40' 23"	C-48-44-A-b
rạch Sông Tiên	TV	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh			10° 26' 11"	105° 41' 02"	10° 25' 49"	105° 38' 06"	C-48-44-A-b
sông Cao Lãnh	TV	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-b
Sông Tiền	TV	xã Tịnh Thới	TP. Cao Lãnh			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-b
Khóm 1	DC	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 55"	105° 45' 47"					C-48-44-B-c
Khóm 2	DC	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 48"	105° 45' 39"					C-48-44-B-c
Khóm 3	DC	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 18' 30"	105° 45' 12"					C-48-44-B-c
Khóm 4	DC	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 34"	105° 45' 42"					C-48-44-B-c
Khóm 5	DC	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 35"	105° 45' 21"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 80	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-B-c
chùa Bảo An	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 18' 39"	105° 45' 02"					C-48-44-B-c
chùa Bửu Vương	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 40"	105° 45' 32"					C-48-44-B-c
chùa Hải Huệ	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 39"	105° 45' 51"					C-48-44-B-c
chùa Kim Huê	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 46"	105° 45' 37"					C-48-44-B-c
chùa Long An	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 18' 29"	105° 45' 13"					C-48-44-B-c
chùa Minh Hòa	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 18' 04"	105° 45' 38"					C-48-44-B-c
chùa Phổ Nguyện	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 41"	105° 45' 30"					C-48-44-B-c
chùa Phước Huệ	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 18' 46"	105° 44' 50"					C-48-44-B-c
chùa Phước Hưng	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 52"	105° 45' 43"					C-48-44-B-c
chùa Phước Thạnh	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 18' 05"	105° 45' 36"					C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Quãng Phước	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 18' 01"	105° 45' 39"					C-48-44-B-c
chùa Thanh Lương	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 31"	105° 45' 35"					C-48-44-B-c
chùa Thanh Thiền	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 39"	105° 45' 34"					C-48-44-B-c
chùa Thiền Huệ	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 32"	105° 45' 36"					C-48-44-B-c
chùa Từ Nguyên	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 18' 38"	105° 45' 03"					C-48-44-B-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Thiên Hậu	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 51"	105° 45' 50"					C-48-44-B-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Vĩnh Phước	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 48"	105° 45' 52"					C-48-44-B-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Tân Quy Tây	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 42"	105° 45' 31"					C-48-44-B-c
di tích lịch sử Chùa Bửu Quang	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 51"	105° 45' 44"					C-48-44-B-c
đường Nguyễn Sinh Sắc	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc			10° 16' 53"	105° 46' 43"	10° 16' 45"	105° 43' 56"	C-48-44-A-d C-48-44-B-c
hội quán Hưng Trung Tự	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 43"	105° 45' 48"					C-48-44-B-c
nhà thờ Tin Lành Sa Đéc	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 35"	105° 45' 53"					C-48-44-B-c
tịnh xá Ngọc Hương	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 32"	105° 45' 37"					C-48-44-B-c
tịnh xá Ngọc Quang	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 17' 36"	105° 45' 49"					C-48-44-B-c
Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp	KX	Phường 1	TP. Sa Đéc	10° 18' 31"	105° 45' 07"					C-48-44-B-c
rạch Cái Sơn	TV	Phường 1	TP. Sa Đéc			10° 17' 46"	105° 45' 25"	10° 17' 45"	105° 45' 59"	C-48-44-A-d
rạch Nàng Hai	TV	Phường 1	TP. Sa Đéc			10° 17' 46"	105° 45' 25"	10° 18' 52"	105° 44' 49"	C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Sa Đéc	TV	Phường 1	TP. Sa Đéc			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-B-c C-48-44-A-d
Khóm 1	DC	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 37"	105° 45' 58"					C-48-44-B-c
Khóm 2	DC	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 22"	105° 45' 24"					C-48-44-B-c
khóm Hòa An	DC	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 16' 55"	105° 46' 39"					C-48-44-B-c
khóm Hòa Khánh	DC	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 11"	105° 46' 19"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 80	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-B-c
Đường tỉnh 848	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc			10° 16' 49"	105° 45' 20"	10° 25' 53"	105° 32' 59"	C-48-44-B-c
bến ô tô hàng và bến Thủy nội địa Sa Đéc	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 02"	105° 46' 32"					C-48-44-B-c
Bệnh viện Đa khoa thành phố Sa Đéc	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 21"	105° 46' 10"					C-48-44-B-c
cầu Bình Tiên	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 16' 59"	105° 46' 13"					C-48-44-B-c
cầu Hòa Khánh	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 29"	105° 46' 02"					C-48-44-B-c
cầu Ngã Bát	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 10"	105° 45' 09"					C-48-44-B-c
cầu Rạch Rắn	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 15"	105° 45' 53"					C-48-44-B-c
chùa Phước Lâm	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 16' 53"	105° 46' 41"					C-48-44-B-c
chùa Phước Thành	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 22"	105° 45' 58"					C-48-44-B-c
chùa Thanh Tịnh	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 18"	105° 45' 57"					C-48-44-B-c
chùa Từ Quang	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 26"	105° 45' 39"					C-48-44-B-c
chùa Từ Thuyền	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 28"	105° 45' 42"					C-48-44-B-c
chùa Vạn Bửu	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 20"	105° 45' 58"					C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Kiến An Cung	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 44"	105° 45' 55"					C-48-44-B-c
đường Nguyễn Sinh Sắc	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc			10° 16' 53"	105° 46' 43"	10° 16' 45"	105° 43' 56"	C-48-44-B-c
đường tránh Quốc lộ 80	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc			10° 17' 15"	105° 46' 16"	10° 16' 45"	105° 43' 38"	C-48-44-B-c
nhà thờ công giáo Hòa Khánh	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 31"	105° 46' 06"					C-48-44-B-c
tịnh thất Minh Châu	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 18"	105° 45' 48"					C-48-44-B-c
tịnh xá Ngọc Luân	KX	Phường 2	TP. Sa Đéc	10° 17' 05"	105° 46' 24"					C-48-44-B-c
kênh Đội Thơ	TV	Phường 2	TP. Sa Đéc			10° 16' 41"	105° 44' 01"	10° 17' 15"	105° 46' 04"	C-48-44-B-c
rạch Cần Thơ	TV	Phường 2	TP. Sa Đéc			10° 15' 00"	105° 45' 05"	10° 17' 37"	105° 46' 05"	C-48-44-B-c
sông Bình Tiên	TV	Phường 2	TP. Sa Đéc			10° 15' 08"	105° 45' 39"	10° 17' 15"	105° 46' 04"	C-48-44-B-c
sông Sa Đéc	TV	Phường 2	TP. Sa Đéc			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-B-c
Khóm 1	DC	Phường 3	TP. Sa Đéc	10° 18' 15"	105° 45' 41"					C-48-44-B-c
Khóm 2	DC	Phường 3	TP. Sa Đéc	10° 18' 16"	105° 45' 48"					C-48-44-B-c
Khóm 3	DC	Phường 3	TP. Sa Đéc	10° 18' 31"	105° 45' 32"					C-48-44-A-d
thánh thất họ đạo Phường 3	KX	Phường 3	TP. Sa Đéc	10° 18' 08"	105° 45' 43"					C-48-44-B-c
bến phà Sa Đéc	KX	Phường 3	TP. Sa Đéc	10° 18' 32"	105° 45' 41"					C-48-44-B-c
điện thờ Phật Mẫu Họ đạo Phường 3	KX	Phường 3	TP. Sa Đéc	10° 18' 12"	105° 45' 41"					C-48-44-B-c
nhà thờ công giáo Tân Qui	KX	Phường 3	TP. Sa Đéc	10° 18' 00"	105° 45' 50"					C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thánh thất Phường 3	KX	Phường 3	TP. Sa Đéc	10° 18' 40"	105° 45' 35"					C-48-44-B-c
Trường Cao đẳng Nghề Đồng Tháp	KX	Phường 3	TP. Sa Đéc	10° 17' 57"	105° 45' 55"					C-48-44-B-c
sông Sa Đéc	TV	Phường 3	TP. Sa Đéc			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-B-c
Sông Tiền	TV	Phường 3	TP. Sa Đéc			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-B-c
Khóm 1	DC	Phường 4	TP. Sa Đéc	10° 17' 45"	105° 46' 08"					C-48-44-B-c
Khóm 2	DC	Phường 4	TP. Sa Đéc	10° 17' 26"	105° 46' 23"					C-48-44-B-c
cầu Cái Đôi	KX	Phường 4	TP. Sa Đéc	10° 17' 17"	105° 46' 35"					C-48-44-B-c
chùa Hoài Tây	KX	Phường 4	TP. Sa Đéc	10° 17' 33"	105° 46' 17"					C-48-44-B-c
chùa Phước An	KX	Phường 4	TP. Sa Đéc	10° 17' 44"	105° 46' 08"					C-48-44-B-c
chùa Quan Âm	KX	Phường 4	TP. Sa Đéc	10° 17' 48"	105° 46' 05"					C-48-44-B-c
rạch Cái Đôi	TV	Phường 4	TP. Sa Đéc			10° 17' 13"	105° 46' 31"	10° 17' 20"	105° 46' 40"	C-48-44-B-c
sông Sa Đéc	TV	Phường 4	TP. Sa Đéc			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-B-c
Sông Tiền	TV	Phường 4	TP. Sa Đéc			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-B-c
khóm Tân An	DC	P. An Hòa	TP. Sa Đéc	10° 18' 04"	105° 44' 20"					C-48-44-A-d
khóm Tân Bình	DC	P. An Hòa	TP. Sa Đéc	10° 17' 40"	105° 44' 53"					C-48-44-A-d
khóm Tân Hòa	DC	P. An Hòa	TP. Sa Đéc	10° 18' 50"	105° 44' 38"					C-48-44-A-d
khóm Tân Thuận	DC	P. An Hòa	TP. Sa Đéc	10° 18' 29"	105° 44' 55"					C-48-44-A-d
Quốc lộ 80	KX	P. An Hòa	TP. Sa Đéc			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-A-d
Đường tỉnh 848	KX	P. An Hòa	TP. Sa Đéc			10° 16' 49"	105° 45' 20"	10° 25' 53"	105° 32' 59"	C-48-44-A-d
Đường tỉnh 852	KX	P. An Hòa	TP. Sa Đéc			10° 18' 47"	105° 44' 39"	10° 16' 53"	105° 38' 30"	C-48-44-A-d
cầu Cao Mên	KX	P. An Hòa	TP. Sa Đéc	10° 19' 16"	105° 44' 00"					C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Rạch Rẫy	KX	P. An Hòa	TP. Sa Đéc	10° 17' 48"	105° 44' 49"					C-48-44-A-d
cầu Sa Đéc	KX	P. An Hòa	TP. Sa Đéc	10° 18' 54"	105° 44' 49"					C-48-44-A-d
cầu Tân An	KX	P. An Hòa	TP. Sa Đéc	10° 18' 04"	105° 44' 41"					C-48-44-A-d
chùa Linh Quang	KX	P. An Hòa	TP. Sa Đéc	10° 18' 02"	105° 44' 40"					C-48-44-A-d
chùa Phước Linh	KX	P. An Hòa	TP. Sa Đéc	10° 18' 23"	105° 44' 53"					C-48-44-A-d
chùa Tây Hưng	KX	P. An Hòa	TP. Sa Đéc	10° 18' 44"	105° 44' 42"					C-48-44-A-d
đường Nguyễn Sinh Sắc	KX	P. An Hòa	TP. Sa Đéc			10° 16' 53"	105° 46' 43"	10° 16' 45"	105° 43' 56"	C-48-44-A-d
kênh KC1	TV	P. An Hòa	TP. Sa Đéc			10° 18' 26"	105° 44' 27"	10° 18' 02"	105° 43' 29"	C-48-44-A-d
kênh Trâm Bầu	TV	P. An Hòa	TP. Sa Đéc			10° 18' 06"	105° 43' 54"	10° 17' 41"	105° 44' 08"	C-48-44-A-d
rạch Cao Mên dưới	TV	P. An Hòa	TP. Sa Đéc			10° 19' 07"	105° 44' 02"	10° 18' 26"	105° 44' 27"	C-48-44-A-d
rạch Cao Mên trên	TV	P. An Hòa	TP. Sa Đéc			10° 18' 10"	105° 43' 52"	10° 19' 20"	105° 44' 03"	C-48-44-A-d
Rạch Chùa	TV	P. An Hòa	TP. Sa Đéc			10° 17' 33"	105° 44' 00"	10° 18' 10"	105° 44' 50"	C-48-44-A-d
rạch Nàng Hai	TV	P. An Hòa	TP. Sa Đéc			10° 17' 46"	105° 45' 25"	10° 18' 52"	105° 44' 49"	C-48-44-A-d
khóm Sa Nhiên	DC	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc	10° 19' 14"	105° 44' 48"					C-48-44-A-d
khóm Tân Hiệp	DC	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc	10° 19' 23"	105° 44' 08"					C-48-44-A-d
khóm Tân Huề	DC	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc	10° 19' 44"	105° 43' 46"					C-48-44-A-d
khóm Tân Mỹ	DC	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc	10° 18' 53"	105° 45' 25"					C-48-44-B-c
Đường tỉnh 848	KX	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc			10° 16' 49"	105° 45' 20"	10° 25' 53"	105° 32' 59"	C-48-44-A-d
cầu Sa Đéc	KX	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc	10° 18' 54"	105° 44' 49"					C-48-44-A-d
chùa Long Phước	KX	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc	10° 18' 59"	105° 44' 48"					C-48-44-A-d
chùa Vạn Hạnh	KX	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc	10° 19' 42"	105° 43' 16"					C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Tân Quy Đông	KX	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc	10° 18' 39"	105° 45' 17"					C-48-44-B-c
khu công nghiệp Sa Đéc C	KX	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc	10° 19' 16"	105° 45' 09"					C-48-44-B-c
Kênh 19 Tháng 5	TV	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc			10° 21' 20"	105° 42' 10"	10° 20' 06"	105° 43' 00"	C-48-44-A-d
rạch Cai Dao	TV	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc			10° 19' 38"	105° 44' 20"	10° 19' 41"	105° 43' 50"	C-48-44-A-d
rạch Cái Sơn	TV	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc			10° 20' 06"	105° 43' 00"	10° 19' 21"	105° 42' 49"	C-48-44-A-d
rạch Sa Nhiên	TV	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc			10° 22' 01"	105° 42' 31"	10° 18' 56"	105° 44' 49"	C-48-44-A-d
rạch Tứ Quí	TV	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc			10° 20' 00"	105° 43' 25"	10° 19' 25"	105° 43' 13"	C-48-44-A-d
sông Sa Đéc	TV	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-A-d C-48-44-B-c
Sông Tiền	TV	P. Tân Quy Đông	TP. Sa Đéc			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-b C-48-44-A-d C-48-44-B-c
ấp Đông Giang	DC	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 22' 08"	105° 43' 58"					C-48-44-A-d
ấp Đông Huề	DC	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 22' 03"	105° 43' 10"					C-48-44-A-d
ấp Đông Khánh	DC	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 21' 15"	105° 43' 51"					C-48-44-A-d
ấp Đông Quới	DC	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 20' 40"	105° 44' 25"					C-48-44-A-d
ấp Khánh Hòa	DC	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 19' 41"	105° 44' 42"					C-48-44-A-d
ấp Khánh Nghĩa	DC	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 21' 35"	105° 42' 56"					C-48-44-A-d
ấp Khánh Nhơn	DC	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 20' 56"	105° 43' 41"					C-48-44-A-d
cầu Cái Bè	KX	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 20' 10"	105° 44' 27"					C-48-44-A-d
chùa Giác Long	KX	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 22' 22"	105° 42' 46"					C-48-44-A-d
chùa Linh Phước	KX	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 21' 11"	105° 43' 51"					C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Minh Phước	KX	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 21' 46"	105° 43' 29"					C-48-44-A-d
chùa Phước Đức	KX	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 21' 53"	105° 42' 32"					C-48-44-A-d
chùa Phước Thiền	KX	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 21' 59"	105° 43' 10"					C-48-44-A-d
chùa Thường Quang	KX	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 19' 36"	105° 44' 52"					C-48-44-A-d
chùa Vạn Phước	KX	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 21' 10"	105° 43' 19"					C-48-44-A-d
đình Tân Đông	KX	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 20' 47"	105° 44' 14"					C-48-44-A-d
đình Tân Khánh	KX	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 21' 18"	105° 43' 11"					C-48-44-A-d
Đường tỉnh 848	KX	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc			10° 16' 49"	105° 45' 20"	10° 25' 53"	105° 32' 59"	C-48-44-A-d
khu công nghiệp Sa Đéc C	KX	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc	10° 19' 16"	105° 45' 09"					C-48-44-A-d
Kênh 19 Tháng 5	TV	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc			10° 21' 20"	105° 42' 10"	10° 20' 06"	105° 43' 00"	C-48-44-A-d
rạch Cái Bè	TV	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc			10° 20' 11"	105° 44' 22"	10° 20' 35"	105° 44' 49"	C-48-44-A-d
rạch Sa Nhiên	TV	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc			10° 22' 01"	105° 42' 31"	10° 18' 56"	105° 44' 49"	C-48-44-A-d
Sông Tiền	TV	xã Tân Khánh Đông	TP. Sa Đéc			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-b C-48-44-A-d C-48-44-B-c
ấp Phú An	DC	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 16' 58"	105° 45' 44"					C-48-44-B-c
ấp Phú Hòa	DC	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 16' 29"	105° 46' 15"					C-48-44-B-c
ấp Phú Long	DC	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 16' 52"	105° 44' 22"					C-48-44-A-d
ấp Phú Thành	DC	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 16' 29"	105° 43' 38"					C-48-44-A-d
ấp Phú Thuận	DC	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 17' 07"	105° 45' 45"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 80	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-A-d C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 848	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 16' 49"	105° 45' 20"	10° 25' 53"	105° 32' 59"	C-48-44-B-c
Đường tỉnh 853	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 17' 06"	105° 45' 59"	10° 09' 55"	105° 40' 55"	C-48-44-B-c
cầu Bà Phủ	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 16' 49"	105° 43' 03"					C-48-44-A-d
cầu Bình Tiên	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 16' 59"	105° 46' 13"					C-48-44-B-c
cầu Cái Cỏ	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 16' 49"	105° 44' 02"					C-48-44-A-d
cầu Ngã Bát	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 17' 10"	105° 45' 09"					C-48-44-B-c
cầu Rạch Rắn	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 17' 15"	105° 45' 53"					C-48-44-B-c
chùa Liên Hoa	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 17' 02"	105° 45' 59"					C-48-44-A-d
chùa Phước Hòa	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 16' 53"	105° 45' 35"					C-48-44-B-c
đình thần Tân Phú Đông	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 16' 40"	105° 44' 04"					C-48-44-A-d
đường Nguyễn Sinh Sắc	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 16' 53"	105° 46' 43"	10° 16' 45"	105° 43' 56"	C-48-44-A-d C-48-44-B-c
đường tránh Quốc lộ 80	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 17' 15"	105° 46' 16"	10° 16' 45"	105° 43' 38"	C-48-44-A-d C-48-44-B-c
nhà thờ công giáo Phú Long	KX	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 16' 42"	105° 43' 55"					C-48-44-A-d
Hồ Dương	TV	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc	10° 17' 06"	105° 44' 24"					C-48-44-A-d
kênh Bảy Dây	TV	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 16' 09"	105° 43' 04"	10° 15' 50"	105° 43' 48"	C-48-44-A-d
kênh Chà Bông	TV	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 15' 44"	105° 43' 45"	10° 15' 58"	105° 43' 00"	C-48-44-A-d
Kênh Cùng	TV	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 15' 25"	105° 41' 33"	10° 16' 41"	105° 44' 01"	C-48-44-A-d
kênh Đốc Phủ Hiền	TV	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 17' 17"	105° 45' 45"	10° 15' 18"	105° 43' 59"	C-48-44-A-d C-48-44-B-c C-48-44-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đội Thơ	TV	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 16' 41"	105° 44' 01"	10° 17' 15"	105° 46' 04"	C-48-44-A-d C-48-44-B-c
kênh Họa Đồ	TV	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 16' 41"	105° 44' 01"	10° 17' 13"	105° 39' 31"	C-48-44-A-d
rạch Ngã Cạy	TV	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 16' 37"	105° 44' 36"	10° 17' 05"	105° 45' 52"	C-48-44-A-d C-48-44-B-c
rạch Xẻo Tre	TV	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 15' 58"	105° 44' 13"	10° 16' 41"	105° 44' 01"	C-48-44-A-d
sông Bình Tiên	TV	xã Tân Phú Đông	TP. Sa Đéc			10° 15' 08"	105° 45' 39"	10° 17' 15"	105° 46' 04"	C-48-44-B-c
ấp Tân Lập	DC	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc	10° 19' 03"	105° 43' 28"					C-48-44-A-d
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc	10° 19' 06"	105° 43' 57"					C-48-44-A-d
ấp Tân Thành	DC	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc	10° 19' 26"	105° 43' 38"					C-48-44-A-d
Đường tỉnh 852	KX	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc			10° 18' 47"	105° 44' 39"	10° 16' 53"	105° 38' 30"	C-48-44-A-d
cầu Cao Mên	KX	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc	10° 19' 16"	105° 44' 00"					C-48-44-A-d
cầu Ông Hộ	KX	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc	10° 19' 24"	105° 43' 29"					C-48-44-A-d
chùa Linh Nguyên	KX	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc	10° 18' 26"	105° 44' 25"					C-48-44-A-d
miễu Cao Mên	KX	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc	10° 19' 06"	105° 44' 00"					C-48-44-A-d
kênh Hội Trụ	TV	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc			10° 19' 25"	105° 43' 28"	10° 14' 11"	105° 39' 15"	C-48-44-A-d
kênh KC1	TV	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc			10° 18' 26"	105° 44' 27"	10° 18' 02"	105° 43' 29"	C-48-44-A-d
kênh Ông Hộ	TV	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc			10° 17' 08"	105° 43' 34"	10° 19' 23"	105° 43' 29"	C-48-44-A-d
rạch Cao Mên dưới	TV	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc			10° 19' 07"	105° 44' 02"	10° 18' 26"	105° 44' 27"	C-48-44-A-d
rạch Cao Mên trên	TV	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc			10° 18' 10"	105° 43' 52"	10° 19' 20"	105° 44' 03"	C-48-44-A-d
sông Sa Đéc	TV	xã Tân Quy Tây	TP. Sa Đéc			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-A-d
khóm Cây Da	DC	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự	10° 50' 35"	105° 19' 22"					C-48-31-B-c
khóm Cồng Cộc	DC	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự	10° 49' 36"	105° 20' 11"					C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm Sở Thượng (ấp Thuận Lợi)	DC	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 51"	105° 20' 09"					C-48-31-B-c
khóm Trà Đư (ấp Thượng Hòa (1))	DC	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự	10° 49' 49"	105° 18' 48"					C-48-31-B-c
Đường tỉnh 841	KX	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự			10° 48' 44"	105° 20' 23"	10° 54' 46"	105° 11' 46"	C-48-31-B-c
cầu Sở Thượng	KX	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 47"	105° 20' 12"					C-48-31-B-c
cầu Trà Đư	KX	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự	10° 49' 46"	105° 18' 45"					C-48-31-B-c
chùa Kim Sơn	KX	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 55"	105° 19' 49"					C-48-31-B-c
chùa Thiên Quang	KX	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 44"	105° 20' 07"					C-48-31-B-c
cống Xả Lũ	TV	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 58"	105° 19' 54"					C-48-31-B-c
đình Thường Lạc	KX	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự	10° 49' 40"	105° 20' 12"					C-48-31-B-c
nhà thờ công giáo Trà Đư	KX	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự	10° 49' 38"	105° 20' 12"					C-48-31-B-c
kênh Trà Đư (rạch Trà Dư)	TV	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự			10° 50' 40"	105° 19' 28"	10° 49' 37"	105° 18' 41"	C-48-31-B-c
kênh Tứ Thường	TV	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự			10° 52' 15"	105° 12' 21"	10° 50' 21"	105° 20' 23"	C-48-31-B-c
ngọn Cà Na	TV	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự			10° 49' 53"	105° 20' 03"	10° 49' 23"	105° 19' 36"	C-48-31-B-c
ngọn Cồng Cộc (rạch Công Cốc)	TV	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự			10° 49' 55"	105° 20' 13"	10° 49' 38"	105° 19' 19"	C-48-31-B-c
rạch Sở Thượng (sông Sở Thượng)	TV	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự			10° 53' 51"	105° 15' 48"	10° 48' 36"	105° 20' 07"	C-48-31-B-c
Sông Tiền (sông Cửu Long (Mekong))	TV	P. An Lạc	TX. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-B-c
khóm An Lợi	DC	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 19"	105° 21' 02"					C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm An Tài	DC	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 22"	105° 21' 38"					C-48-31-B-c
khóm An Thạnh A	DC	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 14"	105° 20' 26"					C-48-31-B-c
khóm An Thạnh B	DC	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự	10° 47' 44"	105° 20' 33"					C-48-31-B-c
Quốc lộ 30	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-B-c
Đường tỉnh 842	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự			10° 48' 15"	105° 20' 21"	10° 49' 51"	105° 35' 41"	C-48-31-B-c
Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 17"	105° 20' 58"					C-48-31-B-c
bờ kè Hồng Ngự	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự			10° 48' 20"	105° 20' 52"	10° 48' 05"	105° 20' 20"	C-48-31-B-c
Cầu 2 Tháng 9	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 25"	105° 21' 47"					C-48-31-B-c
cầu Hồng Ngự	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 17"	105° 20' 21"					C-48-31-B-c
cầu Hồng Ngự 2	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 26"	105° 21' 34"					C-48-31-B-c
cầu Mười Xình	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự	10° 47' 32"	105° 20' 42"					C-48-31-B-c
cầu Nguyễn Tất Thành	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự	10° 48' 21"	105° 20' 53"					C-48-31-B-c
tuyến đò Mười Xình	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự	10° 47' 36"	105° 20' 19"					C-48-31-B-c
đường Trần Phú	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự			10° 48' 15"	105° 20' 21"	10° 48' 25"	105° 21' 47"	C-48-31-B-c
đường tránh Quốc lộ 30	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự			10° 46' 17"	105° 21' 23"	10° 49' 02"	105° 21' 39"	C-48-31-B-c
Trường Trung học phổ thông Hồng Ngự 1	KX	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự	10° 47' 38"	105° 20' 42"					C-48-31-B-c
kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	TV	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự			10° 48' 16"	105° 20' 15"	10° 49' 59"	105° 36' 38"	C-48-31-B-c
kênh Kháng Chiến	TV	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự			10° 49' 06"	105° 21' 21"	10° 45' 40"	105° 22' 44"	C-48-31-B-c
rạch Mười Xình	TV	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự			10° 47' 30"	105° 20' 37"	10° 47' 53"	105° 21' 57"	C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Tiền (sông Cửu Long (Mekong))	TV	P. An Lộc	TX. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-B-c
Khóm 1	DC	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 50"	105° 20' 23"					C-48-31-B-c
Khóm 2	DC	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 40"	105° 20' 19"					C-48-31-B-c
Khóm 3	DC	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 29"	105° 20' 18"					C-48-31-B-c
Khóm 4	DC	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 34"	105° 20' 38"					C-48-31-B-c
Khóm 5	DC	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 39"	105° 21' 11"					C-48-31-B-c
khóm An Thành	DC	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 20"	105° 20' 21"					C-48-31-B-c
khóm Bình Hưng	DC	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 13"	105° 20' 58"					C-48-31-B-c
khóm Cả Gốc	DC	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 25"	105° 20' 37"					C-48-31-B-c
khóm Mương Nhà Máy	DC	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 03"	105° 20' 23"					C-48-31-B-c
Quốc lộ 30	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-B-c
tuyến đò Long Khánh B - An Thạnh	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 31"	105° 20' 01"					C-48-31-B-c
Cầu 2 Tháng 9	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 57"	105° 21' 22"					C-48-31-B-c
cầu Hồng Ngự	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 17"	105° 20' 21"					C-48-31-B-c
cầu Hồng Ngự 2	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 26"	105° 21' 34"					C-48-31-B-c
cầu Nguyễn Tất Thành	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 21"	105° 20' 53"					C-48-31-B-c
cầu Sở Thượng	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 47"	105° 20' 12"					C-48-31-B-c
chợ cũ Hồng Ngự	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 40"	105° 20' 13"					C-48-31-B-c
chợ Hồng Ngự	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 28"	105° 20' 35"					C-48-31-B-c
chùa Thiên Phước	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 15"	105° 20' 21"					C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Thiên Tế	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 09"	105° 20' 21"					C-48-31-B-c
đền thờ Liệt Sĩ	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 55"	105° 21' 05"					C-48-31-B-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Quan Đế Miếu	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 41"	105° 20' 13"					C-48-31-B-c
di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật Đình An Bình	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 23"	105° 20' 15"					C-48-31-B-c
đình An Thành	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 36"	105° 20' 21"					C-48-31-B-c
đường Hùng Vương	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 48' 44"	105° 20' 23"	10° 48' 19"	105° 20' 21"	C-48-31-B-c
đường Nguyễn Huệ	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 48' 44"	105° 20' 23"	10° 48' 57"	105° 21' 22"	C-48-31-B-c
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 48' 22"	105° 20' 52"	10° 48' 49"	105° 20' 47"	C-48-31-B-c
đường tránh Quốc lộ 30	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 46' 17"	105° 21' 23"	10° 49' 02"	105° 21' 39"	C-48-31-B-c
khu du lịch Mê Kông Resort	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 27"	105° 20' 14"					C-48-31-B-c
miếu bà Ngũ Hành	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 18"	105° 20' 22"					C-48-31-B-c
miếu Cá Rô	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 23"	105° 21' 03"					C-48-31-B-c
nhà thờ tin lành Hồng Ngự	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 48"	105° 20' 36"					C-48-31-B-c
thánh thất họ đạo Hồng Ngự	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 55"	105° 20' 21"					C-48-31-B-c
Trường Trung học phổ thông Chu Văn An	KX	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 12"	105° 20' 32"					C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	TV	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 48' 16"	105° 20' 15"	10° 49' 59"	105° 36' 38"	C-48-31-B-c
kênh Kháng Chiến	TV	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 49' 06"	105° 21' 21"	10° 45' 40"	105° 22' 44"	C-48-31-B-c
mương Nhà Máy	TV	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 49' 07"	105° 21' 02"	10° 48' 57"	105° 20' 18"	C-48-31-B-c
rạch Sở Thượng (sông Sở Thượng)	TV	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 53' 51"	105° 15' 48"	10° 48' 36"	105° 20' 07"	C-48-31-B-c
sông Sở Sở Hạ (rạch Sở Hạ)	TV	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 49' 40"	105° 20' 18"	10° 56' 56"	105° 29' 40"	C-48-31-B-c
Sông Tiền (sông Cửu Long Mekong)	TV	P. An Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-B-c
ấp An Hòa	DC	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 46' 09"	105° 21' 31"					C-48-31-B-c
ấp An Lộc	DC	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 48' 29"	105° 23' 12"					C-48-31-B-d
ấp An Lợi	DC	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 46' 46"	105° 21' 05"					C-48-31-B-c
ấp An Phước	DC	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 47' 20"	105° 20' 51"					C-48-31-B-d
ấp An Thịnh	DC	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 45' 54"	105° 21' 33"					C-48-31-B-c
Quốc lộ 30	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-B-c
Đường tỉnh 842	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 48' 15"	105° 20' 21"	10° 49' 51"	105° 35' 41"	C-48-31-B-c C-48-31-B-d
tuyến đò Mười Đẩu	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 46' 46"	105° 20' 42"					C-48-31-B-c
bến phà Mương Lớn	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 45' 31"	105° 21' 10"					C-48-31-B-c
Cầu 2 Tháng 9	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 48' 25"	105° 21' 47"					C-48-31-B-c
cầu Kháng Chiến	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 48' 33"	105° 23' 11"					C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Mười Xình	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 47' 32"	105° 20' 42"					C-48-31-B-c
cầu Mương Lớn	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 46' 11"	105° 21' 26"					C-48-31-B-c
chợ Mương Lớn	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 46' 07"	105° 21' 29"					C-48-31-B-c
cụm công nghiệp An Lộc	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 48' 23"	105° 22' 01"					C-48-31-B-c
điện thờ phật mẫu Họ đạo Hồng Ngự	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 47' 23"	105° 20' 50"					C-48-31-B-c
đường tránh Quốc lộ 30	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 46' 17"	105° 21' 23"	10° 49' 02"	105° 21' 39"	C-48-31-B-c
nhà thờ công giáo Bãi Chàm	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 45' 25"	105° 21' 36"					C-48-31-B-c
tịnh xá Ngọc Liên	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 47' 09"	105° 20' 54"					C-48-31-B-c
Trường Trung cấp nghề và Giáo dục thường xuyên Hồng Ngự	KX	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự	10° 46' 30"	105° 21' 18"					C-48-31-B-c
dọc Xẩy Đá	TV	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 45' 32"	105° 22' 48"	10° 46' 49"	105° 23' 15"	C-48-31-B-d
kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	TV	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 48' 16"	105° 20' 15"	10° 49' 59"	105° 36' 38"	C-48-31-B-d
kênh Kháng Chiến	TV	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 49' 06"	105° 21' 21"	10° 45' 40"	105° 22' 44"	C-48-31-B-c
kênh Kháng Chiến 1 (rạch Kháng Chiến)	TV	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 49' 06"	105° 21' 21"	10° 45' 40"	105° 22' 44"	C-48-31-B-c C-48-31-B-d
kênh Mương Lớn (mương Giao Hòa)	TV	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 46' 09"	105° 21' 20"	10° 47' 11"	105° 24' 06"	C-48-31-B-c C-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh ranh Tam Nông - Hồng Ngự	TV	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 45' 42"	105° 22' 48"	10° 47' 09"	105° 26' 53"	C-48-31-B-d
rạch Cá Trê 1	TV	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 47' 16"	105° 22' 10"	10° 46' 30"	105° 21' 52"	C-48-31-B-c
rạch Cá Trê 2	TV	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 47' 00"	105° 22' 08"	10° 46' 41"	105° 22' 17"	C-48-31-B-c
rạch Cá Trê 3	TV	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 47' 09"	105° 22' 03"	10° 47' 05"	105° 21' 50"	C-48-31-B-c
rạch Mười Xình	TV	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 47' 30"	105° 20' 37"	10° 47' 53"	105° 21' 57"	C-48-31-B-c
Sông Tiền (sông Cửu Long (Mekong)	TV	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-B-c
vàm kênh An Bình	TV	xã An Bình A	TX. Hồng Ngự			10° 46' 13"	105° 21' 36"	10° 44' 52"	105° 22' 54"	C-48-31-B-c
Ấp 1	DC	xã An Bình B	TX. Hồng Ngự	10° 48' 31"	105° 23' 15"					C-48-31-B-d
Ấp 2	DC	xã An Bình B	TX. Hồng Ngự	10° 48' 50"	105° 25' 57"					C-48-31-B-d
Đường tỉnh 842 (liên tỉnh lộ 30)	KX	xã An Bình B	TX. Hồng Ngự			10° 48' 15"	105° 20' 21"	10° 49' 51"	105° 35' 41"	C-48-31-B-d
kênh Ba Ánh	TV	xã An Bình B	TX. Hồng Ngự			10° 48' 44"	105° 24' 42"	10° 45' 15"	105° 26' 28"	C-48-31-B-d
kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	TV	xã An Bình B	TX. Hồng Ngự			10° 48' 16"	105° 20' 15"	10° 49' 59"	105° 36' 38"	C-48-31-B-d
kênh Kháng Chiến 1 (rạch Kháng Chiến)	TV	xã An Bình B	TX. Hồng Ngự			10° 49' 10"	105° 21' 33"	10° 45' 10"	105° 25' 29"	C-48-31-B-d
kênh Kho Bể	TV	xã An Bình B	TX. Hồng Ngự			10° 46' 58"	105° 24' 15"	10° 47' 51"	105° 26' 34"	C-48-31-B-d
kênh ranh Tam Nông - Hồng Ngự	TV	xã An Bình B	TX. Hồng Ngự			10° 45' 42"	105° 22' 48"	10° 47' 09"	105° 26' 53"	C-48-31-B-d
kênh Thống Nhất	TV	xã An Bình B	TX. Hồng Ngự			10° 53' 57"	105° 22' 11"	10° 45' 21"	105° 27' 42"	C-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Chánh	DC	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 51' 01"	105° 22' 40"					C-48-31-B-d
ấp Bình Hòa	DC	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 50' 29"	105° 21' 38"					C-48-31-B-c
ấp Bình Hưng	DC	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 50' 09"	105° 21' 43"					C-48-31-B-c
ấp Bình Lý	DC	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 52' 15"	105° 21' 31"					C-48-31-B-c
ấp Bình Thành A	DC	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 50' 49"	105° 21' 35"					C-48-31-B-c
ấp Bình Thành B	DC	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 51' 30"	105° 21' 48"					C-48-31-B-c
Quốc lộ 30	KX	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-B-c C-48-31-B-d
Cầu 2 Tháng 9	KX	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 48' 57"	105° 21' 22"					C-48-31-B-c
cầu Bình Thạnh	KX	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 51' 20"	105° 23' 18"					C-48-31-B-c
cầu Cả Giáo	KX	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 28"	105° 21' 46"					C-48-31-B-c
cầu Kháng Chiến	KX	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 50' 59"	105° 22' 34"					C-48-31-B-d
cầu Kháng Chiến 1	KX	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 05"	105° 21' 41"					C-48-31-B-c
cầu Thống Nhất	KX	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 51' 39"	105° 23' 58"					C-48-31-B-d
chợ Bình Thạnh	KX	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 50' 37"	105° 21' 44"					C-48-31-B-c
di tích lịch sử Bia kỷ niệm thành lập Lực lượng Địa phương quân thị xã Hồng Ngự	KX	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 50' 38"	105° 21' 46"					C-48-31-B-c
đường tránh Quốc lộ 30	KX	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 46' 17"	105° 21' 23"	10° 49' 02"	105° 21' 39"	C-48-31-B-c
tịnh xá Ngọc Thạnh	KX	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự	10° 49' 04"	105° 21' 41"					C-48-31-B-c
kênh Bình Thạnh 2	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 51' 18"	105° 23' 19"	10° 48' 47"	105° 24' 36"	C-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bù Lu	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 50' 18"	105° 21' 37"	10° 50' 37"	105° 21' 36"	C-48-31-B-c
mương Cả Giáo (mương Ông Cả Giáo)	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 49' 28"	105° 21' 40"	10° 49' 57"	105° 24' 27"	C-48-31-B-c C-48-31-B-d
kênh Cá Rô	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 51' 02"	105° 22' 34"	10° 48' 51"	105° 22' 58"	C-48-31-B-d
kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 48' 16"	105° 20' 15"	10° 49' 59"	105° 36' 38"	C-48-31-B-c C-48-31-B-d
kênh Kháng Chiến	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 49' 06"	105° 21' 21"	10° 45' 40"	105° 22' 44"	C-48-31-B-c
kênh Kháng Chiến 1 (rạch Kháng Chiến)	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 49' 10"	105° 21' 33"	10° 45' 10"	105° 25' 29"	C-48-31-B-c C-48-31-B-d
kênh Mười Độ	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 51' 44"	105° 21' 25"	10° 53' 03"	105° 22' 51"	C-48-31-B-a C-48-31-B-b C-48-31-B-c
kênh Sâm Sai	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 51' 32"	105° 21' 25"	10° 51' 52"	105° 24' 21"	C-48-31-B-c C-48-31-B-d
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 50' 38"	105° 21' 35"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-31-B-d
kênh Thống Nhất	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 53' 57"	105° 22' 11"	10° 45' 21"	105° 27' 42"	C-48-31-B-a C-48-31-B-b C-48-31-B-d
mương Cả Giáo	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 49' 57"	105° 24' 27"	10° 50' 03"	105° 25' 10"	C-48-31-B-d
mương nhánh Ông Cả	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 49' 29"	105° 21' 46"	10° 49' 51"	105° 22' 46"	C-48-31-B-c C-48-31-B-d
rạch Cả Mác	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 51' 43"	105° 22' 20"	10° 52' 36"	105° 22' 46"	C-48-31-B-b C-48-31-B-c C-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cá Rô	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 49' 51"	105° 22' 46"	10° 50' 12"	105° 23' 18"	C-48-31-B-d
rạch Năm Đáo	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 51' 10"	105° 21' 28"	10° 51' 16"	105° 21' 41"	C-48-31-B-c
rạch Ông Răng	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 50' 15"	105° 21' 42"	10° 50' 42"	105° 22' 38"	C-48-31-B-c C-48-31-B-d
rạch Phạm Hùng	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 50' 57"	105° 24' 31"	10° 50' 27"	105° 24' 40"	C-48-31-B-d
rạch Út Kỷ	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 50' 18"	105° 22' 42"	10° 49' 48"	105° 21' 46"	C-48-31-B-c C-48-31-B-d
sông Sở Hạ	TV	xã Bình Thạnh	TX. Hồng Ngự			10° 49' 40"	105° 20' 18"	10° 56' 56"	105° 29' 40"	C-48-31-B-a C-48-31-B-c
ấp Tân Hòa	DC	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự	10° 51' 09"	105° 20' 24"					C-48-31-B-c
ấp Tân Hòa Thuận	DC	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự	10° 49' 35"	105° 20' 29"					C-48-31-B-c
ấp Tân Hòa Trung	DC	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự	10° 50' 35"	105° 20' 30"					C-48-31-B-c
đình Tân Hội	KX	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự	10° 49' 41"	105° 20' 23"					C-48-31-B-c
miếu Bà Thượng Động Thái Bạch Kim Tinh	KX	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự	10° 49' 43"	105° 20' 59"					C-48-31-B-c
kênh Mộc Rá	TV	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự			10° 51' 39"	105° 20' 14"	10° 52' 50"	105° 21' 06"	C-48-31-B-c
kênh Tắc Ông Rèn	TV	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự			10° 51' 25"	105° 20' 30"	10° 51' 22"	105° 20' 55"	C-48-31-B-c
rạch Bù Gốc (Cái Chanh)	TV	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự			10° 50' 22"	105° 20' 27"	10° 50' 33"	105° 21' 06"	C-48-31-B-c
rạch Cái Xu	TV	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự			10° 52' 22"	105° 20' 56"	10° 52' 40"	105° 21' 05"	C-48-31-B-a C-48-31-B-c
rạch Hào Trực	TV	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự			10° 49' 42"	105° 21' 08"	10° 50' 09"	105° 20' 24"	C-48-31-B-c
rạch Sở Thượng (sông Sở Thượng)	TV	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự			10° 53' 51"	105° 15' 48"	10° 48' 36"	105° 20' 07"	C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Xã Chén	TV	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự			10° 50' 36"	105° 21' 11"	10° 51' 08"	105° 20' 39"	C-48-31-B-c
sông Sở Hạ (rạch Sở Hạ)	TV	xã Tân Hội	TX. Hồng Ngự			10° 49' 40"	105° 20' 18"	10° 56' 56"	105° 29' 40"	C-48-31-B-a C-48-31-B-c
khóm Mỹ Phú Cù Lao	DC	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 26' 41"	105° 40' 47"					C-48-44-A-b
khóm Mỹ Phú Đất Liền	DC	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 26' 09"	105° 41' 12"					C-48-44-A-b
khóm Mỹ Tây	DC	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 26' 39"	105° 41' 35"					C-48-44-A-b
khóm Mỹ Thới	DC	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 25' 29"	105° 41' 39"					C-48-44-A-b
khóm Mỹ Thuận	DC	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 26' 48"	105° 41' 04"					C-48-44-A-b
Quốc lộ 30	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-44-A-b
Bệnh viện Đa khoa huyện Cao Lãnh	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 26' 23"	105° 41' 51"					C-48-44-A-b
cầu Cái Chai	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 27' 30"	105° 41' 50"					C-48-44-A-b
cầu Cần Lố	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 26' 55"	105° 40' 39"					C-48-44-A-b
cầu Rạch Miễu	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 26' 31"	105° 42' 00"					C-48-44-A-b
Chi cục Dự trữ Nhà nước huyện Cao Lãnh	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 26' 03"	105° 41' 12"					C-48-44-A-b
chợ Mỹ Thọ	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 26' 43"	105° 41' 41"					C-48-44-A-b
chùa Long Tế	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 25' 33"	105° 42' 15"					C-48-44-A-b
chùa Phước Thạnh	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 26' 48"	105° 41' 33"					C-48-44-A-b
chùa Thọ Quang	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 26' 26"	105° 41' 14"					C-48-44-A-b
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 32' 55"	105° 54' 05"	10° 19' 16"	105° 30' 22"	C-48-44-A-b
đường Nguyễn Minh Trí	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 26' 53"	105° 41' 37"	10° 27' 30"	105° 41' 50"	C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Trãi	KX	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 25' 44"	105° 42' 16"	10° 26' 55"	105° 40' 39"	C-48-44-A-b
rạch Mương Khai	TV	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 25' 27"	105° 42' 47"	10° 26' 36"	105° 42' 09"	C-48-44-A-b
rạch Ông Bầu	TV	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 26' 50"	105° 41' 36"	10° 27' 05"	105° 42' 05"	C-48-44-A-b
rạch Thông Lưu	TV	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 25' 33"	105° 41' 10"	10° 25' 41"	105° 42' 14"	C-48-44-A-b
sông Cần Lố	TV	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 31' 56"	105° 38' 33"	10° 26' 40"	105° 40' 40"	C-48-44-A-b
sông Cao Lãnh	TV	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-b
sông Rạch Miễu	TV	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 27' 03"	105° 42' 15"	10° 26' 07"	105° 41' 06"	C-48-44-A-b
sông Xóm Giồng	TV	TT. Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 26' 47"	105° 40' 43"	10° 26' 45"	105° 41' 36"	C-48-44-A-b
ấp An Định	DC	xã An Bình	H. Cao Lãnh	10° 27' 07"	105° 40' 17"					C-48-44-A-b
ấp An Lạc	DC	xã An Bình	H. Cao Lãnh	10° 27' 45"	105° 39' 11"					C-48-44-A-b
ấp An Nghiệp	DC	xã An Bình	H. Cao Lãnh	10° 28' 00"	105° 39' 37"					C-48-44-A-b
Quốc lộ 30	KX	xã An Bình	H. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-44-A-b
cầu An Bình	KX	xã An Bình	H. Cao Lãnh	10° 27' 14"	105° 39' 35"					C-48-44-A-b
cầu Cần Lố	KX	xã An Bình	H. Cao Lãnh	10° 26' 55"	105° 40' 39"					C-48-44-A-b
cầu Rạch Dầu	KX	xã An Bình	H. Cao Lãnh	10° 27' 00"	105° 40' 04"					C-48-44-A-b
chùa Thanh Lương	KX	xã An Bình	H. Cao Lãnh	10° 27' 14"	105° 39' 23"					C-48-44-A-b
cụm công nghiệp Cần Lố	KX	xã An Bình	H. Cao Lãnh	10° 26' 48"	105° 40' 21"					C-48-44-A-b
đường tránh Quốc lộ 30	KX	xã An Bình	H. Cao Lãnh			10° 27' 04"	105° 39' 56"	10° 30' 59"	105° 33' 34"	C-48-44-A-b
nhà thờ công giáo An Bình	KX	xã An Bình	H. Cao Lãnh	10° 27' 46"	105° 39' 14"					C-48-44-A-b
nhà thờ tin lành An Bình	KX	xã An Bình	H. Cao Lãnh	10° 27' 12"	105° 39' 41"					C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp	KX	xã An Bình	H. Cao Lãnh	10° 27' 49"	105° 39' 42"					C-48-44-A-b
rạch Cái Vừng	TV	xã An Bình	H. Cao Lãnh			10° 28' 26"	105° 40' 25"	10° 27' 57"	105° 39' 38"	C-48-44-A-b
sông An Bình	TV	xã An Bình	H. Cao Lãnh			10° 29' 15"	105° 39' 04"	10° 27' 09"	105° 39' 37"	C-48-44-A-b
sông Cái Sao Thượng	TV	xã An Bình	H. Cao Lãnh			10° 27' 09"	105° 39' 37"	10° 26' 41"	105° 40' 23"	C-48-44-A-b
sông Cần Lố	TV	xã An Bình	H. Cao Lãnh			10° 31' 56"	105° 38' 33"	10° 26' 40"	105° 40' 40"	C-48-44-A-b
sông Cao Lãnh	TV	xã An Bình	H. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-b
sông Đình Trung	TV	xã An Bình	H. Cao Lãnh			10° 28' 20"	105° 37' 56"	10° 27' 09"	105° 39' 37"	C-48-44-A-b
sông Ngã Cại	TV	xã An Bình	H. Cao Lãnh			10° 28' 46"	105° 39' 12"	10° 27' 32"	105° 39' 24"	C-48-44-A-b
Ấp 1	DC	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh	10° 31' 58"	105° 38' 58"					C-48-32-C-d
Ấp 2	DC	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh	10° 31' 55"	105° 40' 04"					C-48-32-C-d
Ấp 3	DC	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh	10° 31' 50"	105° 40' 47"					C-48-32-C-d
Ấp 4	DC	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh	10° 31' 45"	105° 42' 31"					C-48-32-C-d
Ấp 5	DC	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh	10° 33' 49"	105° 40' 58"					C-48-32-C-d
Ấp 6	DC	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh	10° 33' 33"	105° 43' 28"					C-48-32-C-d
Ấp 7	DC	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh	10° 36' 06"	105° 42' 09"					C-48-32-C-d
Đường tỉnh 846	KX	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 31' 37"	105° 43' 19"	10° 30' 53"	105° 33' 37"	C-48-32-C-d
cầu Ba Sao Cụt	KX	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh	10° 31' 42"	105° 40' 14"					C-48-32-C-d
cầu Đường Thét	KX	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh	10° 31' 37"	105° 43' 18"					C-48-32-C-d
cầu Nguyễn Văn Tiếp	KX	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh	10° 31' 55"	105° 39' 29"					C-48-32-C-d
cầu Xẻo Sình	KX	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh	10° 31' 39"	105° 42' 08"					C-48-32-C-d
kênh An Phong - Mỹ Hòa	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 37' 07"	105° 24' 43"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Ba	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 31' 51"	105° 41' 04"	10° 33' 22"	105° 41' 27"	C-48-32-C-d
Kênh Băng	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 33' 28"	105° 40' 51"	10° 33' 07"	105° 42' 16"	C-48-32-C-d
kênh Bảy Thước	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 32' 50"	105° 49' 48"	10° 34' 13"	105° 41' 03"	C-48-32-C-d
kênh Cả Mát	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 31' 56"	105° 38' 37"	10° 32' 58"	105° 38' 15"	C-48-32-C-d
kênh Cây Vông	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 33' 22"	105° 41' 27"	10° 36' 09"	105° 42' 05"	C-48-32-C-d
kênh Cống Kho	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 31' 47"	105° 42' 49"	10° 33' 39"	105° 42' 53"	C-48-32-C-d
kênh Cống Trực	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 36' 06"	105° 42' 49"	10° 31' 49"	105° 42' 00"	C-48-32-C-d
Kênh Đôi	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 32' 48"	105° 38' 35"	10° 33' 14"	105° 39' 36"	C-48-32-C-d
kênh Đường Thét	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 27' 59"	105° 42' 15"	10° 40' 03"	105° 41' 50"	C-48-32-C-d
kênh Hai Ngộ	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 31' 55"	105° 39' 28"	10° 37' 32"	105° 39' 58"	C-48-32-C-d
kênh Hàng Tràm	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 31' 50"	105° 41' 33"	10° 32' 44"	105° 42' 08"	C-48-32-C-d
kênh Hội Kỳ Nhất	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 36' 25"	105° 41' 32"	10° 38' 32"	105° 47' 12"	C-48-32-C-d
kênh Kỳ Son	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 34' 13"	105° 41' 03"	10° 37' 18"	105° 41' 34"	C-48-32-C-d
kênh Ông Cả	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 33' 47"	105° 40' 32"	10° 31' 54"	105° 40' 07"	C-48-32-C-d
kênh Ông Xếp	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 31' 52"	105° 40' 30"	10° 34' 13"	105° 41' 03"	C-48-32-C-d
kênh Tháp Mười	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 30' 56"	105° 33' 21"	10° 31' 27"	105° 50' 28"	C-48-32-C-d
kênh Xẻo Sình	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 30' 34"	105° 41' 56"	10° 31' 47"	105° 42' 09"	C-48-32-C-d
sông Ba Sao Cụt	TV	xã Ba Sao	H. Cao Lãnh			10° 30' 42"	105° 39' 25"	10° 31' 52"	105° 40' 17"	C-48-32-C-d
Ấp 1	DC	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh	10° 21' 41"	105° 45' 29"					C-48-44-B-c
Ấp 2	DC	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh	10° 22' 17"	105° 45' 19"					C-48-44-B-c
Ấp 3	DC	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh	10° 21' 53"	105° 45' 37"					C-48-44-B-c
Ấp 4	DC	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh	10° 23' 01"	105° 46' 05"					C-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Phú Long	DC	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh	10° 22' 10"	105° 46' 06"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 30	KX	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-44-A-b C-48-44-A-d C-48-44-B-c
cầu Cái Bẩy	KX	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh	10° 21' 40"	105° 45' 41"					C-48-44-B-c
cầu Cái Sậy	KX	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh	10° 22' 06"	105° 45' 17"					C-48-44-B-c
chùa Linh Phước	KX	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh	10° 21' 47"	105° 45' 30"					C-48-44-B-c
đình Bình Hàng Tây	KX	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh	10° 22' 03"	105° 45' 15"					C-48-44-B-c
thánh thất Sa Giang	KX	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh	10° 22' 06"	105° 45' 10"					C-48-44-B-c
cồn Bà Trang	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh	10° 21' 46"	105° 45' 22"					C-48-44-B-c
kênh Hội Đồng Tường	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 21' 20"	105° 48' 54"	10° 26' 50"	105° 45' 27"	C-48-44-B-a
rạch Bà Đội	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 21' 56"	105° 45' 27"	10° 22' 34"	105° 46' 13"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c
rạch Cái Bẩy	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 22' 59"	105° 46' 02"	10° 21' 39"	105° 45' 34"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c
rạch Cái Sậy	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 22' 00"	105° 45' 13"	10° 22' 59"	105° 46' 02"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c
rạch Cao Mênh	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 24' 55"	105° 46' 32"	10° 23' 37"	105° 45' 55"	C-48-44-B-a
Rạch Phiểu	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 23' 01"	105° 46' 27"	10° 24' 00"	105° 47' 13"	C-48-44-B-a
rạch Tư Sửu	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 22' 59"	105° 46' 19"	10° 23' 53"	105° 47' 17"	C-48-44-B-a
rạch Út Liễu	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 24' 22"	105° 46' 59"	10° 22' 59"	105° 46' 02"	C-48-44-B-a
rạch Xẻo Muồng	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 21' 41"	105° 46' 49"	10° 26' 09"	105° 47' 29"	C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cái Bèo	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 26' 49"	105° 45' 07"	10° 21' 35"	105° 45' 36"	C-48-44-A-b C-48-44-B-c C-48-44-A-d C-48-44-B-a
sông Cái Nhỏ	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 21' 37"	105° 45' 03"	10° 18' 15"	105° 50' 32"	C-48-44-A-d
Sông Tiền	TV	xã Bình Hàng Tây	H. Cao Lãnh			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-d
Ấp 1	DC	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh	10° 23' 05"	105° 44' 23"					C-48-44-A-b
Ấp 2	DC	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh	10° 23' 40"	105° 44' 11"					C-48-44-A-b
Ấp 3	DC	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh	10° 23' 30"	105° 44' 38"					C-48-44-A-b
Ấp 4	DC	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh	10° 22' 48"	105° 44' 32"					C-48-44-A-b
Quốc lộ 30	KX	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-44-A-b
cầu Cái Bèo	KX	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh	10° 23' 00"	105° 44' 32"					C-48-44-A-b
di tích lịch sử Chùa Bửu Lâm	KX	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh	10° 24' 05"	105° 45' 11"					C-48-44-A-b
nhà thờ công giáo Kiến Văn	KX	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh	10° 22' 56"	105° 44' 30"					C-48-44-A-b
thánh thất họ đạo Bình Hàng Trung	KX	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh	10° 23' 01"	105° 44' 20"					C-48-44-A-b
kênh Thầy Nhượng	TV	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh			10° 24' 15"	105° 43' 20"	10° 25' 48"	105° 45' 01"	C-48-44-A-b C-48-44-B-a
rạch Cao Mênh	TV	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh			10° 24' 55"	105° 46' 32"	10° 23' 37"	105° 45' 55"	C-48-44-B-a
Rạch Chùa	TV	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh			10° 23' 44"	105° 44' 45"	10° 25' 27"	105° 46' 03"	C-48-44-A-b C-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Đình	TV	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh			10° 23' 13"	105° 44' 43"	10° 23' 32"	105° 45' 12"	C-48-44-A-b C-48-44-B-a
Rạch Dòng	TV	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh			10° 23' 37"	105° 45' 55"	10° 23' 32"	105° 45' 12"	C-48-44-A-b C-48-44-B-a
rạch Miếu Ông Tà	TV	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh			10° 24' 44"	105° 45' 30"	10° 24' 16"	105° 45' 56"	C-48-44-B-a
rạch Mồ Côi	TV	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh			10° 23' 32"	105° 45' 12"	10° 23' 33"	105° 45' 42"	C-48-44-B-a
rạch Ngã Tư Nhỏ	TV	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh			10° 26' 02"	105° 45' 56"	10° 24' 54"	105° 44' 56"	C-48-44-A-b C-48-44-B-a
Rạch Rừng	TV	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh			10° 23' 47"	105° 45' 38"	10° 24' 09"	105° 45' 11"	C-48-44-B-a
sông Cái Bèo	TV	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh			10° 26' 49"	105° 45' 07"	10° 21' 35"	105° 45' 36"	C-48-44-A-b C-48-44-B-c C-48-44-A-d C-48-44-B-a
Sông Tiền	TV	xã Bình Hàng Trung	H. Cao Lãnh			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-d
ấp Bình Hòa	DC	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 20' 28"	105° 45' 55"					C-48-44-B-c
ấp Bình Hưng	DC	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 19' 03"	105° 48' 42"					C-48-44-B-c
ấp Bình Linh	DC	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 19' 55"	105° 46' 59"					C-48-44-B-c
ấp Bình Mỹ A	DC	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 18' 45"	105° 48' 12"					C-48-44-B-c
ấp Bình Mỹ B	DC	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 19' 52"	105° 46' 25"					C-48-44-B-c
ấp Bình Phú Lợi	DC	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 21' 30"	105° 45' 25"					C-48-44-B-c
ấp Bình Tân	DC	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 18' 32"	105° 46' 32"					C-48-44-B-c
Đường tỉnh 850	KX	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 31' 24"	105° 48' 21"	10° 18' 44"	105° 46' 08"	C-48-44-B-c
cầu Hai Mạnh	KX	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 18' 59"	105° 46' 21"					C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Khém Cá Trê	KX	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 20' 10"	105° 46' 25"					C-48-44-B-c
cầu Miễu Trắng	KX	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 19' 34"	105° 46' 23"					C-48-44-B-c
cầu Rạch Hồ	KX	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 19' 56"	105° 46' 24"					C-48-44-B-c
cầu Sông Cái Nhỏ	KX	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 20' 40"	105° 46' 32"					C-48-44-B-c
hội quán Hưng Thạnh Tự	KX	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 18' 47"	105° 47' 54"					C-48-44-B-c
bến phà Sa Đéc	KX	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh	10° 18' 39"	105° 45' 53"					C-48-44-B-c
khém Cá Hô	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 18' 41"	105° 48' 27"	10° 19' 16"	105° 46' 50"	C-48-44-B-c
Khém Cạn	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 19' 23"	105° 48' 49"	10° 18' 54"	105° 49' 15"	C-48-44-B-c
Khém Chàm	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 19' 40"	105° 46' 42"	10° 20' 08"	105° 47' 02"	C-48-44-B-c
khém Hột Vịt	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 20' 18"	105° 45' 55"	10° 21' 23"	105° 45' 45"	C-48-44-B-c
Khém Sâu	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 19' 10"	105° 48' 27"	10° 18' 49"	105° 49' 11"	C-48-44-B-c
rạch An Hữu	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 18' 56"	105° 47' 48"	10° 18' 32"	105° 48' 41"	C-48-44-B-c
rạch Cây Sung	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 20' 02"	105° 45' 39"	10° 20' 04"	105° 46' 18"	C-48-44-B-c
rạch Cồn Chà	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 18' 58"	105° 48' 14"	10° 19' 13"	105° 46' 59"	C-48-44-B-c
rạch Cồn Ké	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 20' 10"	105° 45' 33"	10° 21' 09"	105° 45' 25"	C-48-44-B-c
rạch Hậu Sao	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 18' 27"	105° 47' 22"	10° 19' 39"	105° 46' 15"	C-48-44-B-c
Rạch Hồ	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 19' 58"	105° 46' 21"	10° 18' 30"	105° 48' 47"	C-48-44-B-c
rạch Khai Luông	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 19' 39"	105° 46' 15"	10° 20' 41"	105° 46' 27"	C-48-44-B-c
rạch Miễu Trắng	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 18' 38"	105° 46' 44"	10° 19' 36"	105° 46' 20"	C-48-44-B-c
rạch Tám Dẫu	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 18' 11"	105° 46' 30"	10° 18' 37"	105° 46' 46"	C-48-44-B-c
rạch Trời Sanh	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 18' 40"	105° 46' 53"	10° 19' 16"	105° 46' 21"	C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cái Nhỏ	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 21' 37"	105° 45' 03"	10° 18' 15"	105° 50' 32"	C-48-44-B-c
Sông Tiền	TV	xã Bình Thạnh	H. Cao Lãnh			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-B-c
Ấp 1	DC	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh	10° 39' 29"	105° 38' 23"					C-48-32-C-b
Ấp 2	DC	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh	10° 36' 35"	105° 36' 31"					C-48-32-C-c
Ấp 3	DC	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh	10° 38' 41"	105° 38' 10"					C-48-32-C-b
Ấp 4	DC	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh	10° 37' 35"	105° 38' 36"					C-48-32-C-b
Ấp 5	DC	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh	10° 33' 41"	105° 38' 19"					C-48-32-C-d
Ấp 6	DC	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh	10° 35' 43"	105° 37' 52"					C-48-32-C-d
đường Võ Văn Kiệt	KX	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 33' 19"	105° 29' 43"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-32-C-b
khu du lịch Gáo Giồng	KX	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh	10° 35' 20"	105° 36' 35"					C-48-32-C-c C-48-32-C-d
Kênh 14	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 38' 57"	105° 38' 48"	10° 39' 47"	105° 39' 03"	C-48-32-C-b
kênh An Phong - Mỹ Hòa	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 37' 07"	105° 24' 43"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-32-C-c C-48-32-C-d
Kênh Ba	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 35' 30"	105° 38' 44"	10° 35' 53"	105° 37' 54"	C-48-32-C-d
kênh Bà Bạch	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 36' 34"	105° 36' 32"	10° 32' 37"	105° 36' 43"	C-48-32-C-c
kênh Bà Chủ	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 34' 35"	105° 37' 21"	10° 33' 27"	105° 35' 39"	C-48-31-B-c
kênh Bảy Gữi	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 39' 07"	105° 38' 17"	10° 38' 57"	105° 38' 48"	C-48-32-C-b
kênh Bảy Thước	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 33' 41"	105° 37' 20"	10° 34' 28"	105° 37' 03"	C-48-32-C-c
kênh Đồng Tiến	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 42' 03"	105° 22' 34"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-C-b C-48-32-C-a
kênh Gáo Giồng	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 33' 17"	105° 38' 01"	10° 40' 00"	105° 38' 36"	C-48-32-C-b C-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Giữa	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 36' 22"	105° 38' 57"	10° 39' 34"	105° 39' 30"	C-48-32-C-b C-48-32-C-d
kênh Hai Hiển	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 33' 17"	105° 38' 01"	10° 36' 22"	105° 38' 57"	C-48-32-C-d
kênh Hội Đồng Phu	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 33' 31"	105° 35' 24"	10° 34' 36"	105° 36' 36"	C-48-32-C-c
Kênh Mới	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 37' 30"	105° 37' 01"	10° 39' 43"	105° 38' 13"	C-48-32-C-a C-48-32-C-b C-48-32-C-c
kênh Mười Tạ	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 36' 25"	105° 38' 25"	10° 38' 57"	105° 38' 48"	C-48-32-C-b C-48-32-C-d
Kênh Ngân	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 39' 41"	105° 38' 29"	10° 39' 43"	105° 37' 57"	C-48-32-C-b C-48-32-C-a
kênh ranh Tam Nông - Cao Lãnh	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 39' 02"	105° 37' 21"	10° 40' 23"	105° 38' 02"	C-48-32-C-a C-48-32-C-b
kênh ranh Tam Nông - Thanh Bình	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 39' 56"	105° 28' 04"	10° 39' 02"	105° 37' 21"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
rạch Lung Môn	TV	xã Gáo Giồng	H. Cao Lãnh			10° 34' 04"	105° 37' 50"	10° 34' 35"	105° 37' 03"	C-48-32-C-c
Ấp 1	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh	10° 20' 26"	105° 47' 31"					C-48-44-B-c
Ấp 2	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh	10° 20' 17"	105° 48' 35"					C-48-44-B-c
Ấp 3	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh	10° 21' 36"	105° 47' 59"					C-48-44-B-c
Ấp 4	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh	10° 22' 18"	105° 48' 22"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 30	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-44-B-c
cầu Bà Dư	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh	10° 19' 58"	105° 48' 32"					C-48-44-B-c
cầu Long Hiệp	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh	10° 20' 30"	105° 47' 28"					C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Thủy Lợi	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh	10° 23' 19"	105° 48' 10"					C-48-44-B-c
chợ Đầu Mối	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh	10° 19' 56"	105° 48' 28"					C-48-44-B-c
chùa Linh Sơn	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh	10° 19' 47"	105° 48' 28"					C-48-44-B-c
chùa Long Khánh	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh	10° 20' 20"	105° 47' 33"					C-48-44-B-c
đình Mỹ Hiệp	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh	10° 19' 50"	105° 48' 11"					C-48-44-B-c
Đường tỉnh 850	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 31' 24"	105° 48' 21"	10° 18' 44"	105° 46' 08"	C-48-44-B-c
khu di tích lịch sử Xẻo Quýt	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh	10° 23' 50"	105° 48' 15"					C-48-44-B-a
Kênh 307	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 31' 30"	105° 49' 18"	10° 21' 20"	105° 48' 56"	C-48-44-B-a
kênh Hội Đồng Tường	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 21' 20"	105° 48' 54"	10° 26' 50"	105° 45' 27"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c
kênh xáng Múc	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 24' 05"	105° 48' 32"	10° 24' 06"	105° 48' 59"	C-48-44-B-a
rạch Bà Dư	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 19' 29"	105° 48' 27"	10° 21' 20"	105° 48' 54"	C-48-44-B-c
rạch Bà Lương	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 20' 59"	105° 47' 46"	10° 21' 38"	105° 48' 42"	C-48-44-B-c
rạch Đội Chính	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 20' 19"	105° 48' 37"	10° 20' 10"	105° 49' 12"	C-48-44-B-c
rạch Lâm Vồ	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 20' 32"	105° 48' 10"	10° 21' 22"	105° 48' 41"	C-48-44-B-c
rạch Lòng Ống	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 19' 39"	105° 48' 30"	10° 19' 37"	105° 49' 03"	C-48-44-B-c
Rạch Miễu	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 20' 22"	105° 47' 47"	10° 19' 48"	105° 48' 14"	C-48-44-B-c
rạch Ngã Cái	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 20' 06"	105° 47' 16"	10° 22' 15"	105° 48' 19"	C-48-44-B-c
rạch Ngã Chùa Nhỏ	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 20' 27"	105° 47' 27"	10° 20' 19"	105° 48' 37"	C-48-44-B-c
rạch Ông Liêm	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 19' 51"	105° 47' 42"	10° 19' 44"	105° 48' 03"	C-48-44-B-c
rạch Quảng Sách	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 22' 15"	105° 48' 19"	10° 22' 58"	105° 48' 53"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Vàm Hàng	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 19' 33"	105° 48' 14"	10° 19' 39"	105° 48' 30"	C-48-44-B-c
rạch Xẻo Quýt	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 24' 05"	105° 48' 32"	10° 21' 10"	105° 47' 45"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c
sông Cái Nhỏ	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Cao Lãnh			10° 21' 37"	105° 45' 03"	10° 18' 15"	105° 50' 32"	C-48-44-B-c
ấp AB	DC	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh	10° 26' 13"	105° 43' 54"					C-48-44-A-b
ấp Bình Hòa	DC	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh	10° 25' 11"	105° 43' 13"					C-48-44-A-b
ấp Đông Mỹ	DC	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh	10° 24' 16"	105° 43' 37"					C-48-44-A-b
ấp Tân Trường	DC	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh	10° 24' 16"	105° 43' 28"					C-48-44-A-b
ấp Tây Mỹ	DC	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh	10° 26' 03"	105° 43' 15"					C-48-44-A-b
Quốc lộ 30	KX	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-44-A-b
cầu Long Ẩn	KX	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh	10° 24' 44"	105° 43' 05"					C-48-44-A-b
cầu Tân Trường	KX	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh	10° 24' 16"	105° 43' 22"					C-48-44-A-b
chùa Hưng Thiền	KX	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh	10° 24' 39"	105° 43' 06"					C-48-44-A-b
Kênh Lũy	TV	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh			10° 26' 06"	105° 42' 27"	10° 26' 29"	105° 43' 16"	C-48-44-A-b
kênh Số 1	TV	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh			10° 26' 42"	105° 42' 15"	10° 26' 43"	105° 49' 10"	C-48-44-A-b C-48-44-B-a
kênh Thầy Nhượng	TV	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh			10° 24' 15"	105° 43' 20"	10° 25' 48"	105° 45' 01"	C-48-44-A-b C-48-44-B-a
rạch AB	TV	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh			10° 25' 06"	105° 42' 45"	10° 26' 45"	105° 43' 14"	C-48-44-A-b
rạch Cườm Gạo	TV	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh			10° 26' 36"	105° 42' 09"	10° 25' 27"	105° 42' 47"	C-48-44-A-b
rạch Mương Khai	TV	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh			10° 24' 59"	105° 43' 00"	10° 26' 47"	105° 44' 29"	C-48-44-A-b
rạch Mương Lốc	TV	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh			10° 25' 58"	105° 43' 14"	10° 26' 47"	105° 44' 27"	C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Tân Trường	TV	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh			10° 24' 15"	105° 43' 20"	10° 23' 29"	105° 43' 38"	C-48-44-A-b
rạch Thông Lưu	TV	xã Mỹ Hội	H. Cao Lãnh			10° 25' 33"	105° 41' 10"	10° 25' 41"	105° 42' 14"	C-48-44-A-b
Ấp 1	DC	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 21' 14"	105° 46' 32"					C-48-44-B-c
Ấp 2	DC	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 20' 38"	105° 47' 10"					C-48-44-B-c
Ấp 3	DC	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 21' 22"	105° 47' 48"					C-48-44-B-c
Ấp 4	DC	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 21' 42"	105° 46' 52"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 30	KX	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-44-B-c
Đường tỉnh 850	KX	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 31' 24"	105° 48' 21"	10° 18' 44"	105° 46' 08"	C-48-44-B-c
cầu Cái Sao Hạ	KX	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 21' 17"	105° 46' 30"					C-48-44-B-c
cầu Hội Đồng Tường	KX	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 22' 47"	105° 48' 00"					C-48-44-B-a
cầu Mỹ Long	KX	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 21' 06"	105° 46' 35"					C-48-44-B-c
cầu Sông Cái Nhỏ	KX	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 20' 40"	105° 46' 32"					C-48-44-B-c
cầu Xẻo Quýt 1	KX	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 22' 18"	105° 47' 35"					C-48-44-B-c
cầu Xẻo Quýt 2	KX	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 23' 57"	105° 48' 10"					C-48-44-B-a
di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Mỹ Long	KX	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 21' 08"	105° 46' 36"					C-48-44-B-c
nhà thờ công giáo Mỹ Long	KX	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 20' 37"	105° 47' 01"					C-48-44-B-c
thánh thất Mỹ Long	KX	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh	10° 20' 53"	105° 46' 31"					C-48-44-B-c
kênh Ba Tâm	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 26' 09"	105° 47' 29"	10° 26' 53"	105° 47' 30"	C-48-44-B-a
kênh Hội Đồng Tường	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 21' 20"	105° 48' 54"	10° 26' 50"	105° 45' 27"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Hội Đồng Tường	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 21' 20"	105° 48' 54"	10° 26' 50"	105° 45' 27"	C-48-44-B-a
rạch Bà Đã	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 21' 12"	105° 46' 33"	10° 21' 37"	105° 46' 47"	C-48-44-B-c
rạch Bà Minh	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 21' 10"	105° 46' 05"	10° 21' 34"	105° 46' 37"	C-48-44-B-c
rạch Bà Sự	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 22' 33"	105° 47' 10"	10° 22' 19"	105° 47' 34"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c
rạch Bà Thế	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 22' 00"	105° 47' 00"	10° 22' 54"	105° 47' 37"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c
rạch Ngã Cái	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 20' 06"	105° 47' 16"	10° 22' 15"	105° 48' 19"	C-48-44-B-c
rạch Ông Đụng	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 20' 58"	105° 46' 42"	10° 21' 28"	105° 47' 29"	C-48-44-B-c
rạch Xẻo Mát	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 21' 49"	105° 46' 58"	10° 21' 44"	105° 47' 13"	C-48-44-B-c
rạch Xẻo Muồng	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 21' 41"	105° 46' 49"	10° 26' 09"	105° 47' 29"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c
rạch Xẻo Quýt	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 24' 05"	105° 48' 32"	10° 21' 10"	105° 47' 45"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c
sông Cái Nhỏ	TV	xã Mỹ Long	H. Cao Lãnh			10° 21' 37"	105° 45' 03"	10° 18' 15"	105° 50' 32"	C-48-44-B-c
ấp Mỹ Đông Ba	DC	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 28' 46"	105° 44' 16"					C-48-44-A-b
ấp Mỹ Đông Nhất	DC	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 27' 10"	105° 42' 21"					C-48-44-A-b
ấp Mỹ Đông Nhì	DC	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 27' 05"	105° 42' 59"					C-48-44-A-b
ấp Mỹ Đông Tư	DC	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 28' 31"	105° 42' 52"					C-48-44-A-b
cầu Cái Chai	KX	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 27' 30"	105° 41' 50"					C-48-44-A-b
cầu Đập Đá	KX	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 28' 59"	105° 42' 54"					C-48-44-A-b
cầu Kháng Chiến	KX	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 30' 17"	105° 43' 03"					C-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Mương Trâu	KX	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 28' 00"	105° 42' 14"					C-48-44-A-b
cầu Ông Ấu	KX	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 28' 25"	105° 42' 36"					C-48-44-A-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 32' 55"	105° 54' 05"	10° 19' 16"	105° 30' 22"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
khu di tích lịch sử Tràm Dơi	KX	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh	10° 27' 44"	105° 43' 05"					C-48-44-A-b
Kênh Ba	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 28' 49"	105° 42' 53"	10° 29' 48"	105° 43' 59"	C-48-44-A-b
kênh Đập Đá	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 28' 56"	105° 42' 48"	10° 30' 03"	105° 43' 28"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
kênh Đường Thét	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 27' 59"	105° 42' 15"	10° 40' 03"	105° 41' 50"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
kênh Kháng Chiến	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 30' 17"	105° 43' 02"	10° 29' 29"	105° 45' 23"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d C-48-44-B-a
kênh Ông Hai	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 29' 04"	105° 45' 20"	10° 28' 11"	105° 44' 02"	C-48-44-A-b
kênh Số 1	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 26' 42"	105° 42' 15"	10° 26' 43"	105° 49' 10"	C-48-44-A-b C-48-44-B-a
kênh Tràm Dơi	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 27' 43"	105° 43' 47"	10° 27' 36"	105° 44' 11"	C-48-44-A-b
kênh xáng Mới Mỹ Thọ	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 27' 11"	105° 44' 08"	10° 29' 42"	105° 44' 23"	C-48-44-A-b
rạch Chòi Mòi	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 27' 10"	105° 43' 03"	10° 27' 36"	105° 44' 04"	C-48-44-A-b
Rạch Cùng	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 28' 17"	105° 43' 28"	10° 27' 33"	105° 43' 08"	C-48-44-A-b
rạch Miễu Đôi	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 27' 33"	105° 43' 26"	10° 27' 36"	105° 43' 35"	C-48-44-A-b
rạch Mương Trâu	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 27' 58"	105° 42' 15"	10° 29' 45"	105° 44' 11"	C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ngã Bát - Kiểm Điền	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 26' 53"	105° 42' 16"	10° 28' 11"	105° 44' 02"	C-48-44-A-b
rạch Xẻo Giáo	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 27' 03"	105° 42' 15"	10° 28' 11"	105° 42' 09"	C-48-44-A-b
sông Mười Đổng - Kiểm Điền	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 28' 11"	105° 44' 02"	10° 27' 33"	105° 43' 08"	C-48-44-A-b
sông Thầy Cắt - Mười Đổng	TV	xã Mỹ Thọ	H. Cao Lãnh			10° 27' 07"	105° 42' 18"	10° 27' 33"	105° 43' 08"	C-48-44-A-b
ấp Mỹ Hưng Hòa	DC	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh	10° 23' 54"	105° 43' 11"					C-48-44-A-b
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh	10° 24' 59"	105° 41' 51"					C-48-44-A-b
ấp Mỹ Thới	DC	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh	10° 25' 07"	105° 42' 30"					C-48-44-A-b
Quốc lộ 30	KX	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-44-A-b
cầu Ba Miệng	KX	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh	10° 25' 04"	105° 42' 44"					C-48-44-A-b
cầu Long Ẩn	KX	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh	10° 24' 44"	105° 43' 05"					C-48-44-A-b
chùa Đức Hòa Tự	KX	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh	10° 23' 38"	105° 43' 28"					C-48-44-A-b
chùa Hải Huệ	KX	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh	10° 25' 14"	105° 42' 21"					C-48-44-A-b
Cồn Ngậm	TV	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh	10° 22' 58"	105° 43' 34"					C-48-44-A-b
rạch Bà Kiểng	TV	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh			10° 24' 55"	105° 41' 49"	10° 23' 50"	105° 43' 10"	C-48-44-A-b
rạch Tân Trường	TV	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh			10° 24' 15"	105° 43' 20"	10° 23' 29"	105° 43' 38"	C-48-44-A-b
rạch Thông Lưu	TV	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh			10° 25' 33"	105° 41' 10"	10° 25' 41"	105° 42' 14"	C-48-44-A-b
sông Cao Lãnh	TV	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh			10° 28' 50"	105° 34' 26"	10° 24' 44"	105° 41' 21"	C-48-44-A-b
Sông Tiền	TV	xã Mỹ Xương	H. Cao Lãnh			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-b
ấp Bình Dân	DC	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 28' 40"	105° 41' 05"					C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Nhứt	DC	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 27' 46"	105° 40' 46"					C-48-44-A-b
ấp Hòa Dân	DC	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 28' 33"	105° 41' 58"					C-48-44-A-b
ấp Nguyễn Cử	DC	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 28' 51"	105° 40' 13"					C-48-44-A-b
ấp Thanh Tiến	DC	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 29' 25"	105° 39' 34"					C-48-44-A-b
cầu Cái Chai	KX	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 27' 30"	105° 41' 50"					C-48-44-A-b
cầu Mương Trâu	KX	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 28' 00"	105° 42' 14"					C-48-44-A-b
cầu Ông Ấu	KX	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 28' 25"	105° 42' 36"					C-48-44-A-b
chùa Hội Phước	KX	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 27' 22"	105° 40' 41"					C-48-44-A-b
chùa Triều Âm Tự	KX	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 28' 15"	105° 42' 14"					C-48-44-A-b
đình Trà Bông	KX	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 27' 49"	105° 41' 43"					C-48-44-A-b
tuyến đò Trà Bông	KX	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 27' 45"	105° 41' 41"					C-48-44-A-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 32' 55"	105° 54' 05"	10° 19' 16"	105° 30' 22"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
nhà thờ công giáo Nhị Mỹ	KX	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 28' 01"	105° 41' 07"					C-48-44-A-b
nhà thờ tin lành Nhị Mỹ	KX	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 29' 10"	105° 39' 59"					C-48-44-A-b
thánh thất Nhị Mỹ	KX	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 27' 52"	105° 42' 06"					C-48-44-A-b
kênh Bảy Thước	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 30' 34"	105° 41' 56"	10° 30' 17"	105° 43' 02"	C-48-32-C-d
kênh Đường Thét	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 27' 59"	105° 42' 15"	10° 40' 03"	105° 41' 50"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
kênh Hai Quang 1	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 30' 29"	105° 40' 45"	10° 30' 24"	105° 41' 34"	C-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Hai Quang 2	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 29' 09"	105° 42' 21"	10° 30' 31"	105° 42' 23"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
Mương Trâu	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 30' 31"	105° 40' 30"	10° 30' 15"	105° 41' 35"	C-48-32-C-d
mương Trâu Nhà Thờ	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 27' 59"	105° 41' 25"	10° 28' 52"	105° 42' 08"	C-48-44-A-b
rạch Bà Mụ	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 28' 24"	105° 40' 27"	10° 29' 55"	105° 41' 36"	C-48-44-A-b
rạch Cả Môn	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 29' 59"	105° 38' 05"	10° 29' 44"	105° 39' 46"	C-48-44-A-b
rạch Cái Tre	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 30' 00"	105° 39' 54"	10° 30' 34"	105° 41' 56"	C-48-32-C-d
rạch Cái Vừng	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 28' 26"	105° 40' 25"	10° 27' 57"	105° 39' 38"	C-48-44-A-b
rạch Mười Cồ	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 29' 09"	105° 40' 04"	10° 30' 13"	105° 41' 18"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
rạch Mương Trâu 1	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 29' 53"	105° 39' 50"	10° 30' 11"	105° 40' 33"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
rạch Mương Trâu 2	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 27' 58"	105° 42' 03"	10° 29' 09"	105° 42' 21"	C-48-44-A-b
rạch Mương Trâu - Mười Cồ	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 28' 31"	105° 40' 23"	10° 29' 04"	105° 40' 47"	C-48-44-A-b
rạch Mương Trâu - Ông Tơ	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 28' 44"	105° 40' 19"	10° 29' 47"	105° 41' 17"	C-48-44-A-b
Rạch Sộp 1	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 28' 01"	105° 41' 00"	10° 30' 35"	105° 41' 33"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
Rạch Sộp 2	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 28' 52"	105° 40' 16"	10° 29' 23"	105° 40' 53"	C-48-44-A-b
rạch Trà Bông	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 28' 11"	105° 42' 09"	10° 28' 56"	105° 42' 48"	C-48-44-A-b
rạch Xẻo Giáo	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 27' 03"	105° 42' 15"	10° 28' 11"	105° 42' 09"	C-48-44-A-b
rạch Xẻo Hậu	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 29' 35"	105° 39' 50"	10° 30' 03"	105° 40' 37"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Xẻo Sình	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 28' 00"	105° 41' 08"	10° 30' 34"	105° 41' 56"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
sông Cần Lố	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 31' 56"	105° 38' 33"	10° 26' 40"	105° 40' 40"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
sông Quảng Khánh	TV	xã Nhị Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 28' 19"	105° 38' 06"	10° 29' 29"	105° 39' 16"	C-48-44-A-b
Ấp 1	DC	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 31' 05"	105° 33' 41"					C-48-32-C-c
Ấp 2	DC	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 31' 10"	105° 33' 49"					C-48-32-C-c
Ấp 3	DC	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 31' 13"	105° 34' 36"					C-48-32-C-c
Ấp 4	DC	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 32' 02"	105° 35' 05"					C-48-32-C-c
Ấp 5	DC	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 32' 04"	105° 35' 50"					C-48-32-C-c
Ấp 6	DC	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 32' 39"	105° 34' 35"					C-48-32-C-c
Ấp 7	DC	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 32' 58"	105° 35' 20"					C-48-32-C-c
Quốc lộ 30	KX	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-32-C-c
Đường tỉnh 846	KX	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 31' 37"	105° 43' 19"	10° 30' 53"	105° 33' 37"	C-48-32-C-c C-48-32-C-d
cầu Ông Kho	KX	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 30' 36"	105° 33' 42"					C-48-32-C-c
cầu Phong Mỹ	KX	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 31' 04"	105° 33' 26"					C-48-32-C-c
cầu Trâu Trắng	KX	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 30' 53"	105° 33' 03"					C-48-32-C-c
chùa Phong Hòa	KX	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 30' 47"	105° 33' 56"					C-48-32-C-c
đường tránh Quốc lộ 30	KX	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 27' 04"	105° 39' 56"	10° 30' 59"	105° 33' 34"	C-48-44-A-b
nhà thờ công giáo Phong Mỹ	KX	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 31' 15"	105° 33' 35"					C-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thánh thất họ đạo Phong Mỹ	KX	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh	10° 30' 47"	105° 33' 40"					C-48-32-C-c
kênh Bà Bạch	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 36' 34"	105° 36' 32"	10° 32' 37"	105° 36' 43"	C-48-32-C-c
kênh Bà Chủ	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 34' 35"	105° 37' 21"	10° 33' 27"	105° 35' 39"	C-48-32-C-c
kênh Bảy Thước	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 33' 27"	105° 35' 39"	10° 33' 28"	105° 34' 47"	C-48-32-C-c
kênh Bình Thành 4	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 39' 02"	105° 35' 17"	10° 34' 02"	105° 34' 59"	C-48-32-C-c
kênh Cả Đức	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 30' 58"	105° 36' 36"	10° 33' 41"	105° 37' 20"	C-48-32-C-c
kênh Cái Bí	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 30' 40"	105° 33' 30"	10° 31' 49"	105° 36' 32"	C-48-32-C-c
kênh Cái Bứa	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 32' 06"	105° 34' 47"	10° 33' 58"	105° 35' 53"	C-48-32-C-c
kênh Hội Đồng Phu	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 33' 31"	105° 35' 24"	10° 34' 36"	105° 36' 36"	C-48-32-C-c
kênh Kháng Chiến	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 41' 12"	105° 26' 07"	10° 33' 01"	105° 34' 32"	C-48-32-C-c
kênh Mới Đào	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 31' 58"	105° 33' 59"	10° 32' 11"	105° 33' 49"	C-48-32-C-c
kênh Nhà Hay	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 32' 06"	105° 34' 25"	10° 34' 02"	105° 34' 59"	C-48-32-C-c
kênh Ông Kho	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 30' 33"	105° 33' 23"	10° 31' 28"	105° 37' 09"	C-48-32-C-c
kênh Quản Lưu	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 32' 26"	105° 36' 40"	10° 33' 03"	105° 35' 21"	C-48-32-C-c
kênh ranh Thanh Bình - Cao Lãnh	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 34' 27"	105° 35' 00"	10° 32' 11"	105° 33' 49"	C-48-32-C-a
kênh Tháp Mười	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 30' 56"	105° 33' 21"	10° 31' 27"	105° 50' 28"	C-48-32-C-c
kênh Trâm Bầu	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 34' 58"	105° 35' 16"	10° 34' 02"	105° 34' 59"	C-48-32-C-c
ngọn Nhà Xuyến	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 32' 21"	105° 34' 21"	10° 32' 56"	105° 34' 28"	C-48-32-C-c
rạch Cá Rô	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 33' 27"	105° 35' 39"	10° 33' 16"	105° 38' 01"	C-48-32-C-c
rạch Trâu Trắng	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 32' 06"	105° 34' 25"	10° 30' 47"	105° 33' 34"	C-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Tiền	TV	xã Phong Mỹ	H. Cao Lãnh			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-32-C-c
Ấp 1	DC	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh	10° 36' 25"	105° 39' 21"					C-48-32-C-d
Ấp 2	DC	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh	10° 37' 26"	105° 39' 37"					C-48-32-C-d
Ấp 3	DC	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh	10° 37' 05"	105° 40' 55"					C-48-32-C-d
Ấp 4	DC	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh	10° 35' 43"	105° 40' 45"					C-48-32-C-d
Ấp 5	DC	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh	10° 35' 50"	105° 39' 20"					C-48-32-C-d
Ấp 6	DC	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh	10° 33' 58"	105° 39' 12"					C-48-32-C-d
Ấp 7	DC	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh	10° 34' 28"	105° 40' 03"					C-48-32-C-d
kênh An Phong - Mỹ Hòa	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 37' 07"	105° 24' 43"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-32-C-d
kênh Bà Liễu	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 34' 47"	105° 39' 16"	10° 36' 18"	105° 39' 47"	C-48-32-C-d
kênh Cả Mát	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 31' 56"	105° 38' 37"	10° 32' 58"	105° 38' 15"	C-48-32-C-d
kênh Công Sự	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 36' 20"	105° 39' 27"	10° 39' 34"	105° 40' 01"	C-48-32-C-d
Kênh Giữa	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 36' 22"	105° 38' 57"	10° 39' 34"	105° 39' 30"	C-48-32-C-b C-48-32-C-d
kênh Hai Hiển	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 33' 17"	105° 38' 01"	10° 36' 22"	105° 38' 57"	C-48-32-C-d
kênh Hai Ngộ	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 31' 55"	105° 39' 28"	10° 37' 32"	105° 39' 58"	C-48-32-C-d
Kênh Hội	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 34' 14"	105° 40' 35"	10° 34' 13"	105° 40' 48"	C-48-32-C-d
kênh Hội Kỳ Nhì	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 37' 02"	105° 40' 55"	10° 39' 06"	105° 46' 22"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a C-48-32-C-d
kênh Kỳ Son	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 34' 13"	105° 41' 03"	10° 37' 18"	105° 41' 34"	C-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Lô 7	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 36' 20"	105° 39' 27"	10° 36' 39"	105° 38' 57"	C-48-32-C-d
kênh Máy Đèn	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 33' 55"	105° 38' 22"	10° 36' 20"	105° 39' 27"	C-48-32-C-d
kênh Ông Cả	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 33' 47"	105° 40' 32"	10° 31' 54"	105° 40' 07"	C-48-32-C-d
kênh Ông Huyện	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 33' 04"	105° 38' 17"	10° 34' 30"	105° 39' 35"	C-48-32-C-d
Kênh Ranh	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 37' 21"	105° 41' 40"	10° 38' 52"	105° 40' 38"	C-48-32-C-d
kênh Tây Cập	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 36' 14"	105° 40' 51"	10° 38' 58"	105° 41' 23"	C-48-32-C-d
kênh Tây Xếp	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 33' 47"	105° 40' 32"	10° 36' 14"	105° 40' 51"	C-48-32-C-d
kênh Thầy Thuốc	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 32' 54"	105° 38' 28"	10° 38' 52"	105° 40' 38"	C-48-32-C-d
kênh Thầy Thuốc	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 32' 54"	105° 38' 28"	10° 38' 52"	105° 40' 38"	C-48-32-C-d
kênh xáng Mới	TV	xã Phương Thịnh	H. Cao Lãnh			10° 37' 32"	105° 39' 58"	10° 39' 34"	105° 40' 08"	C-48-32-C-b
Ấp 1	DC	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh	10° 30' 55"	105° 39' 09"					C-48-32-C-d
Ấp 2	DC	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh	10° 30' 49"	105° 38' 20"					C-48-32-C-d
Ấp 3	DC	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh	10° 31' 54"	105° 38' 53"					C-48-32-C-d
Ấp 4	DC	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh	10° 31' 52"	105° 39' 44"					C-48-32-C-d
Ấp 5	DC	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh	10° 30' 39"	105° 39' 22"					C-48-32-C-d
Ấp 6	DC	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh	10° 31' 01"	105° 40' 08"					C-48-32-C-d
Đường tỉnh 846	KX	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh			10° 31' 37"	105° 43' 19"	10° 30' 53"	105° 33' 37"	C-48-32-C-d
Đường tỉnh 856	KX	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh			10° 27' 45"	105° 38' 33"	10° 31' 43"	105° 39' 30"	C-48-32-C-d
cầu Ba Sao Cụt	KX	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh	10° 31' 42"	105° 40' 14"					C-48-32-C-d
cầu Cả Oanh	KX	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh	10° 30' 17"	105° 39' 19"					C-48-32-C-d
cầu Nguyễn Văn Tiếp	KX	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh	10° 31' 55"	105° 39' 29"					C-48-32-C-d
cầu Thống Linh	KX	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh	10° 31' 47"	105° 38' 38"					C-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cống Đập Đá	TV	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh	10° 31' 44"	105° 39' 29"					C-48-32-C-d
kênh Ngưu Sơn	TV	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh			10° 31' 38"	10° 53' 83"	10° 31' 41"	105° 40' 14"	C-48-32-C-d
kênh Nguyễn Văn Tiếp	TV	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh			10° 31' 58"	105° 38' 28"	10° 31' 45"	105° 43' 19"	C-48-32-C-d
kênh Xẻo Dép	TV	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh			10° 31' 55"	105° 39' 28"	10° 30' 59"	105° 39' 11"	C-48-32-C-d
rạch Cả Môn	TV	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh			10° 29' 59"	105° 38' 05"	10° 29' 44"	105° 39' 46"	C-48-32-C-d C-48-44-A-b
rạch Cả Nổ	TV	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh			10° 31' 42"	105° 39' 43"	10° 31' 27"	105° 40' 07"	C-48-32-C-d
rạch Cả Oanh	TV	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh			10° 29' 59"	105° 38' 05"	10° 31' 16"	105° 38' 45"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
rạch Cái Tre	TV	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh			10° 30' 00"	105° 39' 54"	10° 30' 34"	105° 41' 56"	C-48-32-C-d
rạch Mương Trâu	TV	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh			10° 30' 49"	105° 39' 54"	10° 30' 11"	105° 39' 44"	C-48-32-C-d
sông Ba Sao Cụt	TV	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh			10° 30' 42"	105° 39' 25"	10° 31' 52"	105° 40' 17"	C-48-32-C-d
sông Cần Lố	TV	xã Phương Trà	H. Cao Lãnh			10° 31' 56"	105° 38' 33"	10° 26' 40"	105° 40' 40"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
Ấp 1	DC	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh	10° 26' 46"	105° 45' 04"					C-48-44-B-a
Ấp 2	DC	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh	10° 28' 36"	105° 45' 19"					C-48-44-B-a
Ấp 3	DC	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh	10° 26' 50"	105° 46' 32"					C-48-44-B-a
Ấp 4	DC	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh	10° 26' 39"	105° 45' 36"					C-48-44-B-a
Ấp 5	DC	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh	10° 25' 01"	105° 46' 37"					C-48-44-B-a
Ấp 6	DC	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh	10° 26' 52"	105° 47' 33"					C-48-44-B-a
Đường tỉnh 850	KX	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 31' 24"	105° 48' 21"	10° 18' 44"	105° 46' 08"	C-48-44-B-a
cầu K1	KX	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh	10° 26' 54"	105° 47' 39"					C-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu K6	KX	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh	10° 27' 27"	105° 47' 45"					C-48-44-B-a
cầu Kênh Ranh	KX	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh	10° 28' 15"	105° 47' 52"					C-48-44-B-a
nhà thờ công giáo Tân Hội Trung	KX	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh	10° 27' 46"	105° 45' 11"					C-48-44-B-a
kênh Ba Tâm	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 26' 09"	105° 47' 29"	10° 26' 53"	105° 47' 30"	C-48-44-B-a
kênh Bảy Thước	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 29' 29"	105° 45' 23"	10° 28' 15"	105° 48' 58"	C-48-44-B-a
kênh Cái Bèo	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 26' 49"	105° 45' 07"	10° 31' 40"	105° 45' 36"	C-48-44-B-a
kênh Hai Dao	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 27' 27"	105° 48' 08"	10° 28' 08"	105° 48' 35"	C-48-44-B-a
kênh Hội Đồng Tường	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 21' 20"	105° 48' 54"	10° 26' 50"	105° 45' 27"	C-48-44-B-a
kênh K Đông	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 26' 43"	105° 49' 10"	10° 28' 15"	105° 49' 15"	C-48-44-B-a
kênh K Tây	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 27' 22"	105° 45' 46"	10° 30' 32"	105° 46' 04"	C-48-44-B-a
kênh K3	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 28' 49"	105° 45' 19"	10° 28' 48"	105° 49' 24"	C-48-44-B-a
kênh K4	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 28' 17"	105° 45' 16"	10° 28' 15"	105° 49' 15"	C-48-44-B-a
kênh K5	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 26' 13"	105° 46' 02"	10° 25' 55"	105° 46' 50"	C-48-44-B-a
kênh K6	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 27' 20"	105° 45' 10"	10° 27' 29"	105° 49' 12"	C-48-44-B-a
kênh Láng Biển	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 26' 53"	105° 47' 30"	10° 30' 28"	105° 47' 58"	C-48-44-B-a
kênh Ông Cá	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 26' 16"	105° 45' 03"	10° 26' 47"	105° 44' 29"	C-48-44-B-a
kênh Rạch Cái	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 25' 03"	105° 46' 34"	10° 24' 55"	105° 46' 32"	C-48-44-B-a
Kênh Ranh	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 25' 03"	105° 46' 34"	10° 26' 53"	105° 47' 12"	C-48-44-B-a
kênh Số 1	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 26' 42"	105° 42' 15"	10° 26' 43"	105° 49' 10"	C-48-44-A-b C-48-44-B-a
kênh Thầy Ban	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 26' 43"	105° 45' 31"	10° 26' 24"	105° 46' 59"	C-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh xáng Mới	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 26' 47"	105° 44' 05"	10° 27' 11"	105° 44' 08"	C-48-44-A-b
rạch Xẻo Muồng	TV	xã Tân Hội Trung	H. Cao Lãnh			10° 21' 41"	105° 46' 49"	10° 26' 09"	105° 47' 29"	C-48-44-B-a
Ấp 1	DC	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh	10° 32' 00"	105° 38' 00"					C-48-32-C-d
Ấp 2	DC	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh	10° 31' 55"	105° 38' 23"					C-48-32-C-d
Ấp 3	DC	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh	10° 31' 18"	105° 36' 30"					C-48-32-C-c
Ấp 4	DC	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh	10° 30' 50"	105° 35' 41"					C-48-32-C-c
Đường tỉnh 846	KX	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 31' 37"	105° 43' 19"	10° 30' 53"	105° 33' 37"	C-48-32-C-c C-48-32-C-d
cầu Tư Tình	KX	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh	10° 31' 38"	105° 38' 08"					C-48-32-C-d
kênh Bà Học	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 29' 24"	105° 37' 03"	10° 30' 29"	105° 37' 56"	C-48-32-C-d C-48-44-A-a C-48-44-A-b
kênh Cả Đức	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 30' 58"	105° 36' 36"	10° 33' 41"	105° 37' 20"	C-48-32-C-c
kênh Cả Mát	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 31' 56"	105° 38' 37"	10° 32' 58"	105° 38' 15"	C-48-32-C-d
kênh Cái Bí	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 30' 40"	105° 33' 30"	10° 31' 49"	105° 36' 32"	C-48-32-C-c
sông Cần Lố	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 31' 56"	105° 38' 33"	10° 26' 40"	105° 40' 40"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
kênh Đui Sơn	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 31' 28"	105° 37' 09"	10° 31' 38"	105° 38' 36"	C-48-32-C-c C-48-32-C-d
kênh Gáo Giồng	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 33' 17"	105° 38' 01"	10° 40' 00"	105° 38' 36"	C-48-32-C-b C-48-32-C-d
Kênh Ngang	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 30' 38"	105° 35' 50"	10° 31' 26"	105° 37' 16"	C-48-32-C-c
kênh Ngọn Ngả Đồng	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 31' 57"	105° 38' 28"	10° 33' 16"	105° 38' 01"	C-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Nhỏ	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 31' 04"	105° 38' 24"	10° 31' 28"	105° 37' 09"	C-48-32-C-c C-48-32-C-d
Kênh Nhỏ	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 31' 04"	105° 38' 24"	10° 31' 28"	105° 37' 09"	C-48-32-C-d
kênh Ông Kho	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 30' 33"	105° 33' 23"	10° 31' 28"	105° 37' 09"	C-48-32-C-c
kênh Tháp Mười	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 30' 56"	105° 33' 21"	10° 31' 27"	105° 50' 28"	C-48-32-C-c C-48-32-C-d
kênh Tư Tình	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 31' 12"	105° 37' 59"	10° 31' 56"	105° 38' 13"	C-48-32-C-d
kênh Vạn Thọ	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 29' 22"	105° 36' 00"	10° 30' 58"	105° 36' 36"	C-48-32-C-c
rạch Bà Phủ	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 32' 59"	105° 38' 14"	10° 32' 29"	105° 36' 41"	C-48-32-C-c C-48-32-C-d
rạch Cả Cái	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 30' 38"	105° 35' 35"	10° 30' 12"	105° 36' 30"	C-48-32-C-c
rạch Cả Gừa	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 30' 51"	105° 35' 16"	10° 30' 38"	105° 35' 35"	C-48-32-C-c
rạch Cả Oanh	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 29' 59"	105° 38' 05"	10° 31' 16"	105° 38' 45"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
rạch Cá Rô	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 33' 27"	105° 35' 39"	10° 33' 16"	105° 38' 01"	C-48-32-C-c C-48-32-C-d
rạch Ngả Đồng	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 32' 02"	105° 38' 25"	10° 32' 31"	105° 37' 33"	C-48-32-C-d
rạch Ông Phủ	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 30' 01"	105° 37' 09"	10° 31' 14"	105° 37' 10"	C-48-32-C-c
rạch Trình Trải	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 30' 13"	105° 37' 43"	10° 30' 29"	105° 37' 56"	C-48-32-C-d
khóm Phú Bình	DC	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 12"	105° 51' 48"					C-48-44-B-c
khóm Phú Hòa	DC	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 43"	105° 52' 01"					C-48-44-B-c
khóm Phú Hưng	DC	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 32"	105° 52' 46"					C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm Phú Mỹ	DC	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 47"	105° 52' 28"					C-48-44-B-c
khóm Phú Mỹ Hiệp	DC	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 32"	105° 52' 10"					C-48-44-B-c
khóm Phú Mỹ Lương	DC	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 14' 59"	105° 52' 48"					C-48-44-B-c
khóm Phú Mỹ Thành	DC	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 13"	105° 52' 08"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 80	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-B-c C-48-44-B-d
Đường tỉnh 854	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành			10° 16' 16"	105° 49' 44"	10° 15' 39"	105° 52' 07"	C-48-44-B-c C-48-44-D-a
cầu Bà Nhưng	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 28"	105° 52' 05"					C-48-44-B-c
cầu Cái Gia Nhỏ	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 45"	105° 52' 39"					C-48-44-B-d
cầu Cái Tàu Hạ	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 39"	105° 52' 03"					C-48-44-B-c
cầu Xẻo Trầu	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 14' 54"	105° 51' 58"					C-48-44-D-a
chùa Hội An	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 32"	105° 51' 50"					C-48-44-B-c
chùa Phổ Minh	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 25"	105° 52' 12"					C-48-44-B-c
chùa Phước Hòa Ni	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 31"	105° 51' 52"					C-48-44-B-c
chùa Phước Long	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 43"	105° 52' 11"					C-48-44-B-c
chùa Phước Sanh	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 51"	105° 52' 18"					C-48-44-B-c
chùa Tân Hòa	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 39"	105° 52' 28"					C-48-44-B-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Phú Hựu	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 52"	105° 52' 05"					C-48-44-B-c
hội quán Hưng Hựu Tự	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 44"	105° 52' 04"					C-48-44-B-c
miếu Quan Thánh	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 38"	105° 52' 01"					C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ công giáo Cái Tàu Hạ	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 10"	105° 51' 56"					C-48-44-B-c
nhà thờ tin lành Cái Tàu Hạ	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 38"	105° 52' 14"					C-48-44-B-c
thánh thất cao đài Ban Chỉnh đạo Họ đạo thị trấn Cái Tàu Hạ	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 48"	105° 52' 10"					C-48-44-B-c
thánh thất Tây Thiên	KX	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành	10° 15' 44"	105° 51' 44"					C-48-44-B-c
rạch Cái Gia Nhỏ	TV	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành			10° 15' 51"	105° 52' 33"	10° 15' 17"	105° 52' 57"	C-48-44-B-d C-48-44-D-b
rạch Xẻo Trầu	TV	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành			10° 14' 23"	105° 52' 58"	10° 14' 54"	105° 51' 56"	C-48-44-B-c C-48-44-B-d C-48-44-D-a C-48-44-D-b
rạch Xóm Cưỡi	TV	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành			10° 14' 19"	105° 50' 55"	10° 15' 04"	105° 51' 54"	C-48-44-B-c C-48-44-D-a
sông Cái Tàu	TV	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành			10° 12' 57"	105° 51' 11"	10° 15' 53"	105° 52' 08"	C-48-44-B-c C-48-44-D-a
sông Sa Đéc	TV	TT. Cái Tàu Hạ	H. Châu Thành			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-B-c C-48-44-B-d
ấp An Hòa	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 17' 12"	105° 49' 29"					C-48-44-B-c
ấp An Thạnh	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 16' 55"	105° 47' 35"					C-48-44-B-c
ấp An Thuận	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 17' 00"	105° 46' 57"					C-48-44-B-c
ấp Tân Hòa	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 17' 22"	105° 50' 10"					C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Thạnh	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 17' 03"	105° 48' 47"					C-48-44-B-c
cầu Cái Đôi	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 17' 17"	105° 46' 35"					C-48-44-B-c
chùa Giác Bửu	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 17' 17"	105° 49' 05"					C-48-44-B-c
chùa Giác Đạo	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 17' 17"	105° 49' 15"					C-48-44-B-c
chùa Giác Tâm	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 16' 57"	105° 49' 40"					C-48-44-B-c
chùa Giác Vương	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 16' 52"	105° 48' 35"					C-48-44-B-c
chùa Liên Hương	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 17' 03"	105° 50' 26"					C-48-44-B-c
chùa Phước Châu	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 16' 47"	105° 47' 49"					C-48-44-B-c
chùa Thường Quang	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 17' 23"	105° 50' 14"					C-48-44-B-c
chùa Trúc Lâm	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 16' 45"	105° 47' 52"					C-48-44-B-c
đình Hội Xuân	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 17' 02"	105° 50' 27"					C-48-44-B-c
đình Tân Lễ	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 17' 16"	105° 49' 15"					C-48-44-B-c
tuyến đò Cò Chõi	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 16' 30"	105° 48' 11"					C-48-44-B-c
tuyến đò Tân Lễ	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 16' 46"	105° 49' 36"					C-48-44-B-c
tuyến đò Tứ Phước	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 16' 37"	105° 48' 54"					C-48-44-B-c
tuyến đò Xẻo Vạt	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10° 16' 46"	105° 46' 58"					C-48-44-B-c
rạch Cả Hôm	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10° 16' 58"	105° 50' 04"	10° 17' 42"	105° 49' 26"	C-48-44-B-c
rạch Cái Tắc	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10° 17' 37"	105° 48' 44"	10° 16' 49"	105° 49' 31"	C-48-44-B-c
rạch Cái Tôm Ngang	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10° 17' 06"	105° 47' 15"	10° 16' 44"	105° 47' 06"	C-48-44-B-c
rạch Cái Tôm Xuôi	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10° 17' 06"	105° 47' 19"	10° 16' 33"	105° 48' 07"	C-48-44-B-c
rạch Hội Xuân	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10° 17' 40"	105° 50' 06"	10° 16' 59"	105° 50' 31"	C-48-44-B-c
rạch Ngã Cại	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10° 16' 33"	105° 48' 15"	10° 16' 52"	105° 48' 51"	C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ngã Quốc	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10° 17' 30"	105° 48' 15"	10° 16' 45"	105° 49' 12"	C-48-44-B-c
rạch Nghi Phụng	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10° 17' 41"	105° 49' 12"	10° 16' 56"	105° 49' 56"	C-48-44-B-c
rạch Trảng Muống	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10° 17' 43"	105° 49' 36"	10° 16' 58"	105° 50' 08"	C-48-44-B-c
sông Sa Đéc	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-B-c
Sông Tiền	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-B-c
ấp An Bình	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 11' 44"	105° 50' 35"					C-48-44-D-a
ấp An Hòa	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 11' 59"	105° 51' 09"					C-48-44-D-a
ấp An Hưng	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 12' 45"	105° 51' 05"					C-48-44-D-a
ấp An Lợi	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 13' 51"	105° 50' 23"					C-48-44-D-a
ấp An Ninh	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 13' 21"	105° 52' 01"					C-48-44-D-a
ấp An Phú	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 11' 27"	105° 51' 58"					C-48-44-D-a
ấp An Thái	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 12' 06"	105° 52' 02"					C-48-44-D-a
Đường tỉnh 854	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 16' 16"	105° 49' 44"	10° 15' 39"	105° 52' 07"	C-48-44-D-a
cầu Hội Đồng	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 11' 36"	105° 50' 30"					C-48-44-D-a
cầu Mương Ranh ngoài	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 12' 34"	105° 51' 03"					C-48-44-D-a
cầu Mương Ranh trong	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 12' 01"	105° 50' 43"					C-48-44-D-a
cầu Mương Trâu	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 12' 47"	105° 51' 10"					C-48-44-D-a
cầu Ngã Nhỏ	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 12' 27"	105° 50' 58"					C-48-44-D-a
cầu Thầy Năm	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 11' 02"	105° 50' 10"					C-48-44-D-a
cầu Thầy Tám	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 11' 19"	105° 50' 20"					C-48-44-D-a
chùa An Phước	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 13' 31"	105° 51' 58"					C-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ công giáo Nhơn Lương	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành	10° 13' 44"	105° 50' 40"					C-48-44-D-a
Kênh 26 Tháng 3	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 09' 20"	105° 52' 07"	10° 10' 03"	105° 52' 20"	C-48-44-D-a
kênh Bà Khạo	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 10' 54"	105° 51' 22"	10° 11' 43"	105° 50' 33"	C-48-44-D-a
Kênh Chà	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 09' 03"	105° 50' 50"	10° 12' 47"	105° 51' 09"	C-48-44-D-a
kênh Cơ Nhì	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 10' 11"	105° 52' 06"	10° 10' 59"	105° 52' 32"	C-48-44-D-a C-48-44-D-b
kênh Cườm Nga	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 09' 20"	105° 52' 07"	10° 09' 30"	105° 51' 45"	C-48-44-D-a
kênh Hai Chuối	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 09' 34"	105° 52' 12"	10° 09' 44"	105° 51' 47"	C-48-44-D-a
kênh Hội Đồng	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 10' 54"	105° 51' 15"	10° 11' 36"	105° 50' 29"	C-48-44-D-a
Kênh Lấp	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 10' 43"	105° 51' 16"	10° 11' 29"	105° 50' 25"	C-48-44-D-a
Kênh Mới	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 12' 43"	105° 52' 04"	10° 09' 21"	105° 51' 44"	C-48-44-D-a
kênh Tám Sét	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 11' 52"	105° 52' 00"	10° 11' 40"	105° 52' 29"	C-48-44-D-a
kênh Thầy Năm	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 10' 10"	105° 51' 07"	10° 11' 02"	105° 50' 10"	C-48-44-D-a
kênh Thầy Tám	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 10' 33"	105° 51' 14"	10° 11' 20"	105° 50' 19"	C-48-44-D-a
kênh Xẻo Lò	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 12' 00"	105° 52' 54"	10° 13' 50"	105° 52' 36"	C-48-44-D-b
Mương Dâu	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 13' 20"	105° 52' 28"	10° 13' 22"	105° 51' 59"	C-48-44-D-a
Mương Khai	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 12' 45"	105° 52' 31"	10° 12' 47"	105° 52' 03"	C-48-44-D-a C-48-44-D-b
mương Ranh ngoài	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 12' 06"	105° 51' 39"	10° 12' 35"	105° 51' 02"	C-48-44-D-a
mương Ranh trong	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 11' 25"	105° 51' 17"	10° 12' 01"	105° 50' 43"	C-48-44-D-a
rạch Ba Điếc	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 11' 08"	105° 52' 27"	10° 11' 21"	105° 51' 56"	C-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Tơ	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 11' 19"	105° 49' 52"	10° 11' 11"	105° 50' 13"	C-48-44-D-a
rạch Bà Văn	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 12' 08"	105° 49' 58"	10° 12' 52"	105° 50' 33"	C-48-44-D-a
rạch Cả Trinh	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 11' 37"	105° 51' 58"	10° 11' 23"	105° 52' 53"	C-48-44-D-a C-48-44-D-b
rạch Cây Sộp	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 13' 33"	105° 52' 32"	10° 13' 34"	105° 52' 12"	C-48-44-D-a C-48-44-D-b
rạch Cây Tràm	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 12' 58"	105° 52' 30"	10° 12' 57"	105° 52' 01"	C-48-44-D-a C-48-44-D-b
Rạch Chùa	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 13' 36"	105° 49' 12"	10° 13' 57"	105° 50' 16"	C-48-44-D-a
rạch Đìa Cá Trê	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 12' 43"	105° 52' 04"	10° 12' 26"	105° 52' 51"	C-48-44-D-a
rạch Đìa Rúng	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 12' 26"	105° 52' 03"	10° 12' 00"	105° 52' 54"	C-48-44-D-a C-48-44-D-b
Rạch Gia	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 13' 49"	105° 50' 21"	10° 13' 21"	105° 49' 18"	C-48-44-D-a
rạch Ngõ Nhỏ	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 11' 45"	105° 51' 31"	10° 12' 27"	105° 50' 58"	C-48-44-D-a
rạch Nhân Lương	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 15' 07"	105° 50' 29"	10° 14' 30"	105° 50' 14"	C-48-44-D-a
rạch Ông Hồ	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 13' 04"	105° 52' 29"	10° 13' 08"	105° 52' 00"	C-48-44-D-a
rạch Tư Pha	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 11' 54"	105° 51' 17"	10° 12' 25"	105° 51' 31"	C-48-44-D-a
rạch Xẻo Dời	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 12' 43"	105° 52' 04"	10° 14' 07"	105° 51' 24"	C-48-44-D-a
rạch Xẻo Lá	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 13' 53"	105° 51' 03"	10° 14' 30"	105° 50' 14"	C-48-44-D-a
rạch Xẻo Mát	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 09' 46"	105° 49' 27"	10° 11' 20"	105° 50' 19"	C-48-44-D-a
rạch Xẻo Nổ	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 12' 26"	105° 51' 32"	10° 12' 57"	105° 51' 11"	C-48-44-D-a
rạch Xẻo Sâu	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 12' 52"	105° 50' 33"	10° 13' 29"	105° 50' 49"	C-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông An Khánh	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 11' 20"	105° 50' 19"	10° 12' 57"	105° 51' 11"	C-48-44-D-a
sông Cái Tàu	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10° 12' 57"	105° 51' 11"	10° 15' 53"	105° 52' 08"	C-48-44-D-a
ấp An Hòa	DC	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 16' 47"	105° 51' 20"					C-48-44-B-c
ấp An Phú	DC	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 15' 33"	105° 51' 06"					C-48-44-B-c
ấp An Thạnh	DC	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 15' 55"	105° 50' 18"					C-48-44-B-c
ấp Tân An	DC	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 17' 16"	105° 51' 44"					C-48-44-B-c
ấp Tân Hòa	DC	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 16' 22"	105° 52' 46"					C-48-44-B-d
ấp Tân Phú	DC	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 16' 02"	105° 51' 15"					C-48-44-B-c
ấp Tân Thạnh	DC	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 16' 25"	105° 50' 38"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 80	KX	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-B-c
cầu Cái Xếp	KX	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 16' 01"	105° 50' 28"					C-48-44-B-c
cầu Mù U	KX	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 15' 49"	105° 51' 17"					C-48-44-B-c
chùa Hồng Phước	KX	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 15' 38"	105° 51' 11"					C-48-44-B-c
chùa Vạn An	KX	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 15' 50"	105° 50' 19"					C-48-44-B-c
cụm công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn	KX	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 15' 51"	105° 51' 45"					C-48-44-B-c
đình Cái Xếp	KX	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 15' 51"	105° 50' 19"					C-48-44-B-c
đình Mù U	KX	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 16' 02"	105° 51' 23"					C-48-44-B-c
thánh thất họ đạo An Nhơn	KX	xã An Nhơn	H. Châu Thành	10° 16' 47"	105° 51' 45"					C-48-44-B-c
khém Ông Tà	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 16' 37"	105° 51' 19"	10° 16' 52"	105° 51' 34"	C-48-44-B-c
rạch Bà Đồ	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 15' 31"	105° 49' 55"	10° 15' 23"	105° 50' 30"	C-48-44-B-c C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bần Kiến	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 16' 48"	105° 50' 55"	10° 16' 48"	105° 50' 08"	C-48-44-B-c
rạch Cái Xếp	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 14' 30"	105° 49' 49"	10° 16' 07"	105° 51' 03"	C-48-44-B-c C-48-44-D-a
rạch Cây Xanh	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 14' 50"	105° 50' 48"	10° 14' 42"	105° 50' 22"	C-48-44-D-a
Rạch Cò	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 17' 27"	105° 50' 44"	10° 16' 52"	105° 50' 54"	C-48-44-B-c
rạch Khém Lớn	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 17' 28"	105° 50' 46"	10° 16' 32"	105° 53' 08"	C-48-44-B-c
rạch Mù U	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 15' 07"	105° 50' 29"	10° 16' 03"	105° 51' 27"	C-48-44-B-c
rạch Nhân Lương	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 15' 07"	105° 50' 29"	10° 14' 30"	105° 50' 14"	C-48-44-D-a
rạch Tắc Lớn	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 16' 07"	105° 51' 03"	10° 16' 41"	105° 51' 08"	C-48-44-B-c
rạch Thầy Dược	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 15' 22"	105° 49' 53"	10° 15' 18"	105° 50' 29"	C-48-44-B-c
rạch Xẻo Lá	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 13' 53"	105° 51' 03"	10° 14' 30"	105° 50' 14"	C-48-44-D-a
Sông Dưa	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 16' 39"	105° 49' 30"	10° 16' 02"	105° 51' 55"	C-48-44-B-c
sông Sa Đéc	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-B-c C-48-44-B-d
Sông Tiền	TV	xã An Nhơn	H. Châu Thành			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-B-c C-48-44-B-d
ấp An Thạnh	DC	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 13' 40"	105° 53' 09"					C-48-44-D-b
ấp Hòa Thạnh	DC	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 14' 22"	105° 53' 02"					C-48-44-D-b
ấp Hòa Thuận	DC	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 12' 37"	105° 53' 18"					C-48-44-D-b
ấp Phú An	DC	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 11' 58"	105° 54' 08"					C-48-44-D-b
ấp Phú Hòa	DC	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 12' 56"	105° 53' 42"					C-48-44-D-b
ấp Phú Thạnh	DC	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 13' 38"	105° 53' 54"					C-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Thuận	DC	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 11' 56"	105° 53' 11"					C-48-44-D-b
chùa Linh Sơn	KX	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 14' 04"	105° 53' 17"					C-48-44-D-b
chùa Long Môn	KX	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 14' 11"	105° 53' 44"					C-48-44-D-b
chùa Tây Trước	KX	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 13' 40"	105° 53' 51"					C-48-44-D-b
đình An Phú Thuận	KX	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 13' 51"	105° 53' 08"					C-48-44-D-b
nhà thờ công giáo An Phú Thuận	KX	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 13' 37"	105° 53' 10"					C-48-44-D-b
thánh thất An Phú Thuận	KX	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành	10° 14' 11"	105° 53' 34"					C-48-44-D-b
kênh Hàng Thẻ	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 11' 36"	105° 54' 40"	10° 12' 23"	105° 54' 57"	C-48-44-D-b
kênh Phú An	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 12' 23"	105° 54' 57"	10° 13' 11"	105° 53' 18"	C-48-44-D-b
kênh Rạch Ấp	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 13' 36"	105° 53' 11"	10° 14' 07"	105° 53' 57"	C-48-44-D-b
kênh Sáu Nam	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 11' 26"	105° 53' 46"	10° 11' 36"	105° 54' 40"	C-48-44-D-b
kênh Xẻo Lò	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 12' 00"	105° 52' 54"	10° 13' 50"	105° 52' 36"	C-48-44-D-b
rạch Ba Thưởng	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 11' 51"	105° 54' 28"	10° 12' 28"	105° 54' 40"	C-48-44-D-b
rạch Cả Trinh	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 11' 37"	105° 51' 58"	10° 11' 23"	105° 52' 53"	C-48-44-D-b
rạch Cây Gáo	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 11' 12"	105° 53' 36"	10° 11' 23"	105° 53' 14"	C-48-44-D-b
rạch Chín Ghiềng	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 11' 51"	105° 54' 14"	10° 12' 32"	105° 54' 27"	C-48-44-D-b
rạch Chín Hỷ	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 11' 57"	105° 54' 09"	10° 12' 34"	105° 54' 23"	C-48-44-D-b
rạch Đìa Rúng	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 12' 26"	105° 52' 03"	10° 12' 00"	105° 52' 54"	C-48-44-D-b
rạch Sáu Nguyên	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 12' 01"	105° 53' 59"	10° 12' 38"	105° 54' 10"	C-48-44-D-b
rạch Tư Bốn	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 12' 00"	105° 52' 54"	10° 12' 00"	105° 53' 12"	C-48-44-D-b
rạch Xẻo Củi	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 14' 23"	105° 52' 58"	10° 14' 45"	105° 53' 19"	C-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Xẻo Trầu	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 14' 23"	105° 52' 58"	10° 14' 54"	105° 51' 56"	C-48-44-D-b
rạch Xẻo Vang	TV	xã An Phú Thuận	H. Châu Thành			10° 13' 58"	105° 53' 10"	10° 14' 07"	105° 53' 57"	C-48-44-D-b
ấp Hòa An	DC	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 11' 04"	105° 48' 35"					C-48-44-D-a
ấp Hòa Bình	DC	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 12' 16"	105° 49' 08"					C-48-44-D-a
ấp Hòa Hiệp	DC	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 10' 38"	105° 49' 08"					C-48-44-D-a
ấp Hòa Hưng	DC	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 12' 28"	105° 48' 22"					C-48-44-D-a
ấp Hòa Quới	DC	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 09' 34"	105° 49' 24"					C-48-44-D-a
ấp Hòa Trung	DC	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 09' 39"	105° 48' 21"					C-48-44-D-a
cầu Bà Tơ	KX	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 11' 48"	105° 48' 59"					C-48-44-D-a
cầu Bằng Lăng	KX	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 12' 47"	105° 49' 09"					C-48-44-D-a
cầu Cống 2	KX	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 10' 32"	105° 49' 54"					C-48-44-D-a
cầu Mương Khai	KX	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 12' 11"	105° 49' 05"					C-48-44-D-a
cầu Rạch Sậy	KX	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 09' 10"	105° 49' 33"					C-48-44-D-a
cầu Xẻo Mát	KX	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 09' 46"	105° 49' 27"					C-48-44-D-a
Đường tỉnh 854	KX	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 16' 16"	105° 49' 44"	10° 15' 39"	105° 52' 07"	C-48-44-D-a
thánh thất Hòa Tân	KX	xã Hòa Tân	H. Châu Thành	10° 10' 11"	105° 48' 57"					C-48-44-D-a
Kênh Chà	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 09' 03"	105° 50' 50"	10° 12' 47"	105° 51' 09"	C-48-44-D-a
Kênh Cũ	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 10' 47"	105° 48' 33"	10° 10' 09"	105° 48' 59"	C-48-44-D-a
kênh Hai Sang	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 10' 04"	105° 50' 28"	10° 09' 20"	105° 49' 23"	C-48-44-D-a
Kênh Ngang	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 11' 30"	105° 49' 15"	10° 11' 19"	105° 49' 51"	C-48-44-D-a
kênh Ông Huyện	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 10' 07"	105° 47' 24"	10° 10' 54"	105° 48' 41"	C-48-44-D-a
kênh Tầm Vu	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 16' 09"	105° 40' 59"	10° 09' 24"	105° 47' 58"	C-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Gần	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 10' 58"	105° 49' 24"	10° 10' 32"	105° 49' 53"	C-48-44-D-a
rạch Bà Tơ	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 10' 58"	105° 49' 24"	10° 11' 48"	105° 48' 59"	C-48-44-D-a
rạch Bằng Lăng	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 11' 49"	105° 49' 58"	10° 12' 46"	105° 49' 08"	C-48-44-D-a
rạch Cống 2	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 10' 04"	105° 50' 28"	10° 10' 32"	105° 49' 53"	C-48-44-D-a
rạch Giồng Nổi	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 10' 53"	105° 46' 47"	10° 11' 42"	105° 48' 50"	C-48-44-D-a
rạch Gộc Gừa	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 12' 27"	105° 48' 02"	10° 12' 37"	105° 49' 08"	C-48-44-D-a
rạch Hòa Tân	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 11' 42"	105° 48' 50"	10° 12' 46"	105° 49' 08"	C-48-44-D-a
rạch Hòa Tân	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 11' 03"	105° 48' 38"	10° 09' 01"	105° 49' 32"	C-48-44-D-a
rạch Năm Lùng	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 11' 44"	105° 47' 55"	10° 11' 07"	105° 48' 22"	C-48-44-D-a
Rạch Nhum	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 10' 35"	105° 47' 02"	10° 11' 03"	105° 48' 38"	C-48-44-D-a
rạch Ông Ngũ	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 12' 28"	105° 48' 17"	10° 13' 07"	105° 49' 11"	C-48-44-D-a
Rạch Sậy	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 09' 03"	105° 50' 50"	10° 09' 01"	105° 49' 32"	C-48-44-D-a
rạch Xẻo Mát	TV	xã Hòa Tân	H. Châu Thành			10° 09' 46"	105° 49' 27"	10° 11' 20"	105° 50' 19"	C-48-44-D-a
ấp Phú Bình	DC	xã Phú Hựu	H. Châu Thành	10° 14' 11"	105° 52' 06"					C-48-44-D-a
ấp Phú Cường	DC	xã Phú Hựu	H. Châu Thành	10° 14' 28"	105° 51' 00"					C-48-44-D-a
ấp Phú Hưng	DC	xã Phú Hựu	H. Châu Thành	10° 14' 38"	105° 52' 06"					C-48-44-D-a
ấp Phú Long	DC	xã Phú Hựu	H. Châu Thành	10° 13' 49"	105° 51' 30"					C-48-44-D-a
ấp Phú Thạnh	DC	xã Phú Hựu	H. Châu Thành	10° 14' 13"	105° 50' 45"					C-48-44-D-a
Đường tỉnh 854	KX	xã Phú Hựu	H. Châu Thành			10° 16' 16"	105° 49' 44"	10° 15' 39"	105° 52' 07"	C-48-44-D-a
cầu Xẻo Dời	KX	xã Phú Hựu	H. Châu Thành	10° 14' 05"	105° 51' 24"					C-48-44-D-a
cầu Xẻo Lò	KX	xã Phú Hựu	H. Châu Thành	10° 14' 39"	105° 51' 55"					C-48-44-D-a
cầu Xẻo Trầu	KX	xã Phú Hựu	H. Châu Thành	10° 14' 54"	105° 51' 58"					C-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Kim Phước	KX	xã Phú Hựu	H. Châu Thành	10° 14' 51"	105° 51' 59"					C-48-44-D-a
chùa Pháp Đăng	KX	xã Phú Hựu	H. Châu Thành	10° 15' 00"	105° 51' 27"					C-48-44-D-a
kênh Xẻo Lò	TV	xã Phú Hựu	H. Châu Thành			10° 12' 00"	105° 52' 54"	10° 13' 50"	105° 52' 36"	C-48-44-D-b
rạch Bổn Đống	TV	xã Phú Hựu	H. Châu Thành			10° 13' 33"	105° 52' 32"	10° 13' 36"	105° 52' 40"	C-48-44-D-a C-48-44-D-b
rạch Xẻo Dời	TV	xã Phú Hựu	H. Châu Thành			10° 12' 43"	105° 52' 04"	10° 14' 07"	105° 51' 24"	C-48-44-D-a
rạch Xẻo Lá	TV	xã Phú Hựu	H. Châu Thành			10° 13' 53"	105° 51' 03"	10° 14' 30"	105° 50' 14"	C-48-44-D-a
rạch Xẻo Lò	TV	xã Phú Hựu	H. Châu Thành			10° 13' 50"	105° 52' 36"	10° 14' 37"	105° 51' 50"	C-48-44-D-a C-48-44-D-b
rạch Xẻo Lò	TV	xã Phú Hựu	H. Châu Thành			10° 13' 50"	105° 52' 08"	10° 14' 30"	105° 52' 07"	C-48-44-D-a
rạch Xẻo Trầu	TV	xã Phú Hựu	H. Châu Thành			10° 14' 23"	105° 52' 58"	10° 14' 54"	105° 51' 56"	C-48-44-B-c C-48-44-B-d C-48-44-D-a C-48-44-D-b
rạch Xóm Cưỡi	TV	xã Phú Hựu	H. Châu Thành			10° 14' 19"	105° 50' 55"	10° 15' 04"	105° 51' 54"	C-48-44-B-c C-48-44-D-a
sông Cái Tàu	TV	xã Phú Hựu	H. Châu Thành			10° 12' 57"	105° 51' 11"	10° 15' 53"	105° 52' 08"	C-48-44-B-c C-48-44-D-a
ấp Phú Bình	DC	xã Phú Long	H. Châu Thành	10° 15' 32"	105° 46' 52"					C-48-44-D-a
ấp Phú Hòa	DC	xã Phú Long	H. Châu Thành	10° 12' 32"	105° 47' 28"					C-48-44-D-a
ấp Phú Hội Xuân	DC	xã Phú Long	H. Châu Thành	10° 14' 20"	105° 47' 50"					C-48-44-D-a
ấp Phú Mỹ	DC	xã Phú Long	H. Châu Thành	10° 12' 46"	105° 47' 01"					C-48-44-D-a
ấp Phú Thạnh	DC	xã Phú Long	H. Châu Thành	10° 13' 51"	105° 48' 20"					C-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Phú Long	KX	xã Phú Long	H. Châu Thành	10° 14' 04"	105° 48' 10"					C-48-44-D-a
kênh Bình Tiên	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 15' 31"	105° 46' 24"	10° 13' 58"	105° 48' 08"	C-48-44-D-a
kênh Bờ Thông	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 13' 55"	105° 46' 44"	10° 13' 26"	105° 46' 10"	C-48-44-D-a
kênh Đồn Điền	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 11' 50"	105° 46' 04"	10° 13' 55"	105° 48' 04"	C-48-44-D-a
kênh Phú Thạnh	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 11' 24"	105° 46' 23"	10° 11' 54"	105° 46' 50"	C-48-44-D-a
kênh Rau Cần	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 13' 58"	105° 48' 08"	10° 12' 42"	105° 45' 26"	C-48-44-D-a
kênh Tầm Vu	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 16' 09"	105° 40' 59"	10° 09' 24"	105° 47' 58"	C-48-44-D-a
Kênh Trà	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 13' 23"	105° 45' 30"	10° 14' 06"	105° 45' 57"	C-48-44-D-a
rạch Cai Hạt	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 15' 03"	105° 47' 53"	10° 15' 00"	105° 48' 40"	C-48-44-B-c C-48-44-D-a
rạch Cống Ông Phó Miễu Trắng	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 13' 55"	105° 46' 44"	10° 14' 40"	105° 47' 19"	C-48-44-D-a
rạch Đường Voi	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 13' 51"	105° 46' 08"	10° 14' 20"	105° 46' 21"	C-48-44-D-a
rạch Ông Kế	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 12' 48"	105° 48' 18"	10° 13' 12"	105° 48' 07"	C-48-44-D-a
rạch Ông Ngũ	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 12' 28"	105° 48' 17"	10° 13' 07"	105° 49' 11"	C-48-44-D-a
rạch Phú Long	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 13' 58"	105° 48' 08"	10° 14' 11"	105° 48' 41"	C-48-44-D-a
rạch Phú Thạnh	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 11' 54"	105° 46' 50"	10° 13' 55"	105° 48' 15"	C-48-44-D-a
rạch Xẻo Ông Son	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 14' 15"	105° 47' 01"	10° 13' 48"	105° 47' 34"	C-48-44-D-a
sông Nha Mân	TV	xã Phú Long	H. Châu Thành			10° 12' 46"	105° 49' 08"	10° 16' 32"	105° 49' 40"	C-48-44-D-a
ấp An Hòa Nhất	DC	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 15"	105° 47' 24"					C-48-44-B-c
ấp An Hòa Nhì	DC	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 15"	105° 47' 43"					C-48-44-B-c
Ấp Đông	DC	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 14' 59"	105° 46' 52"					C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phú An	DC	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 11"	105° 46' 28"					C-48-44-B-c
ấp Tân An	DC	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 15' 32"	105° 46' 16"					C-48-44-D-a
Ấp Tây	DC	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 15' 01"	105° 46' 02"					C-48-44-B-c
ấp Thạnh Phú	DC	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 09"	105° 48' 20"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 80	KX	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-B-c
cầu Bà Vạch	KX	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 25"	105° 47' 58"					C-48-44-B-c
cầu Tân Xuân	KX	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 26"	105° 48' 20"					C-48-44-B-c
cầu Xã Vạt	KX	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 39"	105° 47' 06"					C-48-44-B-c
chùa Giác Tôn	KX	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 46"	105° 46' 51"					C-48-44-B-c
chùa Linh Phước	KX	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 07"	105° 46' 22"					C-48-44-B-c
chùa Phật Quang	KX	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 15' 28"	105° 45' 52"					C-48-44-B-c
đình Tân Xuân	KX	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 28"	105° 48' 23"					C-48-44-B-c
đình Xẻo Vạt	KX	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 39"	105° 47' 03"					C-48-44-B-c
tuyến đò Cò Chõi	KX	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 30"	105° 48' 11"					C-48-44-B-c
tuyến đò Xẻo Vạt	KX	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 46"	105° 46' 58"					C-48-44-B-c
tịnh xá Ngọc Thanh	KX	xã Tân Bình	H. Châu Thành	10° 16' 34"	105° 46' 34"					C-48-44-B-c
rạch Bà Khôi	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 15' 23"	105° 47' 33"	10° 16' 03"	105° 46' 11"	C-48-44-B-c
rạch Bà Tây	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 14' 05"	105° 45' 52"	10° 15' 08"	105° 45' 39"	C-48-44-D-a
rạch Bà Vạch	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 15' 46"	105° 47' 46"	10° 16' 29"	105° 47' 59"	C-48-44-B-c
rạch Cần Thơ	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 15' 00"	105° 45' 05"	10° 17' 37"	105° 46' 05"	C-48-44-B-c
rạch Cầu Xây	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 14' 45"	105° 46' 33"	10° 14' 58"	105° 45' 49"	C-48-44-D-a C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cống Ông Phó Miễu Trắng	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 13' 55"	105° 46' 44"	10° 14' 40"	105° 47' 19"	C-48-44-D-a
rạch Đường Voi	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 13' 51"	105° 46' 08"	10° 14' 20"	105° 46' 21"	C-48-44-D-a
rạch Gỗ Đền	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 15' 31"	105° 46' 24"	10° 15' 46"	105° 45' 59"	C-48-44-B-c
rạch Hai Lái	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 15' 03"	105° 47' 05"	10° 15' 23"	105° 47' 33"	C-48-44-B-c
rạch Miễu Trắng	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 14' 15"	105° 46' 58"	10° 14' 45"	105° 46' 33"	C-48-44-D-a
rạch Ngã Cạy	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 14' 57"	105° 46' 57"	10° 15' 31"	105° 46' 24"	C-48-44-D-a C-48-44-B-c
rạch Ngã Kinh	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 14' 40"	105° 47' 19"	10° 15' 31"	105° 46' 24"	C-48-44-D-a C-48-44-B-c
rạch Xẻo Lăng	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 14' 20"	105° 46' 21"	10° 14' 41"	105° 46' 04"	C-48-44-D-a
rạch Xẻo Vạt	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 15' 55"	105° 46' 51"	10° 16' 40"	105° 47' 06"	C-48-44-B-c
rạch Xóm Đồng	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 13' 51"	105° 46' 08"	10° 14' 57"	105° 45' 42"	C-48-44-D-a
sông Sa Đéc	TV	xã Tân Bình	H. Châu Thành			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-B-c C-48-44-B-d
sông Cần Lố	TV	xã Tân Nghĩa	H. Cao Lãnh			10° 31' 56"	105° 38' 33"	10° 26' 40"	105° 40' 40"	C-48-44-A-b C-48-32-C-d
ấp Phú Nhuận	DC	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 35"	105° 50' 01"					C-48-44-B-c
ấp Tân An	DC	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 13' 15"	105° 49' 18"					C-48-44-D-a
ấp Tân Bình	DC	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 15' 54"	105° 49' 39"					C-48-44-B-c
ấp Tân Hòa	DC	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 15' 58"	105° 48' 58"					C-48-44-B-c
ấp Tân Hựu	DC	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 13' 54"	105° 49' 42"					C-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Lập	DC	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 15' 46"	105° 49' 49"					C-48-44-B-c
ấp Tân Nghĩa	DC	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 13' 28"	105° 49' 15"					C-48-44-D-a
ấp Tân Thanh	DC	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 15' 16"	105° 47' 58"					C-48-44-B-c
ấp Tân Thuận	DC	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 15' 26"	105° 48' 18"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 80	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-B-c
Đường tỉnh 854	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 16' 16"	105° 49' 44"	10° 15' 39"	105° 52' 07"	C-48-44-B-c C-48-44-D-a
cầu Bà Thiên	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 15' 57"	105° 49' 15"					C-48-44-B-c
cầu Bằng Lăng	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 12' 47"	105° 49' 09"					C-48-44-D-a
cầu Cả Ngổ	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 14' 08"	105° 49' 06"					C-48-44-D-a
Cầu Chùa	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 03"	105° 49' 27"					C-48-44-B-c
cầu Nha Mân	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 18"	105° 49' 32"					C-48-44-B-c
cầu Ông Đại	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 15' 14"	105° 48' 49"					C-48-44-B-c
cầu Rạch Cầu	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 13' 11"	105° 49' 16"					C-48-44-D-a
cầu Rạch Chùa	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 13' 37"	105° 49' 12"					C-48-44-D-a
cầu Rạch Gia	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 13' 21"	105° 49' 19"					C-48-44-D-a
Cầu Xây	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 15' 47"	105° 48' 56"					C-48-44-B-c
chùa Bửu Nghiêm	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 23"	105° 49' 31"					C-48-44-B-c
chùa Chánh Giác	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 22"	105° 49' 26"					C-48-44-B-c
chùa Giác Lâm	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 17"	105° 49' 42"					C-48-44-B-c
chùa Hội Phước	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 15' 54"	105° 49' 33"					C-48-44-B-c
chùa Phước Long	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 15' 36"	105° 48' 41"					C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Tam Bảo	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 26"	105° 49' 27"					C-48-44-B-c
chùa Thiền Lâm	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 30"	105° 49' 18"					C-48-44-B-c
chùa Thiên Phước	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 14' 37"	105° 48' 53"					C-48-44-B-c
chùa Thiên Thọ	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 13' 38"	105° 49' 14"					C-48-44-D-a
đình Tân Nhuận Đông	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 28"	105° 49' 35"					C-48-44-B-c
tuyến đò Tân Lễ	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 46"	105° 49' 36"					C-48-44-B-c
tuyến đò Tứ Phước	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 37"	105° 48' 54"					C-48-44-B-c
hội quán Hưng Nhuận Tự	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 15' 18"	105° 48' 32"					C-48-44-B-c
hội quán Hưng Tân Tự	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 20"	105° 49' 26"					C-48-44-B-c
thánh thất Cao đài Tân Nhuận Đông	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 15' 40"	105° 49' 03"					C-48-44-B-c
tịnh thất Hồng Ân	KX	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 10' 24"	105° 49' 52"					C-48-44-B-c
cồn Bạch Viên	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 40"	105° 50' 13"					C-48-44-B-c
cồn Ông Bùn	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành	10° 16' 42"	105° 49' 24"					C-48-44-B-c
rạch Bà Thiên	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 15' 43"	105° 49' 29"	10° 15' 57"	105° 49' 16"	C-48-44-B-c
rạch Bà Văn	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 12' 08"	105° 49' 58"	10° 12' 52"	105° 50' 33"	C-48-44-D-a
rạch Bần Kiến	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 16' 48"	105° 50' 55"	10° 16' 48"	105° 50' 08"	C-48-44-B-c
rạch Bằng Lăng	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 11' 49"	105° 49' 58"	10° 12' 46"	105° 49' 08"	C-48-44-D-a
rạch Cả Ngổ	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 14' 08"	105° 49' 06"	10° 14' 30"	105° 49' 49"	C-48-44-D-a
rạch Cai Hạt	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 15' 03"	105° 47' 53"	10° 15' 00"	105° 48' 40"	C-48-44-B-c C-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Câu Lân	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 15' 18"	105° 47' 56"	10° 15' 12"	105° 48' 45"	C-48-44-B-c
rạch Cầu Nhỏ	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 12' 38"	105° 50' 11"	10° 12' 58"	105° 49' 42"	C-48-44-D-a
Rạch Chùa	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 13' 36"	105° 49' 12"	10° 13' 57"	105° 50' 16"	C-48-44-D-a
Rạch Gia	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 13' 49"	105° 50' 21"	10° 13' 21"	105° 49' 18"	C-48-44-D-a
rạch Hai Lái	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 15' 03"	105° 47' 05"	10° 15' 23"	105° 47' 33"	C-48-44-B-c
rạch Ông Đại	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 15' 05"	105° 49' 43"	10° 15' 14"	105° 48' 48"	C-48-44-B-c C-48-44-D-a
rạch Ông Ngũ	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 12' 28"	105° 48' 17"	10° 13' 07"	105° 49' 11"	C-48-44-D-a
rạch Ông Quảng	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 12' 54"	105° 48' 41"	10° 12' 53"	105° 49' 06"	C-48-44-D-a
rạch Ông Yên	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 15' 46"	105° 47' 46"	10° 15' 33"	105° 48' 54"	C-48-44-B-c
rạch Phú Long	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 13' 58"	105° 48' 08"	10° 14' 11"	105° 48' 41"	C-48-44-D-a
rạch Xếp Rượu	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 13' 37"	105° 48' 47"	10° 13' 40"	105° 49' 05"	C-48-44-D-a
Sông Dưa	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 16' 39"	105° 49' 30"	10° 16' 02"	105° 51' 55"	C-48-44-B-c
sông Nha Mân	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 12' 46"	105° 49' 08"	10° 16' 32"	105° 49' 40"	C-48-44-B-c C-48-44-D-a
sông Sa Đéc	TV	xã Tân Nhuận Đông	H. Châu Thành			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-B-c C-48-44-B-d
ấp Tân An	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10° 13' 19"	105° 44' 42"					C-48-44-C-b
ấp Tân Bình	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10° 13' 27"	105° 45' 19"					C-48-44-D-a
ấp Tân Hòa	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10° 12' 49"	105° 45' 16"					C-48-44-D-a
ấp Tân Thạnh	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10° 11' 40"	105° 45' 24"					C-48-44-D-a
ấp Tân Thuận	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10° 12' 15"	105° 45' 47"					C-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bà Thậm	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10° 15' 00"	105° 45' 05"	10° 11' 55"	105° 44' 47"	C-48-44-C-b
kênh Cầu Vỉ	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10° 11' 10"	105° 45' 20"	10° 11' 50"	105° 46' 04"	C-48-44-D-a
kênh Đồn Điền	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10° 11' 50"	105° 46' 04"	10° 13' 55"	105° 48' 04"	C-48-44-D-a
kênh Huyện Hàm	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10° 12' 41"	105° 45' 25"	10° 11' 03"	105° 45' 25"	C-48-44-D-a
kênh Phú Thạnh	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10° 11' 24"	105° 46' 23"	10° 11' 54"	105° 46' 50"	C-48-44-D-a
kênh Rau Cần	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10° 13' 58"	105° 48' 08"	10° 12' 42"	105° 45' 26"	C-48-44-D-a
kênh Tầm Vu	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10° 16' 09"	105° 40' 59"	10° 09' 24"	105° 47' 58"	C-48-44-C-b C-48-44-D-a
kênh Xã Hời	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10° 13' 39"	105° 44' 28"	10° 08' 33"	105° 40' 59"	C-48-44-C-b
kênh Xã Khánh	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10° 12' 41"	105° 45' 26"	10° 11' 54"	105° 44' 46"	C-48-44-C-b C-48-44-D-a
ấp Tân Hòa	DC	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 15' 10"	105° 44' 25"					C-48-44-D-a
ấp Tân Lập	DC	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 13' 14"	105° 43' 01"					C-48-44-C-b
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 13' 51"	105° 43' 52"					C-48-44-C-b
ấp Tân Mỹ	DC	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 15' 47"	105° 45' 42"					C-48-44-B-c
ấp Tân Phú	DC	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 15' 33"	105° 44' 13"					C-48-44-A-d
ấp Tân Quới	DC	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 15' 19"	105° 43' 12"					C-48-44-A-d
ấp Tân Thuận	DC	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 14' 50"	105° 45' 39"					C-48-44-D-a
Đường tỉnh 853	KX	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 17' 06"	105° 45' 59"	10° 09' 55"	105° 40' 55"	C-48-44-A-d C-48-44-B-c C-48-44-C-b
cầu Bà Nhiên	KX	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 16' 21"	105° 45' 12"					C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Cây Trác	KX	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 16' 04"	105° 44' 54"					C-48-44-A-d
cầu Cống Lở	KX	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 16' 22"	105° 45' 13"					C-48-44-B-c
cầu Năm Cừ	KX	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 15' 00"	105° 43' 55"					C-48-44-C-b
cầu Ngã Cái	KX	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 15' 18"	105° 44' 07"					C-48-44-A-d
cầu Tầm Vu	KX	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 14' 28"	105° 43' 41"					C-48-44-C-b
chùa Long Quang	KX	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 15' 15"	105° 44' 30"					C-48-44-A-d
di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Tân Phú Trung	KX	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 15' 21"	105° 44' 48"					C-48-44-A-d
di tích lịch sử Miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 13' 59"	105° 44' 15"					C-48-44-A-d
nhà thờ công giáo Tân Phú Trung	KX	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành	10° 14' 17"	105° 43' 34"					C-48-44-A-d
Kênh 26 Tháng 3	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 12' 57"	105° 42' 49"	10° 12' 22"	105° 43' 33"	C-48-44-C-b
kênh Bà Thậm	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 15' 00"	105° 45' 05"	10° 11' 55"	105° 44' 47"	C-48-44-C-b C-48-44-D-a
kênh Cần Thơ - Huyện Hàm	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 12' 42"	105° 45' 26"	10° 15' 08"	105° 45' 39"	C48-44-B-c C48-44-D-a
kênh Cây Trâm	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 14' 10"	105° 43' 29"	10° 13' 32"	105° 40' 31"	C-48-44-C-b
kênh Chà Bông	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 15' 44"	105° 43' 45"	10° 15' 58"	105° 43' 00"	C-48-44-A-d
kênh Đốc Phủ Hiền	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 17' 17"	105° 45' 45"	10° 15' 18"	105° 43' 59"	C-48-44-A-d C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Mương Khai	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 09' 50"	105° 40' 42"	10° 15' 18"	105° 43' 59"	C-48-44-A-d C-48-44-C-b
kênh Pê Lê	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 15' 18"	105° 43' 59"	10° 15' 25"	105° 41' 33"	C-48-44-A-d
kênh Tầm Vu	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 16' 09"	105° 40' 59"	10° 09' 24"	105° 47' 58"	C-48-44-C-b
Kênh Trà	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 13' 23"	105° 45' 30"	10° 14' 06"	105° 45' 57"	C-48-44-D-a
kênh Xã Hời	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 13' 39"	105° 44' 28"	10° 08' 33"	105° 40' 59"	C-48-44-C-b
rạch Bà Nhiên	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 15' 45"	105° 44' 29"	10° 15' 36"	105° 45' 48"	C-48-44-A-d C-48-44-B-c
rạch Bà Tây	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 14' 05"	105° 45' 52"	10° 15' 08"	105° 45' 39"	C-48-44-D-a C-48-44-B-c
rạch Cai Trượng	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 15' 17"	105° 44' 02"	10° 13' 53"	105° 44' 15"	C-48-44-A-d C-48-44-C-b
rạch Cần Thơ	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 15' 00"	105° 45' 05"	10° 17' 37"	105° 46' 05"	C48-44-B-c
rạch Cây Trâm	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 15' 19"	105° 43' 34"	10° 14' 45"	105° 43' 11"	C-48-44-A-d C-48-44-C-b
rạch Cây Xây	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 15' 42"	105° 45' 14"	10° 15' 06"	105° 45' 18"	C-48-44-B-c
Rạch Miễu	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 16' 28"	105° 45' 40"	10° 15' 54"	105° 46' 01"	C-48-44-B-c
rạch Năm Biết	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 15' 40"	105° 44' 22"	10° 15' 58"	105° 44' 13"	C-48-44-A-d
Rạch Nhỏ	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 15' 53"	105° 45' 13"	10° 15' 53"	105° 45' 43"	C-48-44-B-c
rạch Ông Báo	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 15' 49"	105° 45' 41"	10° 16' 05"	105° 44' 51"	C-48-44-A-d C-48-44-B-c
rạch Xóm Đồng	TV	xã Tân Phú Trung	H. Châu Thành			10° 13' 51"	105° 46' 08"	10° 14' 57"	105° 45' 42"	C-48-44-D-a
ấp Long Hậu	DC	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 47' 17"	105° 18' 03"					C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Long Hữu	DC	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 48' 23"	105° 18' 33"					C-48-31-B-c
ấp Long Phước	DC	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 47' 59"	105° 16' 40"					C-48-31-B-c
ấp Long Tả	DC	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 48' 51"	105° 18' 16"					C-48-31-B-c
ấp Long Thạnh A	DC	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 48' 29"	105° 17' 35"					C-48-31-B-c
ấp Long Thạnh B	DC	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 48' 04"	105° 18' 31"					C-48-31-B-c
tuyến đò Long Khánh - Long Thuận	KX	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 46' 57"	105° 17' 50"					C-48-31-B-c
tuyến đò Long Khánh - Số 2 Long Sơn	KX	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 48' 07"	105° 15' 37"					C-48-31-B-c
tuyến đò Long Khánh - Thường Thới Tiền	KX	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 48' 26"	105° 16' 01"					C-48-31-B-c
chùa Bảo An Tự	KX	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 48' 55"	105° 18' 35"					C-48-31-B-c
chùa Hòa Long	KX	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 47' 33"	105° 17' 15"					C-48-31-B-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Long Khánh	KX	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 47' 32"	105° 18' 24"					C-48-31-B-c
miếu Long Khương Miếu	KX	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 48' 57"	105° 18' 34"					C-48-31-B-c
miếu Ngũ Hành	KX	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự	10° 48' 02"	105° 17' 59"					C-48-31-B-c
rạch Lòng Hồ	TV	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự			10° 47' 37"	105° 16' 38"	10° 47' 13"	105° 18' 59"	C-48-31-B-c
rạch Long Khánh AB	TV	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự			10° 48' 48"	105° 17' 58"	10° 49' 03"	105° 19' 13"	C-48-31-B-c
Sông Tiền (sông Cửu Long (Mekong))	TV	xã Long Khánh A	H. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-B-c
ấp Long Bình	DC	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự	10° 48' 37"	105° 19' 37"					C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Long Châu	DC	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự	10° 47' 20"	105° 19' 18"					C-48-31-B-c
ấp Long Thái	DC	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự	10° 48' 02"	105° 19' 57"					C-48-31-B-c
Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo	KX	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự	10° 47' 20"	105° 19' 59"					C-48-31-B-c
tuyến đò Long Khánh B - An Thạnh	KX	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự	10° 48' 31"	105° 20' 01"					C-48-31-B-c
tuyến đò Long Khánh - An Lạc	KX	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự	10° 49' 11"	105° 19' 19"					C-48-31-B-c
tuyến đò Long Khánh - An Lộc	KX	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự	10° 47' 49"	105° 20' 15"					C-48-31-B-c
tuyến đò Long Khánh - Phú Thuận B	KX	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự	10° 46' 53"	105° 20' 26"					C-48-31-B-c
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự	10° 48' 23"	105° 19' 47"					C-48-31-B-c
tịnh xá Ngọc Khánh	KX	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự	10° 48' 26"	105° 19' 38"					C-48-31-B-c
rạch Lòng Hồ	TV	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự			10° 47' 37"	105° 16' 38"	10° 47' 13"	105° 18' 59"	C-48-31-B-c
rạch Long Khánh AB	TV	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự			10° 48' 48"	105° 17' 58"	10° 49' 03"	105° 19' 13"	C-48-31-B-c
Sông (sông Cửu Long (Mekong))	TV	xã Long Khánh B	H. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-B-c
ấp Long Hòa	DC	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 47' 21"	105° 15' 35"					C-48-31-B-c
ấp Long Hưng	DC	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 46' 18"	105° 15' 45"					C-48-31-B-c
ấp Long Thạnh	DC	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 46' 37"	105° 18' 52"					C-48-31-B-c
ấp Long Thới A	DC	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 46' 02"	105° 17' 31"					C-48-31-B-c
ấp Long Thới B	DC	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 45' 35"	105° 18' 13"					C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tuyến đò Long Khánh - Long Thuận	KX	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 46' 57"	105° 17' 50"					C-48-31-B-c
tuyến đò Số 3 Long Thuận	KX	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 47' 02"	105° 15' 23"					C-48-31-B-c
tuyến đò Số 5 Long Thuận	KX	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 46' 13"	105° 15' 43"					C-48-31-B-c
tuyến đò Số 9 Long Thuận	KX	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 45' 51"	105° 17' 37"					C-48-31-B-c
tuyến đò Số 10 Long Thuận	KX	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 45' 36"	105° 18' 06"					C-48-31-B-c
chùa An Hòa Tự	KX	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 47' 22"	105° 16' 12"					C-48-31-B-c
chùa Bửu Long Tự	KX	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 46' 36"	105° 19' 33"					C-48-31-B-c
chùa Quan Âm Cổ Tự	KX	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 45' 25"	105° 18' 14"					C-48-31-B-c
di tích lịch sử Đình Long Thuận	KX	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự	10° 45' 55"	105° 17' 48"					C-48-31-B-c
Kênh 17	TV	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự			10° 43' 27"	105° 20' 27"	10° 46' 51"	105° 16' 16"	C-48-31-B-c
sông Cái Vừng	TV	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự			10° 47' 39"	105° 15' 35"	10° 43' 05"	105° 20' 46"	C-48-31-B-c
Sông (sông Cửu Long (Mekong))	TV	xã Long Thuận	H. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-B-c
ấp Phú Hòa A	DC	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự	10° 44' 46"	105° 17' 51"					C-48-31-D-a
ấp Phú Hòa B	DC	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự	10° 44' 01"	105° 16' 45"					C-48-31-D-a
ấp Phú Thạnh A	DC	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự	10° 43' 10"	105° 17' 38"					C-48-31-D-a
ấp Phú Thạnh B	DC	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự	10° 43' 36"	105° 20' 05"					C-48-31-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tuyến đò Số 11	KX	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự	10° 44' 48"	105° 17' 42"					C-48-31-D-a
tuyến đò Số 15	KX	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự	10° 43' 26"	105° 16' 37"					C-48-31-D-a
tuyến đò Số 20	KX	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự	10° 43' 27"	105° 19' 42"					C-48-31-D-a
chùa Giác Quang	KX	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự	10° 43' 14"	105° 17' 28"					C-48-31-D-a
di tích lịch sử Chùa Bửu Quang	KX	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự	10° 43' 08"	105° 17' 49"					C-48-31-D-a
đình thần Phú Thuận	KX	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự	10° 44' 25"	105° 17' 13"					C-48-31-D-a
Kênh 17	TV	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự			10° 43' 27"	105° 20' 27"	10° 46' 51"	105° 16' 16"	C-48-31-B-c C-48-31-D-a
mương Chùa Lá	TV	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự			10° 43' 08"	105° 17' 27"	10° 44' 49"	105° 19' 33"	C-48-31-D-a
sông Cái Vừng	TV	xã Phú Thuận A	H. Hồng Ngự			10° 47' 39"	105° 15' 35"	10° 43' 05"	105° 20' 46"	C-48-31-B-c C-48-31-D-a
ấp Phú Lợi A	DC	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự	10° 43' 44"	105° 20' 45"					C-48-31-D-a
ấp Phú Lợi B	DC	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự	10° 45' 42"	105° 20' 48"					C-48-31-B-c
ấp Phú Trung	DC	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự	10° 42' 37"	105° 21' 21"					C-48-31-D-a
tuyến đò Mười Đẩu	KX	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự	10° 46' 46"	105° 20' 42"					C-48-31-B-c
bến phà Mương Lớn	KX	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự	10° 45' 31"	105° 21' 10"					C-48-31-B-c
chùa An Thuận Tự	KX	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự	10° 45' 03"	105° 20' 48"					C-48-31-B-c
chùa Linh Quang Tự	KX	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự	10° 46' 21"	105° 20' 30"					C-48-31-B-c
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự	10° 42' 47"	105° 21' 26"					C-48-31-B-c
tịnh xá Ngọc Thuận	KX	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự	10° 44' 19"	105° 20' 50"					C-48-31-B-c
Kênh 17	TV	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự			10° 43' 27"	105° 20' 27"	10° 46' 51"	105° 16' 16"	C-48-31-B-c C-48-31-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cái Vừng	TV	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự			10° 47' 39"	105° 15' 35"	10° 43' 05"	105° 20' 46"	C-48-31-D-a
Sông Tiền	TV	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-D-a
Sông Tiền	TV	xã Phú Thuận B	H. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-B-c C-48-31-D-a
Ấp Thị (ấp Thị Trà Dư)	DC	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự	10° 49' 34"	105° 18' 06"					C-48-31-B-c
ấp Trà Đư	DC	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự	10° 49' 40"	105° 18' 37"					C-48-31-B-c
Đường tỉnh 841 841 (liên tỉnh lộ 30)	KX	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự			10° 48' 44"	105° 20' 23"	10° 54' 46"	105° 11' 46"	C-48-31-B-c
cầu Trà Đư	KX	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự	10° 49' 46"	105° 18' 45"					C-48-31-B-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Quan Đế Miếu	KX	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự	10° 49' 45"	105° 18' 43"					C-48-31-B-c
đình thần Thường Thới	KX	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự	10° 49' 30"	105° 17' 56"					C-48-31-B-c
kênh Trà Đư (rạch Trà Dư)	TV	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự			10° 50' 40"	105° 19' 28"	10° 49' 37"	105° 18' 41"	C-48-31-B-c
kênh Tứ Thường	TV	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự			10° 52' 15"	105° 12' 21"	10° 50' 21"	105° 20' 23"	C-48-31-B-c
Mương Kinh (mương Kinh Thướng Thới)	TV	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự			10° 49' 27"	105° 17' 38"	10° 52' 52"	105° 17' 15"	C-48-31-B-c
ngọn Thông Lưu	TV	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự			10° 50' 26"	105° 19' 02"	10° 51' 20"	105° 19' 11"	C-48-31-B-c
rạch Nam Hang	TV	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự			10° 50' 33"	105° 16' 52"	10° 51' 12"	105° 17' 39"	C-48-31-B-c
rạch Thông Lưu	TV	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự			10° 50' 49"	105° 18' 01"	10° 50' 53"	105° 18' 25"	C-48-31-B-c
Sông Tiền (sông Cửu Long (Mekong))	TV	xã Thường Lạc	H. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-B-c
Ấp 1	DC	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 54' 01"	105° 11' 51"					C-48-31-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 2 (ấp Vĩnh Lạc 2)	DC	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 52' 12"	105° 12' 29"					C-48-31-A-d
Ấp 3 (ấp Vĩnh Lạc)	DC	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 51' 20"	105° 12' 47"					C-48-31-A-d
ấp Chòm Xoài	DC	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 53' 27"	105° 11' 55"					C-48-31-A-d
ấp Giồng Bàng	DC	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 53' 26"	105° 14' 16"					C-48-31-A-d
Đường tỉnh 841 (liên tỉnh lộ 30)	KX	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự			10° 48' 44"	105° 20' 23"	10° 54' 46"	105° 11' 46"	C-48-31-A-b C-48-31-A-d
cầu Kênh Cũ	KX	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 51' 08"	105° 13' 04"					C-48-31-A-d
cầu Kênh Thường Phước - Ba Nguyên	KX	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 54' 31"	105° 11' 56"					C-48-31-A-b
cầu Tứ Thường	KX	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 52' 16"	105° 12' 41"					C-48-31-A-d
chùa Phổ Minh	KX	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 52' 39"	105° 12' 32"					C-48-31-A-d
Cửa khẩu Quốc tế Thường Phước	KX	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 54' 40"	105° 11' 50"					C-48-31-A-d
tuyến đò Thường Phước - Vĩnh Xương	KX	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 53' 52"	105° 11' 19"					C-48-31-A-d
nhà thờ công giáo Thường Phước	KX	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 51' 51"	105° 12' 36"					C-48-31-A-d
cồn Số 2	TV	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự	10° 52' 18"	105° 11' 47"					C-48-31-A-d
kênh Đìa Các - Nam Hang	TV	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự			10° 53' 34"	105° 14' 56"	10° 51' 46"	105° 15' 48"	C-48-31-A-b C-48-31-B-a C-48-31-B-c
kênh Sườn 2	TV	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự			10° 53' 51"	105° 13' 05"	10° 52' 01"	105° 14' 36"	C-48-31-A-b C-48-31-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thường Phước - Ba Nguyên	TV	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự			10° 53' 47"	105° 15' 47"	10° 54' 37"	105° 11' 43"	C-48-31-A-b C-48-31-B-a
kênh Tứ Thường	TV	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự			10° 52' 15"	105° 12' 21"	10° 50' 21"	105° 20' 23"	C-48-31-A-d C-48-31-B-c
mương Kênh Cũ (kinh Thường Phước)	TV	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự			10° 51' 46"	105° 15' 10"	10° 51' 04"	105° 12' 49"	C-48-31-A-d
Sông Tiền (sông Cửu Long (Mekong))	TV	xã Thường Phước 1	H. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-A-b
Ấp 1	DC	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự	10° 50' 54"	105° 12' 59"					C-48-31-A-d
Ấp 2 (ấp An Lạc)	DC	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự	10° 49' 55"	105° 13' 28"					C-48-31-A-d
Ấp 3	DC	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự	10° 48' 54"	105° 14' 09"					C-48-31-A-d
Đường tỉnh 841 (liên tỉnh lộ 30)	KX	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự			10° 48' 44"	105° 20' 23"	10° 54' 46"	105° 11' 46"	C-48-31-A-d
cầu Kênh Cũ	KX	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự	10° 51' 08"	105° 13' 04"					C-48-31-A-d
chùa Phước Bửu Tự	KX	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự	10° 50' 26"	105° 13' 25"					C-48-31-A-d
chùa Phước Hưng	KX	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự	10° 48' 40"	105° 14' 18"					C-48-31-A-d
chùa Phước Linh	KX	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự	10° 51' 07"	105° 13' 07"					C-48-31-A-d
đình Thường Phước	KX	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự	10° 50' 49"	105° 13' 12"					C-48-31-A-d
tuyến đò Mương Miễu	KX	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự	10° 48' 28"	105° 13' 50"					C-48-31-A-d
miếu Thất Vị Nương Nương	KX	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự	10° 49' 01"	105° 13' 57"					C-48-31-A-d
kênh Tứ Thường	TV	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự			10° 52' 15"	105° 12' 21"	10° 50' 21"	105° 20' 23"	C-48-31-A-d C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
mương Kênh Cũ	TV	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự			10° 51' 46"	105° 15' 10"	10° 51' 04"	105° 12' 49"	C-48-31-A-d C-48-31-B-c
Sông Tiền	TV	xã Thường Phước 2	H. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-A-d
ấp Bình Hòa Thượng (Bào Gốc)	DC	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự	10° 53' 22"	105° 16' 18"					C-48-31-B-a
ấp Bình Hòa Trung (ấp Bình Hòa Hạ)	DC	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự	10° 53' 06"	105° 17' 12"					C-48-31-B-a
cầu Ba Nguyên	KX	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự	10° 53' 46"	105° 15' 46"					C-48-31-B-a
chợ Cả Sách	KX	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự	10° 53' 23"	105° 16' 15"					C-48-31-B-a
kênh Cả Sách (rạch Cái Sách)	TV	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự			10° 52' 24"	105° 15' 20"	10° 53' 28"	105° 16' 14"	C-48-31-B-a C-48-31-B-c
kênh Đìa Các - Nam Hang (Nam Hâng)	TV	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự			10° 53' 34"	105° 14' 56"	10° 51' 46"	105° 15' 48"	C-48-31-B-c
kênh Thường Phước - Ba Nguyên	TV	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự			10° 53' 47"	105° 15' 47"	10° 54' 37"	105° 11' 43"	C-48-31-B-a
kênh Tứ Thường	TV	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự			10° 52' 15"	105° 12' 21"	10° 50' 21"	105° 20' 23"	C-48-31-B-c
Mương Kinh (mương Kinh Thướng Thới)	TV	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự			10° 49' 27"	105° 17' 38"	10° 52' 52"	105° 17' 15"	C-48-31-B-a C-48-31-B-c
Mương Vọp	TV	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự			10° 52' 47"	105° 15' 16"	10° 53' 30"	105° 16' 11"	C-48-31-B-a
ngọn Bầu Gốc (rạch Tri Tu)	TV	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự			10° 53' 19"	105° 16' 43"	10° 51' 36"	105° 16' 25"	C-48-31-B-a C-48-31-B-c
rạch Cội Tiểu	TV	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự			10° 53' 03"	105° 17' 19"	10° 51' 24"	105° 17' 02"	C-48-31-B-a C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ngọn Vọp	TV	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự			10° 53' 32"	105° 15' 40"	10° 53' 02"	105° 15' 46"	C-48-31-B-a
rạch Ngọn Vọp	TV	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự			10° 53' 42"	105° 15' 39"	10° 53' 18"	105° 15' 57"	C-48-31-B-a
rạch Sở Thượng	TV	xã Thường Thới Hậu A	H. Hồng Ngự			10° 53' 51"	105° 15' 48"	10° 48' 36"	105° 20' 07"	C-48-31-B-a
Ấp 1 (ấp Thượng Quới)	DC	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự	10° 51' 39"	105° 19' 59"					C-48-31-B-c
Ấp 2	DC	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự	10° 50' 54"	105° 20' 18"					C-48-31-B-c
Ấp 6	DC	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự	10° 50' 52"	105° 19' 30"					C-48-31-B-c
ấp Bình Hòa Hạ	DC	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự	10° 52' 36"	105° 18' 09"					C-48-31-B-a
chợ Cầu Muống	KX	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự	10° 52' 02"	105° 19' 15"					C-48-31-B-a
chùa Thiên Đức	KX	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự	10° 51' 42"	105° 19' 55"					C-48-31-B-a
miếu bà Ấp 6	KX	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự	10° 51' 43"	105° 19' 19"					C-48-31-B-a
miếu bà Cội Đại	KX	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự	10° 52' 45"	105° 17' 51"					C-48-31-B-a
kênh Cầu Muống (rạch Trà Dư)	TV	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự			10° 50' 40"	105° 19' 28"	10° 52' 05"	105° 19' 14"	C-48-31-B-c
kênh Tứ Thường	TV	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự			10° 52' 15"	105° 12' 21"	10° 50' 21"	105° 20' 23"	C-48-31-B-c
mương Cây Dừa	TV	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự			10° 51' 58"	105° 19' 09"	10° 51' 45"	105° 18' 39"	C-48-31-B-c
Mương Kinh	TV	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự			10° 49' 27"	105° 17' 38"	10° 52' 52"	105° 17' 15"	C-48-31-B-c
Mương Lớn	TV	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự			10° 51' 02"	105° 19' 31"	10° 51' 15"	105° 20' 08"	C-48-31-B-c
mương Mười Hữu	TV	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự			10° 51' 23"	105° 18' 45"	10° 52' 08"	105° 18' 36"	C-48-31-B-c
ngọn Cả Cát (rạch Cả Cát)	TV	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự			10° 52' 22"	105° 18' 41"	10° 51' 12"	105° 17' 40"	C-48-31-B-c
ngọn Hà Lãng	TV	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự			10° 51' 54"	105° 19' 10"	10° 51' 47"	105° 18' 56"	C-48-31-B-c
ngọn Thông Lưu	TV	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự			10° 50' 26"	105° 19' 02"	10° 51' 20"	105° 19' 11"	C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Sở Thượng (sông Sở Thượng)	TV	xã Thường Thới Hậu B	H. Hồng Ngự			10° 53' 51"	105° 15' 48"	10° 48' 36"	105° 20' 07"	C-48-31-B-c
ấp Thượng 1	DC	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 48' 49"	105° 14' 43"					C-48-31-A-d
ấp Thượng 2 (Thượng Thới)	DC	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 48' 47"	105° 15' 46"					C-48-31-B-c
ấp Trung 1	DC	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 49' 10"	105° 16' 31"					C-48-31-B-c
ấp Trung 2	DC	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 49' 29"	105° 16' 58"					C-48-31-B-c
Đường tỉnh 841 (liên tỉnh lộ 30)	KX	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 48' 44"	105° 20' 23"	10° 54' 46"	105° 11' 46"	C-48-31-A-d C-48-31-B-c
Bệnh viện Đa khoa huyện Hồng Ngự	KX	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 48' 51"	105° 14' 38"					C-48-31-B-c
cầu Trung Tâm	KX	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 49' 22"	105° 16' 57"					C-48-31-B-c
cầu Út Gốc	KX	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 48' 51"	105° 14' 52"					C-48-31-A-d
chợ Thường Thới	KX	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 48' 46"	105° 14' 48"					C-48-31-B-c
chợ Trung Tâm	KX	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 49' 22"	105° 16' 54"					C-48-31-B-c
chùa Thanh Lương	KX	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 49' 27"	105° 17' 15"					C-48-31-B-c
tuyến đò Long Khánh - Thường Thới Tiền	KX	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 48' 26"	105° 16' 01"					C-48-31-B-c
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 49' 24"	105° 17' 16"					C-48-31-B-c
bến phà Hồng Ngự - Tân Châu	KX	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự	10° 48' 20"	105° 14' 50"					C-48-31-B-c
kênh Đìa Các - Nam Hang (Nam Hâng)	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 53' 34"	105° 14' 56"	10° 51' 46"	105° 15' 48"	C-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Sườn	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 51' 46"	105° 15' 47"	10° 50' 27"	105° 15' 17"	C-48-31-B-c
kênh Trung Tâm (Giồng Ô Tô)	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 49' 19"	105° 16' 58"	10° 51' 46"	105° 15' 48"	C-48-31-B-c
kênh Tứ Thường	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 52' 15"	105° 12' 21"	10° 50' 21"	105° 20' 23"	C-48-31-B-c
kênh Út Gốc	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 49' 04"	105° 14' 53"	10° 48' 39"	105° 14' 51"	C-48-31-B-c
mương Đồng Hòa	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 49' 02"	105° 15' 15"	10° 50' 27"	105° 15' 04"	C-48-31-B-c
Mương Kinh (mương Kinh Thướng Thới)	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 49' 27"	105° 17' 38"	10° 52' 52"	105° 17' 15"	C-48-31-B-c
rạch Giòng Nen	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 49' 52"	105° 14' 30"	10° 50' 07"	105° 14' 41"	C-48-31-A-d
rạch Lung Sai	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 50' 23"	105° 15' 33"	10° 50' 29"	105° 14' 53"	C-48-31-A-d C-48-31-B-c
rạch Lung Tượng	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 50' 34"	105° 16' 47"	10° 50' 23"	105° 15' 33"	C-48-31-A-d
rạch Nam Hang	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 50' 33"	105° 16' 52"	10° 51' 12"	105° 17' 39"	C-48-31-B-c
rạch Ông Tà	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 49' 04"	105° 14' 53"	10° 48' 55"	105° 15' 35"	C-48-31-A-d C-48-31-B-c
Sông Tiền (sông Cửu Long (Mekong))	TV	xã Thường Thới Tiền	H. Hồng Ngự			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-A-d C-48-31-B-c

(Xem tiếp Công báo số 717 + 718)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng